PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2017 hợp nhất Thông tư ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay

(Tiếp theo Công báo số 349 + 350)

Phần 21
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHO TÀU BAY VÀ CÁC SẢN PHẨM, THIẾT BỊ CỦA TÀU BAY

CHƯƠNG A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG
21.001 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.003 ĐỊNH NGHĨA
21.005 CÁC TỪ VIẾT TẮT
21.007 ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC
21.010 HỎNG HÓC, HOẠT ĐỘNG SAI CHỨC NĂNG VÀ LỖI CỦA SẢN PHẨM
21.013 CHỈ LỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY
21.015 PHỐI HỢP GIỮA THIẾT KẾ VÀ CHẾ TẠO
CHƯƠNG B: GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI HẠN CHẾ
21.017 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.020 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.023 NĂNG LỰC
21.025 ĐIỀU KIỆN CẤP, CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.030 CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT
21.033 CƠ SỞ CĂN CỨ CHO VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.035 CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐẶC TÍNH PHÊ CHUẨN
21.037 CÁC THAY ĐỔI YÊU CẦU PHẢI CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.040 TUÂN THỦ CÁC CƠ SỞ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
21.043 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.045 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI HẠN CHẾ
21.047 THIẾT KẾ LOẠI
21.050 KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM
21.053 THỬ NGHIỆM TRÊN KHÔNG

21.057 GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.060 NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.063 CHUYỂN GIAO
21.065 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC
21.067 LƯU GIỮ HỒ SƠ
21.070 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
21.071 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.073 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY
CHƯƠNG C: (ĐỂ TRỐNG)
CHƯƠNG D: THAY ĐỔI ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI
21.075 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.077 PHÂN LOẠI CÁC THAY ĐỔI ĐỐI VỚI THIẾT KẾ LOẠI
21.080 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.083 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN
21.085 THAY ĐỔI NHỎ
21.087 THAY ĐỔI LỚN
21.090 CÁC TÍNH NĂNG PHÊ CHUẨN VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
21.093 PHÊ CHUẨN THAY ĐỔI
21.095 LƯU GIỮ HỒ SƠ
21.097 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY
21.100 NGHĨA VỤ VÀ ĐĂNG KÝ MẪU MÃ
CHƯƠNG E: GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG
21.103 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.105 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.107 CHỨNG MINH NĂNG LỰC
21.110 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG
21.113 CHỨNG MINH SỰ TUÂN THỦ
21.115 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG
21.117 CHUYỂN GIAO
21.120 THAY ĐỔI MỘT PHẦN CỦA SẢN PHẨM THUỘC PHẠM VI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG
21.123 CÁC NGHĨA VỤ VÀ ĐĂNG KÝ MẪU MÃ
21.125 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC
21.127 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
21.130 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY
CHƯƠNG F: CHẾ TẠO TẠI CƠ SỞ KHÔNG CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO
21.133 PHẠM VI ÁP DỤNG

21.135 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.137 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỨNG MINH SỰ PHÙ HỢP
21.140 THỎA THUẬN THƯ
21.143 CÁC VI PHẠM
21.145 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC
21.147 HỆ THỐNG KIỂM TRA QUÁ TRÌNH CHẾ TẠO
21.150 THỬ NGHIỆM: TÀU BAY
21.153 THỬ NGHIỆM: ĐỘNG CƠ VÀ CÁNH QUẠT
21.155 NGHĨA VỤ CỦA NHÀ CHẾ TẠO
21.157 CAM KẾT TUÂN THỦ
CHƯƠNG G: PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC CHẾ TẠO
21.160 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.163 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.167 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÊ CHUẨN
21.170 CẤP PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC CHẾ TẠO
21.173 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG
21.175 GIẢI TRÌNH TỔ CHỨC CHẾ TẠO
21.177 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN
21.180 CÁC THAY ĐỔI TỔ CHỨC CHẾ TẠO
21.183 THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM
21.185 CHUYỂN GIAO
21.187 PHẠM VI PHÊ CHUẨN
21.190 THAY ĐỔI PHẠM VI PHÊ CHUẨN
21.193 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
21.195 CÁC VI PHẠM
21.197 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC
21.200 CÁC QUYỀN HẠN
21.203 NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO
CHƯƠNG H: ĐỂ TRỐNG
CHƯƠNG I: GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN
21.205 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.207 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.210 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN
21.213 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN
21.215 THAY ĐỔI HOẶC ĐIỀU CHỈNH
21.217 CHUYỂN GIAO VÀ CẤP LẠI
21.220 KIỂM TRA
21.223 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

CHƯƠNG J: PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC THIẾT KẾ
21.225 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.227 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.230 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÊ CHUẨN
21.233 CẤP PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC THIẾT KẾ
21.235 HỆ THỐNG ĐẢM BẢO THIẾT KẾ
21.237 DỮ LIỆU
21.240 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN
21.243 CÁC THAY ĐỔI TRONG HỆ THỐNG BẢO ĐẢM THIẾT KẾ
21.245 CHUYỂN GIAO
21.247 PHẠM VI PHÊ CHUẨN
21.250 THAY ĐỔI PHẠM VI CỦA PHÊ CHUẨN
21.253 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
21.257 VI PHẠM
21.260 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC
21.263 CÁC QUYỀN HẠN
21.265 NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ
CHƯƠNG K: PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ
21.267 PHẠM VI ÁP DỤNG
21.270 VIỆC TUÂN THỦ VỚI CÁC YÊU CẦU ÁP DỤNG
21.273 PHÊ CHUẨN CÁC PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ
21.275 KÝ CHO PHÉP LẮP ĐẶT CÁC PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ
CHƯƠNG L:
CHƯƠNG M: SỬA CHỮA
21.277 PHẠM VI
21.280 TƯ CÁCH PHÁP LÝ
21.283 CHỨNG MINH NĂNG LỰC
21.285 THIẾT KẾ SỬA CHỮA
21.287 PHÂN LOẠI SỬA CHỮA
21.290 PHÊ CHUẨN THIẾT KẾ SỬA CHỮA
21.293 CHẾ TẠO CÁC PHỤ TÙNG SỬA CHỮA
21.295 THỰC HIỆN CÔNG VIỆC SỬA CHỮA
21.297 CÁC GIỚI HẠN
21.300 CÁC HỎNG HÓC KHÔNG ĐƯỢC SỬA CHỮA
21.303 LƯU GIỮ HỒ SƠ
21.305 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY
21.307 NGHĨA VỤ VÀ NHÃN MÁC

CHƯƠNG O: BẰNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

21.310 PHẠM VI ÁP DỤNG

21.313 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

21.315 CHỨNG MINH NĂNG LỰC

21.317 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP BẰNG TCKT

21.320 BẰNG TCKT CHO ĐỘNG CƠ PHỤ

21.323 YÊU CẦU VỀ SỐ LIỆU

21.325 CẤP BẰNG TCKT

21.327 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI CÓ BẰNG TCKT

21.330 CÔNG BỐ VỀ THIẾT KẾ VÀ TÍNH NĂNG

21.335 NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU BẰNG TCKT

21.337 PHÊ CHUẨN CÁC SAI LỆCH

21.340 CÁC THAY ĐỔI THIẾT KẾ

21.343 LƯU GIỮ HỒ SƠ

21.345 CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

21.347 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

21.350 CHUYỂN GIAO

CHƯƠNG Q: NHẬN DẠNG CÁC SẢN PHẨM VÀ THIẾT BỊ

21.353 NHẬN DẠNG SẢN PHẨM

21.355 SỐ LIỆU NHẬN DẠNG SẢN PHẨM

21.357 NHẬN DẠNG THIẾT BỊ VÀ PHỤ TÙNG

21.360 NHẬN DẠNG CÁC THIẾT BỊ TRỌNG YẾU

21.363 NHẬN DẠNG CÁC HẠNG MỤC CHẾ TẠO THEO TCKT

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.157: MẪU BIỂU 52 XÁC NHẬN SỰ PHÙ HỢP CỦA TÀU BAY

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 21.157: MẪU BIỂU 1 XÁC NHẬN SỰ PHÙ HỢP CỦA THIẾT BỊ, SẢN PHẨM TÀU BAY

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.197 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỦ TỤC GIA HẠN, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO/THIẾT KẾ SẢN PHẨM, THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG TÀU BAY

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.347 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỦ TỤC CẤP BẰNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TÀU BAY - TSO

CHƯƠNG A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

21.001 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Phần này quy định các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc đã có Giấy chứng nhận được ban hành phù hợp với các điều khoản được quy định trong Phần này.

21.003 ĐỊNH NGHĨA

(a) Phần này áp dụng các định nghĩa sau:

Ghi chú: Các định nghĩa khác liên quan đến hàng không được nêu ở Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

21.005 CÁC TỪ VIẾT TẮT

(a) Các chữ viết tắt sau đây được áp dụng trong Phần này:

(1) TCKT: Tiêu chuẩn kỹ thuật

21.007 ỦY QUYỀN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC

(a) Mọi hoạt động và nghĩa vụ được quy định trong Phần này phải được thực hiện bởi tổ chức đề nghị cấp, hoặc đã có, các loại Giấy chứng nhận quy định của Phần này. Tuy nhiên, các hoạt động và nghĩa vụ đó cũng có thể được ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác có đủ tư cách pháp nhân với điều kiện người ủy quyền và người được ủy quyền phải có thỏa thuận bằng văn bản đảm bảo các nghĩa vụ đó được thực hiện đầy đủ.

21.010 HỎNG HÓC, HOẠT ĐỘNG SAI CHỨC NĂNG VÀ LỖI CỦA SẢN PHẨM

(a) Hệ thống thu thập, điều tra và phân tích dữ liệu.

(1) Các tổ chức được cấp Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, TCKT, phê chuẩn việc thực hiện sửa chữa lớn hoặc các loại Giấy chứng nhận khác theo quy định của Phần này phải có hệ thống thu thập, điều tra và phân tích các báo cáo và thông tin có liên quan đến các hỏng hóc, hoạt động sai chức năng, lỗi của sản phẩm và các sự cố có ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của sản phẩm tàu bay, phụ tùng và thiết bị sản xuất thuộc phạm vi Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn hoặc tất cả các loại Giấy chứng nhận khác được ban hành theo Phần này. Các thông tin của hệ thống này phải được phổ biến cho các Người khai thác đang sử dụng loại tàu bay, thiết bị và phụ tùng của tổ chức đó và đồng thời tới các cơ quan có thẩm quyền được quy định trong các Phần khác có liên quan của Bộ quy chế an toàn hàng không này, khi được yêu cầu.

(b) Báo cáo Cục HKVN.

(1) Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn hoặc các Giấy chứng nhận khác được cấp theo quy định của Phần này phải báo cáo Cục HKVN các hỏng hóc, hoạt động sai chức năng, lỗi của sản phẩm hoặc các sự cố có liên quan đến sản phẩm tàu bay, thiết bị và phụ tùng được chế tạo theo năng định cho phép của loại Giấy chứng nhận tương ứng khi nhận thấy sản phẩm tàu bay, thiết bị và phụ tùng do mình chế tạo có thể gây uy hiếp an toàn bay.

(2) Các báo cáo này phải được thực hiện theo các mẫu biểu và cách thức do Cục HKVN quy định và phải được gửi trong thời gian nhanh nhất, không chậm hơn 72 giờ tính từ thời điểm phát hiện tình trạng mất an toàn, trừ trường hợp đặc biệt không thể thực hiện việc báo cáo theo đúng thời gian trên.

(c) Điều tra các sự cố được báo cáo

(1) Khi sự cố được báo cáo theo quy định tại khoản (b) của Điều này hoặc theo quy định tại 21.155(a)(6)(ii) hoặc 21.203(a)(6)(ii) có nguyên nhân do sai sót trong quá trình thiết kế hoặc sản xuất, tổ chức được cấp Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn hoặc các Giấy chứng nhận khác được ban hành theo các quy định của Phần này, hoặc tổ chức sản xuất sản phẩm tàu bay, phụ tùng, thiết bị có liên quan phải tiến hành điều tra nguyên nhân của các sai sót đó. Kết quả điều tra và các công việc đang thực hiện hoặc đề nghị sẽ được thực hiện nhằm sửa chữa sai sót nói trên phải được báo cáo Cục HKVN.

(2) Trong trường hợp Cục HKVN có yêu cầu cụ thể nhằm khắc phục các sai sót như đã nêu tại điểm (1), khoản (c) của Điều này thì tổ chức được cấp Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn hoặc các Giấy chứng nhận khác được ban hành theo các quy định của Phần này, hoặc tổ chức chế tạo phải trình Cục HKVN các tài liệu có liên quan.

21.013 CHỈ LỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(a) Chỉ lệnh đủ điều kiện bay là tài liệu do Cục HKVN ban hành hoặc công nhận nhằm bắt buộc thực hiện một công việc trên tàu bay để khôi phục mức độ an toàn cần thiết khi có dấu hiệu chứng tỏ mức độ an toàn của tàu bay đó bị xuống cấp hoặc bị uy hiếp.

(b) Cục HKVN sẽ ban hành chỉ lệnh đủ điều kiện bay trong trường hợp:

(1) Cục HKVN xác định có nguy cơ uy hiếp an toàn trên một tàu bay cụ thể do sai sót của tàu bay, động cơ, cánh quạt, thiết bị và phụ tùng lắp trên tàu bay đó gây ra; và

(2) Nguy cơ uy hiếp an toàn đó có khả năng đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trên các tàu bay khác.

(c) Trường hợp Cục HKVN ban hành chỉ lệnh đủ điều kiện bay nhằm khắc phục các tình trạng mất an toàn như được nêu trong khoản (b) của Điều này hoặc yêu cầu tiến hành công việc kiểm tra cụ thể thì chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại (TC holder), Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn hoặc các Giấy chứng nhận khác được ban hành theo các quy định của Phần này, phải:

(1) Đề xuất hành động khắc phục hoặc công việc kiểm tra cần thiết hoặc kết hợp cả hai phương án trên, đồng thời trình đề xuất chi tiết lên Cục HKVN để được phê chuẩn;

(2) Sau khi đề xuất trên được Cục HKVN phê chuẩn, phải gửi các tài liệu mô tả chi tiết cùng hướng dẫn thực hiện cho tất cả các Người khai thác hoặc chủ sở hữu của các sản phẩm tàu bay, thiết bị và phụ tùng liên quan, và cho các tổ chức (cá nhân) phải thực hiện chỉ lệnh đủ điều kiện bay này khi họ yêu cầu.

(d) Chỉ lệnh đủ điều kiện bay bao gồm các thông tin như sau:

(1) Xác định và mô tả tình trạng mất an toàn;

(2) Xác định các tàu bay bị ảnh hưởng;

(3) Các công việc cần thực hiện;

(4) Thời hạn tiến hành các công việc cần thực hiện;

(5) Ngày bắt đầu hiệu lực của chỉ lệnh đủ điều kiện bay.

21.015 PHỐI HỢP GIỮA THIẾT KẾ VÀ CHẾ TẠO

(a) Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế, Giấy chứng nhận loại bổ sung, bằng TCKT, phê chuẩn sửa chữa lớn sẽ phối hợp với tổ chức chế tạo trong trường hợp cần thiết để đảm bảo:

(1) Phối hợp nhịp nhàng giữa việc thiết kế và chế tạo theo yêu cầu của các Điều 21.135, 21.163 hoặc 21.203; và

(2) Duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm, phụ tùng và thiết bị tàu bay.

CHƯƠNG B: GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI HẠN CHẾ

21.017 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình cấp/thừa nhận Giấy chứng nhận loại cho sản phẩm tàu bay, Giấy chứng nhận loại hạn chế cho tàu bay và quy định các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức đề nghị cấp hoặc đã được cấp các Giấy chứng nhận này.

21.020 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Các tổ chức đã hoặc đang chứng minh năng lực của mình theo quy định tại Điều 21.023 đều có đủ tư cách pháp lý để đề nghị Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế theo các điều kiện quy định trong Chương này.

21.023 NĂNG LỰC

(a) Các tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế phải có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được cấp theo các quy định của Chương J của Phần này để chứng minh năng lực của mình.

(b) Trong trường hợp không thể đáp ứng được các yêu cầu nêu tại khoản (a) của Điều này có thể đề nghị Cục HKVN cho phép sử dụng các kinh nghiệm thiết kế, nguồn nhân lực và các trình tự công việc cụ thể cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Điều này đối với các sản phẩm là một trong những loại như sau:

(1) Máy bay hoặc tàu bay cánh quay siêu nhẹ, tàu lượn hoặc tàu lượn có động cơ, khinh khí cầu;

(2) Máy bay nhỏ đáp ứng các nội dung sau:

(i) Một động cơ pit-tông, làm mát tuần hoàn hở và có công suất cất cánh tối đa nhỏ hơn 250 mã lực;

(ii) Cấu hình thông thường;

(iii) Kết cấu và vật liệu thông thường;

(iv) Bay theo quy tắc bay bằng mắt trong điều kiện không có băng;

(v) Tối đa 4 chỗ ngồi kể cả người lái và tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 3000 lb (1361 kg);

(vi) Bay trong điều kiện không có tăng áp ca bin;

(vii) Hệ thống điều khiển không có trợ lực;

(viii) Thực hiện các động tác nhào lộn cơ bản với giới hạn hệ số quá tải là +6/-3;

(3) Động cơ pit-tông;

(4) Động cơ hoặc cánh quạt được cấp Giấy chứng nhận loại theo tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của tầu lượn có động cơ;

(5) Cánh quạt có biến cự cố định hoặc thay đổi.

21.025 ĐIỀU KIỆN CẤP, CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Giấy chứng nhận loại được cấp, công nhận khi:

(1) Tàu bay, động cơ và cánh quạt phù hợp với các hình vẽ, tính năng hoạt động và đặc tính thiết kế đáp ứng được các yêu cầu của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(2) Thực hiện tốt các công việc thử nghiệm, bay kiểm chứng theo yêu cầu của việc phê chuẩn tàu bay, động cơ và cánh quạt được quy định tại các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(3) Người đề nghị cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại đã nộp đủ phí và lệ phí theo quy định.

(b) Người đề nghị cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại chịu mọi chi phí trong quá trình kiểm tra cấp, thừa nhận Giấy chứng nhận loại.

(c) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế phải được thực hiện theo mẫu biểu và cách thức do Cục HKVN quy định và bao gồm:

(1) Bản vẽ 3 hình chiếu của tàu bay và các thông số cơ bản ban đầu cùng với các đặc tính, giới hạn hoạt động đề xuất;

(2) Bản vẽ tổng thể, mô tả các đặc tính thiết kế, đặc tính hoạt động và các giới hạn hoạt động đề xuất của động cơ hoặc cánh quạt đó;

(3) Tài liệu sơ đồ mạch điện;

(4) Tài liệu phân tích tải điện;

(5) Báo cáo của Hội động rà soát chương trình bảo dưỡng (MRBR) của nhà chế tạo;

(6) Tài liệu chương trình bảo dưỡng (MPD), bao gồm cả chương trình kiểm soát và phòng chống rỉ sét, chương trình bảo dưỡng cấu trúc tàu bay;

(7) Danh mục thiết bị cất cánh tối thiểu chính (MMEL);

(8) Giấy chứng nhận tiếng ồn;

(9) Giấy chứng nhận vô tuyến;

(10) Một bản sao của các tài liệu sau:

(i) Tài liệu hướng dẫn khai thác bay (AFM);

(ii) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng tàu bay (AMM);

(iii) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng động cơ;

(iv) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng cánh quạt;

(v) Tài liệu hướng dẫn bảo dưỡng động cơ phụ;

(vi) Tài liệu tra cứu thiết bị lắp trên tàu bay (IPC);

(vii) Tài liệu hướng dẫn tiêu chuẩn thực hành (Practical Standards);

(viii) Tài liệu hướng dẫn sửa chữa cấu trúc tàu bay (SRM);

(ix) Danh mục các cấu trúc khung sườn chính (SSI);

(x) Tài liệu hướng dẫn quy trình xếp tải;

(xi) Tài liệu hướng dẫn cân và cân bằng tàu bay;

(xii) Tài liệu về kiểm tra không phá hủy (NDT).

21.030 CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT

(a) Cục HKVN sẽ quy định chi tiết các đặc tính kỹ thuật đặc biệt, điều kiện đặc biệt đối với sản phẩm khi các quy định đủ điều kiện bay hiện hành không quy định các tiêu chuẩn an toàn phù hợp cho sản phẩm đó trong các trường hợp sau:

(1) Sản phẩm hoàn toàn mới lạ hoặc có đặc tính thiết kế khác thường so với các thực tế thiết kế đang làm cơ sở cho các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay hiện hành;

(2) Mục đích sử dụng của sản phẩm hoàn toàn khác với thông thường;

(3) Kinh nghiệm từ các sản phẩm tương tự đang trong khai thác hoặc từ các sản phẩm có đặc tính thiết kế tương tự cho thấy các điều kiện mất an toàn có thể phát sinh.

(b) Các điều kiện đặc biệt sẽ bao gồm các các tiêu chuẩn an toàn tương đương với mức an toàn quy định trong các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của Phần này nhằm đảm bảo mức an toàn cần thiết.

21.033 CƠ SỞ CĂN CỨ CHO VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Các cơ sở căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế phải được công bố và bao gồm:

(1) Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng, công nhận hoặc thừa nhận có hiệu lực tại thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại quy định tại Phần 3, trừ khi:

(i) Cục HKVN có yêu cầu khác; hoặc

(ii) Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận lựa chọn việc tuân thủ với các sửa đổi có hiệu lực sau so với tiêu chuẩn đủ điều kiện bay hiện hành, hoặc theo yêu cầu tại Điểm (c) và (d) của Điều này.

(2) Các điều kiện đặc biệt theo quy định tại khoản (a) của Điều 21.030, nếu có.

(b) Cơ sở căn cứ được công bố cho đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại của các tàu bay hoặc tàu bay cánh quay có tải trọng cất cánh tối đa trên 5700 kg có giá trị trong thời hạn 5 năm; Cơ sở căn cứ được công bố cho đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại cho tất cả các tàu bay khác có giá trị trong thời hạn 3 năm trừ khi người đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại có đề nghị khoảng thời gian dài hơn, tại thời điểm nộp đơn, để có thể thực hiện công việc thiết kế, chế tạo và thử nghiệm.

(c) Trong trường hợp Giấy chứng nhận loại không được cấp hoặc sẽ không được cấp trong khoảng thời gian quy định tại Khoản (b); người làm đơn có thể:

(1) Nộp lại đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại và tuân thủ các quy định như đã nêu tại Khoản (a); hoặc

(2) Đề nghị kéo dài thời hạn của đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại lần thứ nhất và tuân thủ với tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được áp dụng tại thời điểm, do người làm đơn lựa chọn, sau thời điểm mà Giấy chứng nhận loại đã có thể được cấp như quy định tại Khoản (b) đối với lần đề nghị trước.

(d) Nếu người làm đơn lựa chọn việc tuân thủ với sửa đổi của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay sẽ có hiệu lực sau ngày nộp đơn, người làm đơn sẽ phải tuân thủ với các sửa đổi khác nữa nếu Cục HKVN nhận thấy các sửa đổi này có liên quan trực tiếp tới Giấy chứng nhận loại sẽ được cấp.

21.035 CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐẶC TÍNH PHÊ CHUẨN

(a) Các yêu cầu về tiếng ồn đối với việc ban hành Giấy chứng nhận loại cho tàu bay được quy định theo các điều khoản trong Chương 1 của Phụ ước 16, quyển I phần II của Công ước Chi-ca-go, và:

(1) Đối với tàu bay phản lực cận âm: quyển I, phần II, chương 2, 3 và 4;

(2) Đối với tàu bay cánh quạt: quyển I, phần II, chương 3, 4, 5, 6 và 10;

(3) Đối với trực thăng: quyển I, phần II, chương 8 và 11;

(4) Đối với tàu bay vượt âm: quyển I, phần II, chương 12.

(b) Yêu cầu về khí thải đối với việc cấp Giấy chứng nhận loại cho tàu bay và động cơ được quy định trong Phụ ước 16 của Công ước Chi-ca-go:

(1) Ngăn ngừa thải nhiên liệu có chủ định: quyển II, phần II, chương 2;

(2) Khí thải của động cơ phản lực và động cơ lá cánh dùng cho tốc độ cận âm: quyển II, phần II, chương 2;

(3) Khí thải của động cơ phản lực và động cơ lá cánh dùng cho tốc độ vượt âm: quyển II, phần III, chương 3.

(c) Căn cứ vào Luật Hàng không dân dụng Việt Nam hoặc luật quốc tế đã được Việt Nam công nhận, người đề nghị được cấp Giấy chứng nhận loại phải chứng minh sự tuân thủ các quy định về tiếng ồn và theo quy định tại khoản (a) và (b) của Điều này.

21.037 CÁC THAY ĐỔI YÊU CẦU PHẢI CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Trong trường hợp có sự thay đổi lớn về thiết kế, công suất động cơ, nguồn tạo lực đẩy, tải trọng của sản phẩm tàu bay so với các đặc tính được nêu trong Giấy chứng nhận loại đã cấp và Cục HKVN thấy cần thiết phải tiến hành việc kiểm tra lại toàn bộ sự tuân thủ với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng, người đề xuất thay đổi phải làm đơn đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận loại. Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận loại được áp dụng tương tự như trình tự cấp Giấy chứng nhận loại.

21.040 TUÂN THỦ CÁC CƠ SỞ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(a) Người làm đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế phải chứng minh sự tuân thủ các quy định cấp Giấy chứng nhận loại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường và phải cung cấp Cục HKVN các bằng chứng về việc tuân thủ đó.

(b) Người làm đơn phải tuyên bố đã chứng minh việc tuân thủ các cơ sở căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận loại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

(c) Nếu người làm đơn có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế, việc tuyên bố nói tại khoản (b) trên đây phải được thực hiện theo quy định tại Chương J.

21.043 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận loại cho sản phẩm tàu bay nếu người làm đơn đáp ứng các điều kiện sau đây:

(1) Chứng minh được năng lực đáp ứng các quy định tại Điều 21.023;

(2) Có văn bản cam kết theo quy định tại khoản b của Điều 21.040;

(3) Chứng minh rằng:

(i) Sản phẩm được phê chuẩn đáp ứng các cơ sở áp dụng cho việc cấp Giấy chứng nhận loại và quy định bảo vệ môi trường theo Điều 21.033 và Điều 21.035;

(ii) Các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay chưa được tuân thủ phải được bổ sung bằng các yếu tố đảm bảo mức an toàn tương đương;

(iii) Không có đặc tính nào có thể gây mất an toàn cho sản phẩm khi sử dụng sản phẩm theo đúng mục đích đã phê chuẩn;

(iv) Người làm đơn đã khẳng định bằng văn bản rằng sẵn sàng tuân thủ các quy định tại Điều 21.060

(4) Trong trường hợp Giấy chứng nhận loại cho tàu bay, động cơ hoặc cánh quạt, hoặc cả hai nếu lắp trên loại tàu bay đó cũng phải có Giấy chứng nhận loại tương ứng được ban hành theo quy định của Phần này.

21.045 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI HẠN CHẾ

(a) Trường hợp tàu bay không đáp ứng đủ các yêu cầu quy định tại điểm (3) khoản (a) Điều 21.043, người làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại có thể được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận loại hạn chế sau khi:

(1) Tuân thủ các cơ sở cấp Giấy chứng nhận loại phù hợp do Cục HKVN quy định và đảm bảo an toàn cho mục đích sử dụng dự định của tàu bay, và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đang được áp dụng;

(2) Người làm đơn khẳng định bằng văn bản rằng đã sẵn sàng tuân thủ các quy định tại Điều 21.060.

(b) Động cơ hoặc cánh quạt lắp trên tàu bay cũng được coi là sản phẩm tàu bay và phải:

(1) Có Giấy chứng nhận loại tương ứng được ban hành theo quy định của Phần này; hoặc

(2) Đã được chứng minh việc tuân thủ với các đặc tính phê chuẩn cần thiết để đảm bảo an toàn bay cho tàu bay.

Ghi chú: Xem Chương B Phần 3 quy định về trình tự, thủ tục cấp, công nhận hiệu lực giấy chứng nhận loại tàu bay.

21.047 THIẾT KẾ LOẠI

(a) Thiết kế loại bao gồm:

(1) Bản vẽ và các tính năng kỹ thuật, danh mục các bản vẽ và các tính năng kỹ thuật cần thiết để xác định cấu hình và đặc tính thiết kế của sản phẩm chứng minh việc tuân thủ với các cơ sở phê chuẩn loại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

(2) Thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp của sản phẩm để khẳng định tính phù hợp của sản phẩm;

(3) Phần các giới hạn của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được phê chuẩn (ALS) trong hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay theo quy định của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(4) Tất cả các số liệu cần thiết khác cho phép so sánh và xác định tính đủ điều kiện bay, đặc tính về tiếng ồn, xả nhiên liệu, và độ khí thải (nếu cần thiết) của các sản phẩm tương tự sau này.

(b) Mỗi thiết kế loại phải được nhận dạng đầy đủ.

21.050 KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM

(a) Người làm đơn phải thực hiện các công việc kiểm tra và thử nghiệm cần thiết để chứng minh việc tuân thủ với các cơ sở cấp Giấy chứng nhận loại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường áp dụng.

(b) Trước mỗi lần thực hiện thử nghiệm theo quy định tại Khoản (a) nêu trên, người làm đơn phải xác định các nội dung sau đây:

(1) Đối với mẫu thử:

(i) Các vật liệu và quy trình hoàn toàn phù hợp với các đặc tính kỹ thuật đề nghị trong thiết kế loại;

(ii) Các bộ phận của sản phẩm hoàn toàn phù hợp với hình vẽ đề nghị trong thiết kế loại;

(iii) Các quy trình sản xuất, chế tạo và lắp ráp tuân thủ các tính năng đề xuất trong thiết kế loại;

(2) Có đầy đủ thiết bị kiểm tra và dụng cụ đo sử dụng cho mục đích thử nghiệm, các dụng cụ này phải được hiệu chuẩn phù hợp.

(c) Cục HKVN sẽ tiến hành các công việc kiểm tra cần thiết để xác định việc tuân thủ của người làm đơn đối với các quy định tại Khoản (b) của Điều này.

(d) Cục HKVN sẽ rà soát lại các báo cáo, tiến hành kiểm tra và thực hiện hoặc chứng kiến các thử nghiệm trên mặt đất và trên không cần thiết để khẳng định tính xác thực của cam kết tuân thủ do người làm đơn đệ trình lên Cục HKVN theo quy định khoản (b) Điều 21.040 và khẳng định không có bất kỳ một tính năng hoặc đặc tính kỹ thuật nào có thể gây mất an toàn cho mục đích sử dụng theo quy định của Giấy chứng nhận loại.

(e) Đối với các thử nghiệm do Cục HKVN thực hiện hoặc chứng kiến nói tại khoản (d) trên đây:

(1) Người làm đơn phải trình Cục HKVN văn bản cam kết tuân thủ các quy định tại khoản (b); và

(2) Trong khoảng thời gian từ khi cam kết tuân thủ các quy định tại Khoản (b) được đưa ra và trình lên Cục HKVN, người làm đơn không được phép thực hiện bất kỳ thay đổi nào liên quan đến thử nghiệm trên sản phẩm, các thiết bị của sản phẩm nếu thay đổi đó có thể ảnh hưởng đến cam kết tuân thủ trên.

21.053 THỬ NGHIỆM TRÊN KHÔNG

(a) Thử nghiệm trên không nhằm mục đích cấp Giấy chứng nhận loại phải được thực hiện theo các điều kiện áp dụng cho các thử nghiệm trên không.

(b) Người làm đơn phải thực hiện các thử nghiệm trên không khi Cục HKVN thấy cần thiết để:

(1) Xác định việc tuân thủ với các cơ sở cấp Giấy chứng nhận loại áp dụng và với các yêu cầu về bảo vệ môi trường; và

(2) Xác định độ tin cậy, hoạt động đúng chức năng của tàu bay và các thiết bị tàu bay được phê chuẩn theo Phần này, trừ tàu lượn hoặc tàu lượn có động cơ và tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa bằng hoặc nhỏ hơn 2722 kg.

(c) Thử nghiệm trên không theo quy định tại mục (2), khoản (b) của Điều này phải bao gồm:

(1) Đối với tàu bay lắp động cơ tuốc-bin chưa được sử dụng trên các loại tàu bay đã được cấp Giấy chứng nhận loại trước đó, tối thiểu 300 giờ hoạt động với đầy đủ động cơ phù hợp với Giấy chứng nhận loại (động cơ); và

(2) Đối với tất cả các tàu bay khác, tối thiểu 150 giờ hoạt động.

21.057 GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế phải bao gồm thiết kế loại, các giới hạn hoạt động, bảng số liệu Giấy chứng nhận loại về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và khí thải, cơ sở Giấy chứng nhận loại áp dụng, các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được Cục HKVN chấp thuận và tất cả các điều kiện, giới hạn khác đối với sản phẩm quy định trong các yêu cầu về tính năng phê chuẩn và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế phải bao gồm bảng số liệu Giấy chứng nhận loại đối với tiếng ồn. Bảng số liệu Giấy chứng nhận loại của động cơ phải bao gồm cả hồ sơ về sự tuân thủ đối với tiêu chuẩn khí thải.

21.060 NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Người có Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế phải:

(1) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các Điều 21.010, 21.013, 21.015, 21.067, 21.070 và 21.073 và phải tiếp tục đáp ứng các yêu cầu về tư cách pháp lý quy định tại Điều 21.020;

(2) Xác định nhãn mác của sản phẩm theo quy định tại chương Q.

21.063 CHUYỂN GIAO

(a) Việc chuyển giao quyền sở hữu Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế cho người khác chỉ có thể được thực hiện nếu người được chuyển giao có khả năng thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 21.060 và, với mục đích chuyển giao, đã chứng minh khả năng được phê chuẩn theo các yêu cầu tại Điều 21.023.

21.065 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế được cấp một lần và có hiệu lực nếu:

(1) Người được cấp Giấy chứng nhận loại tiếp tục tuân thủ các quy định nêu trong Phần này; và

(2) Giấy chứng nhận không bị trả lại hoặc bị thu hồi.

(b) Trong trường hợp bị trả lại hoặc có quyết định thu hồi do Cục HKVN ban hành, Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế phải được nộp lại cho Cục HKVN.

21.067 LƯU GIỮ HỒ SƠ

(a) Người có Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các thông tin, tài liệu về thiết kế, các bản vẽ và báo cáo thử nghiệm, bao gồm cả hồ sơ kiểm tra sản phẩm đã qua thử nghiệm và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

21.070 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

(a) Người có Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế phải soạn thảo, duy trì và cập nhật bản chính của các tài liệu yêu cầu trong cơ sở Giấy chứng nhận loại và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với sản phẩm và phải cung cấp bản sao khi Cục HKVN yêu cầu.

21.071 TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

(a) Trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại, Cục HKVN thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để cấp Giấy chứng nhận loại cho loại tàu bay, động cơ và cánh quạt được thiết kế, chế tạo tại Việt Nam, bao gồm:

(1) Thẩm định tính đầy đủ và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại;

(2) Xác định tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng cho loại tàu bay, động cơ và cánh quạt được đề nghị cấp Giấy chứng nhận loại để xác định căn cứ cho việc cấp Giấy chứng nhận loại cho loại tàu bay, động cơ và cánh quạt đó;

(3) Thẩm định các số liệu bản vẽ, danh mục các bản vẽ và các tính năng kỹ thuật cần thiết để xác định cấu hình và đặc tính thiết kế của sản phẩm chứng minh việc đáp ứng các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng, bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp của sản phẩm để khẳng định tính phù hợp của sản phẩm;

(4) Thẩm định các giới hạn duy trì tính đủ điều kiện bay theo quy định của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(5) Xác định các yêu cầu về bảo vệ môi trường áp dụng đối với loại tàu bay, động cơ và cánh quạt đề nghị được cấp Giấy chứng nhận loại;

(6) Thực hiện hoặc thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và bay thử cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ của loại tàu bay, động cơ và cánh quạt đối với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng.

(b) Trong vòng 6 tháng kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận Giấy chứng nhận loại, Cục HKVN thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để công nhận Giấy chứng nhận loại cho loại tàu bay, động cơ và cánh quạt lần đầu được khai thác tại Việt Nam, bao gồm:

(1) Thẩm định tính đầy đủ và hồ sơ đề nghị công nhận Giấy chứng nhận loại;

(2) Xem xét thừa nhận tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng cho loại tàu bay, động cơ và cánh quạt được đề nghị thừa nhận Giấy chứng nhận loại trên cơ sở phù hợp với Phụ ước 8 của Công ước Chi-ca-go;

(3) Thẩm định các giới hạn duy trì tính đủ điều kiện bay theo quy định của tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;

(4) Xác định các yêu cầu về bảo vệ môi trường áp dụng đối với loại tàu bay, động cơ và cánh quạt đề nghị được công nhận Giấy chứng nhận loại;

(5) Xem xét thừa nhận kết quả kiểm tra, thử nghiệm và việc bay thử cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ của loại tàu bay, động cơ và cánh quạt đối với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng.

21.073 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(a) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế phải cung cấp cho chủ sở hữu của một hoặc nhiều tàu bay, động cơ hoặc cánh quạt 01 bộ hướng dẫn hoàn chỉnh về việc duy trì tính đủ điều kiện bay bao gồm dữ liệu mô tả và hướng dẫn thực hiện được soạn thảo phù hợp với cơ sở cấp Giấy chứng nhận loại ngay khi giao tàu bay hoặc khi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đầu tiên, sau đó phải cung cấp hướng dẫn này cho những tổ chức cần phải tuân thủ các điều khoản trong các hướng dẫn khi họ yêu cầu. Các tài liệu và hướng dẫn việc duy trì tính đủ điều kiện bay có liên quan đến đại tu hoặc các định kỳ dạng lớn có thể ban hành sau khi sản phẩm đã được đưa vào khai thác nhưng phải trước khi sản phẩm đạt đến thọ mệnh hoặc giờ bay liên quan.

(b) Ngoài ra, bất cứ thay đổi nào của hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay cũng đều phải được gửi tới các Người khai thác sản phẩm và phải được gửi cho những người phải tuân thủ các hướng dẫn này khi họ yêu cầu. Chương trình về phương pháp phân bố các thay đổi đối với các hướng dẫn này phải được trình Cục HKVN.

CHƯƠNG C: (ĐỂ TRỐNG)

CHƯƠNG D: THAY ĐỔI ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI

21.075 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình phê chuẩn các thay đổi đối với thiết kế loại và Giấy chứng nhận loại, quy định quyền và nghĩa vụ đối với người đề nghị cấp hoặc người đã được cấp các phê chuẩn này. Giấy chứng nhận loại trong chương này bao gồm Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại hạn chế.

21.077 PHÂN LOẠI CÁC THAY ĐỔI ĐỐI VỚI THIẾT KẾ LOẠI

(a) Thay đổi trong thiết kế loại bao gồm:

(1) Thay đổi nhỏ là thay đổi không có ảnh hưởng đáng kể đến trọng lượng, cân bằng, độ bền của cấu trúc, độ tin cậy, tính năng khai thác, độ ồn, xả nhiên liệu và khí thải của động cơ hoặc các tính năng khác có ảnh hưởng đến tính đủ điều kiện bay của sản phẩm;

(2) Thay đổi lớn là các thay đổi khác không nằm trong phạm vi quy định tại điểm (1) trên;

(3) Thay đổi lớn và thay đổi nhỏ phải được phê chuẩn phù hợp theo quy định tại Điều 21.085 hoặc 21.087 và phải nhận dạng đầy đủ.

21.080 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Chỉ chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại có quyền đề nghị được cấp phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại theo quy định của Chương này; trong mọi trường hợp khác, việc đề nghị phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại phải thực hiện theo quy định của Chương E.

(b) Người có quyền hợp pháp đối với giấy chứng nhận loại có thể làm hồ sơ đề nghị được phê chuẩn thay đổi nhỏ đối với thiết kế loại theo quy định của Chương này.

21.083 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN

(a) Hồ sơ đề nghị được phê chuẩn thay đổi thiết kế loại được làm thành 01 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN tối thiểu 6 tháng trước ngày dự kiến đưa vào khai thác, hồ sơ bao gồm:

(1) Mô tả chi tiết của thay đổi và nêu rõ:

(i) Các bộ phận trong thiết kế loại và những tài liệu hướng dẫn đã được phê chuẩn sẽ bị tác động do thay đổi gây ra; và

(ii) Các tính năng phê chuẩn, yêu cầu về bảo vệ môi trường phát sinh và thay đổi thiết kế phải tuân thủ quy định tại Điều 21.090.

(b) Xác định các công việc kiểm tra lại cần thiết để chứng minh sản phẩm sau khi thay đổi tuân thủ các tính năng phê chuẩn và yêu cầu bảo vệ môi trường áp dụng.

21.085 THAY ĐỔI NHỎ

(a) Các thay đổi nhỏ trong thiết kế loại phải do Cục HKVN hoặc tổ chức thiết kế, đã được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thừa nhận, phân loại và phê chuẩn.

21.087 THAY ĐỔI LỚN

(a) Người đề nghị phê chuẩn thay đổi lớn có trách nhiệm:

(1) Trình Cục HKVN thiết kế loại có các số liệu dẫn chứng và các dữ liệu mô tả cần thiết;

(2) Chứng minh sản phẩm được thay đổi tuân thủ với các tính năng phê chuẩn và yêu cầu bảo vệ môi trường như quy định tại Điều 21.090;

(3) Tuyên bố đã chứng minh sự tuân thủ với các cơ sở Giấy chứng nhận loại áp dụng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường và cung cấp Cục HKVN các bằng chứng về tuyên bố đó; và

(4) Nếu người đề nghị phê chuẩn thay đổi lớn có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế phù hợp thì phải thực hiện tuyên bố nói tại điểm (a)(3) trên theo các điều của Chương J;

(5) Tuân thủ các quy định tại Điều 21.050 và trong trường hợp áp dụng tuân thủ các quy định tại Điều 21.053.

(b) Phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại được giới hạn ở một hoặc nhiều cấu hình cụ thể có chứa sự thay đổi đó.

Ghi chú: Mọi thay đổi đối với sản phẩm tàu bay bằng việc áp dụng thay đổi nhỏ, thay đổi lớn vào thiết kế loại, chưa tới mức phải đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận loại mới, chủ sở hữu tàu bay hoặc Người khai thác phải đề nghị Cục HKVN hoặc quốc gia thiết kế đã phê chuẩn Giấy chứng nhận loại tàu bay hoặc quốc gia đăng ký tàu bay cấp Giấy chứng nhận loại bổ sung đối với thay đổi đó. Người làm đơn đề nghị sẽ phải thực hiện theo các quy trình cấp Giấy chứng nhận loại bổ sung theo quy định của quốc gia đó (Chương B Phần 3).

21.090 CÁC TÍNH NĂNG PHÊ CHUẨN VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(a) Người đề nghị phê chuẩn thay đổi phải chứng minh:

(1) Sản phẩm sau khi thay đổi tuân thủ các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng cho sản phẩm đang có hiệu lực tại thời điểm đề nghị phê chuẩn thay đổi; và

(2) Sản phẩm sau khi thay đổi tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường áp dụng quy định tại Điều 21.035.

(b) Trường hợp không thể đáp ứng các quy định tại khoản (a) Điều này, người đề nghị phê chuẩn thay đổi có thể chứng minh sự tuân thủ của sản phẩm sau khi thay đổi với sửa đổi tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được quy định tại khoản (a) nêu trên vào thời điểm trước đó và các tính năng phê chuẩn khác mà Cục HKVN thấy có liên quan trực tiếp. Tuy nhiên, tiêu chuẩn đủ điều kiện bay này không được phép cũ hơn so với tiêu chuẩn đủ điều kiện bay được áp dụng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận loại. Người làm đơn có thể áp dụng tiêu chuẩn này trong các trường hợp sau đây:

(1) Cục HKVN nhận thấy thay đổi là không quan trọng. Để xác định tính quan trọng của thay đổi, Cục HKVN sẽ xem xét sự thay đổi trong mối liên hệ với các

thay đổi thiết kế liên quan trước đây và tất cả các sửa đổi về tính năng phê chuẩn áp dụng đã được ghi trong Giấy chứng nhận loại của sản phẩm. Các thay đổi đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây sẽ đương nhiên được coi là quan trọng:

(i) Thay đổi cấu hình chung và nguyên lý chế tạo;

(ii) Các giả thuyết sử dụng cho việc phê chuẩn thay đổi sản phẩm không còn có giá trị.

(2) Mỗi khu vực, hệ thống, bộ phận hoặc thiết bị mà Cục HKVN thấy không bị ảnh hưởng do thay đổi.

(3) Mỗi khu vực, hệ thống, bộ phận hoặc thiết bị chịu sự ảnh hưởng của thay đổi mà Cục HKVN nhận thấy sự tuân thủ của chúng với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay theo quy định tại Khoản (a) không đóng góp đáng kể cho mức độ an toàn của sản phẩm sẽ được thay đổi hoặc không thực tế.

(c) Người đề nghị phê chuẩn thay đổi cho tàu bay, trừ tàu bay cánh quay, có trọng lượng tối đa 2722 kg hoặc cho tàu bay cánh quay không lắp động cơ tuốc-bin có trọng lượng tối đa 1361 kg, có thể chứng minh tính tuân thủ của sản phẩm được thay đổi với cơ sở phê chuẩn đã được ghi trong Giấy chứng nhận loại. Trường hợp thay đổi có ý nghĩa quan trọng trong một khu vực nhất định, Cục HKVN sẽ chỉ định việc tuân thủ với sửa đổi của cơ sở phê chuẩn ghi trong Giấy chứng nhận loại (có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị phê chuẩn thay đổi) và với các tính năng phê chuẩn mà Cục HKVN thấy có liên quan trực tiếp, trừ khi Cục HKVN thấy việc tuân thủ với sửa đổi và các tính năng phê chuẩn đó không đóng góp đáng kể cho mức độ an toàn của sản phẩm được thay đổi hoặc không thực tế.

(d) Trường hợp các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn đề nghị phê chuẩn thay đổi không đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cần thiết đối với thay đổi, người đề nghị phê chuẩn thay đổi có thể tuân thủ với các điều kiện đặc biệt quy định tại Điều 21.030, nhằm đảm bảo mức độ an toàn tương đương với mức độ an toàn đã được thiết lập trong các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay có hiệu lực tại thời điểm đề nghị phê chuẩn thay đổi.

(e) Thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề nghị phê chuẩn thay đổi đối với tàu bay lớn hoặc máy bay cánh quay lớn tối thiểu là 5 năm, thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề nghị thay đổi Giấy chứng nhận loại cho tất cả các tàu bay khác tối thiểu là 3 năm. Trong trường hợp thay đổi chưa được phê chuẩn hoặc sẽ không được phê chuẩn trong thời hạn quy định trên, người đề nghị phê chuẩn thay đổi có thể:

(1) Làm lại hồ sơ đề nghị phê chuẩn thay đổi đối với Giấy chứng nhận loại và tuân thủ với tất cả các quy định của Khoản (a) áp dụng cho lần đề nghị trước; hoặc

(2) Làm đơn đề nghị kéo dài thời hạn của hồ sơ đề nghị phê chuẩn thay đổi lần đầu và tuân thủ với các quy định tại Khoản (a) có hiệu lực tại thời điểm (do người làm đơn lựa chọn) sau thời hạn phê chuẩn thay đổi đã được thiết lập đối với hồ sơ đề nghị phê chuẩn lần đầu.

21.093 PHÊ CHUẨN THAY ĐỔI

(a) Người làm đơn đề nghị phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại sẽ được Cục HKVN phê chuẩn sau khi:

(1) Đệ trình tuyên bố quy định tại điểm (3), khoản (a) Điều 21.087.

(2) Chứng minh rằng:

(i) Sản phẩm sau khi thay đổi đáp ứng các tính năng phê chuẩn áp dụng và các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Điều 21.090.

(ii) Các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay chưa được tuân thủ phải được bổ sung bằng các yếu tố đảm bảo mức an toàn tương đương; và

(iii) Không có đặc tính nào có thể gây mất an toàn cho sản phẩm khi sử dụng sản phẩm theo đúng mục đích đã phê chuẩn;

(b) Các thay đổi nhỏ đối với thiết kế loại chỉ được phê chuẩn theo quy định tại Điều 21.085 nếu chứng minh được rằng sản phẩm sau khi thay đổi đáp ứng các tính năng phê chuẩn áp dụng quy định tại Điều 21.090.

21.095 LƯU GIỮ HỒ SƠ

(a) Người làm đơn đề nghị phê chuẩn thay đổi phải lưu trữ, bảo quản hồ sơ, tài liệu về mỗi thay đổi, các thông tin liên quan tới thiết kế, các bản vẽ và báo cáo thử nghiệm, bao gồm cả hồ sơ kiểm tra sản phẩm đã được thay đổi và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

21.097 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(a) Chủ sở hữu phê chuẩn thay đổi nhỏ đối với thiết kế loại phải cung cấp hồ sơ các thay đổi liên quan đến hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm có thay đổi nhỏ được soạn thảo trên cơ sở phê chuẩn loại áp dụng (nếu có), cho các chủ sở hữu của một hoặc nhiều tàu bay, động cơ, cánh quạt có chứa thay đổi nhỏ đó trong lúc giao sản phẩm hoặc lúc ban hành Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đầu tiên cho tàu bay, động cơ hoặc cánh quạt, và phải cung cấp sự thay đổi về các hướng dẫn này tới tất cả những người phải tuân thủ với các điều khoản trong hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay đó khi họ yêu cầu.

(b) Ngoài ra, các thay đổi liên quan đến các hướng dẫn duy trì tiêu chuẩn đủ điều kiện bay phải được cung cấp cho tất cả các Người khai thác đang sử dụng sản phẩm có thay đổi nhỏ đó đồng thời phải gửi các thay đổi đó tới tất cả những người phải tuân thủ với các hướng dẫn đó khi họ yêu cầu.

21.100 NGHĨA VỤ VÀ ĐĂNG KÝ MẪU MÃ

(a) Chủ sở hữu phê chuẩn thay đổi nhỏ đối với thiết kế loại phải:

(1) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 21.015, 21.097; và

(2) Đăng ký mẫu mã theo quy định tại Điều 21.357.

CHƯƠNG E: GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG

21.103 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này thiết lập quy trình phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại theo các quy trình Giấy chứng nhận loại bổ sung, và thiết lập các quyền và nghĩa vụ của người đang đề nghị được cấp, hoặc đã có Giấy chứng nhận loại bổ sung.

21.105 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Mọi tổ chức, cá nhân đã hoặc đang trong giai đoạn chứng minh năng lực theo quy định tại Điều 21.107 đều có quyền đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung theo quy định của Chương này.

21.107 CHỨNG MINH NĂNG LỰC

(a) Mọi tổ chức muốn đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung phải có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế do Cục HKVN cấp theo quy định của Chương J.

(b) Trường hợp không có tổ chức thiết kế, người đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung có thể đề nghị Cục HKVN cho phép sử dụng các quy trình nêu rõ kinh nghiệm thiết kế, nguồn lực và trình tự các công việc cần thiết để chứng minh khả năng tuân thủ với các quy định của Chương này như là quy trình thay thế để chứng minh năng lực của mình.

21.110 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG

(a) Hồ sơ đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung phải bao gồm các mô tả thay đổi và xác định các công việc kiểm tra lại theo quy định tại Điều 21.083. Hồ sơ đồng thời phải chứng minh rằng các thông tin làm cơ sở xác định các công việc kiểm tra lại là đầy đủ và do người đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung cung cấp hoặc thông qua thỏa thuận với chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại.

21.113 CHỨNG MINH SỰ TUÂN THỦ

(a) Người đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung phải tuân thủ các quy định tại Điều 21.087.

21.115 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG

(a) Người đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung sẽ được Cục HKVN phê chuẩn sau khi:

(1) Tuân thủ các quy định tại khoản (a) Điều 21.093;

(2) Chứng minh năng lực của mình theo quy định tại Điều 21.107;

(3) Khi người đề nghị phê chuẩn Giấy chứng nhận loại bổ sung và chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại đã có thỏa thuận theo quy định tại khoản (a) Điều 21.110:

(i) Chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại không có phản đối về mặt kỹ thuật các thông tin được trình Cục HKVN theo quy định tại Điều 21.083; và

(ii) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại đồng ý hợp tác với chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại bổ sung để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ của mình trong việc duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm sau khi thay đổi thông qua việc tuân thủ các quy định tại Điều 21.040 và 21.123.

21.117 CHUYỂN GIAO

(a) Giấy chứng nhận loại bổ sung chỉ được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện và có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 21.123 và người được chuyển giao phải chứng minh khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21.107.

21.120 THAY ĐỔI MỘT PHẦN CỦA SẢN PHẨM THUỘC PHẠM VI GIẤY CHỨNG NHẬN LOẠI BỔ SUNG

(a) Các thay đổi nhỏ đối với một phần của sản phẩm thuộc phạm vi của Giấy chứng nhận loại bổ sung được phân loại và phê chuẩn theo Chương D.

(b) Mỗi thay đổi lớn đối với một phần của sản phẩm thuộc phạm vi của Giấy chứng nhận loại bổ sung sẽ được phê chuẩn bằng một Giấy chứng nhận loại bổ sung riêng biệt theo quy định của Chương này.

(c) Ngoài ra, mỗi thay đổi lớn đối với một phần của sản phẩm thuộc phạm vi của Giấy chứng nhận loại bổ sung, do chính chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại bổ sung đó trình lên Cục HKVN, có thể được phê chuẩn như là một thay đổi đối với Giấy chứng nhận loại bổ sung hiện hành.

21.123 CÁC NGHĨA VỤ VÀ ĐĂNG KÝ MẪU MÃ

(a) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại bổ sung phải:

(1) Thực hiện các nghĩa vụ:

(i) Quy định tại các Điều 21.010, 21.013, 21.015, 21.095, 21.127 và 21.130;

(ii) Cộng tác với chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại theo quy định tại điểm (2), khoản (a) Điều 21.115;

(iii) Đáp ứng yêu cầu tại Điều 21.107.

(iv) Đăng ký mẫu mã theo quy định tại khoản (a) Điều 21.357.

21.125 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Giấy chứng nhận loại bổ sung sẽ được cấp không có thời hạn và sẽ chỉ có hiệu lực khi:

(1) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại bổ sung luôn tuân thủ các quy định trong Phần này; và

(2) Giấy chứng nhận không bị trả lại hoặc bị thu hồi theo các quy trình quản lý của Cục HKVN.

(b) Trong trường hợp trả lại hoặc bị thu hồi, Giấy chứng nhận phải nộp trở lại Cục HKVN.

21.127 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

(a) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại bổ sung phải xây dựng, duy trì và cập nhật bản gốc các sửa đổi tài liệu hướng dẫn theo yêu cầu của cơ sở Giấy chứng nhận loại áp dụng và các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với sản phẩm. Các sửa đổi này phải bao gồm các thay đổi đã được thực hiện theo Giấy chứng nhận loại bổ sung và phải trình Cục HKVN khi được yêu cầu.

21.130 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(a) Chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại bổ sung của tàu bay, động cơ, hoặc cánh quạt phải cung cấp bộ hồ sơ các thay đổi liên quan đến hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay, được soạn thảo trên cơ sở phê chuẩn loại áp dụng, cho các chủ sở hữu của một hoặc nhiều tàu bay, động cơ, cánh quạt có các đặc tính thuộc Giấy chứng nhận loại bổ sung trong lúc giao sản phẩm hoặc lúc ban hành Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đầu tiên cho tàu bay, động cơ hoặc cánh quạt, và phải cung cấp các thay đổi hướng dẫn này cho tất cả những người phải tuân thủ với các điều khoản trong hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay đó khi họ yêu cầu. Các tài liệu hoặc một phần thay đổi của các hướng dẫn việc duy trì tính đủ điều kiện bay có liên quan đến đại tu hoặc các định kỳ dạng lớn có thể ban hành sau khi sản phẩm đã được đưa vào khai thác nhưng phải trước khi sản phẩm đạt đến thọ mệnh hoặc giờ bay liên quan.

(b) Ngoài ra, các thay đổi liên quan đến các hướng dẫn duy trì tiêu chuẩn đủ điều kiện bay phải được cung cấp cho tất cả các Người khai thác đang sử dụng sản phẩm thuộc Giấy chứng nhận loại bổ sung, đồng thời phải cung cấp các thay đổi cho tất cả những người phải tuân thủ với các hướng dẫn đó khi họ yêu cầu. Chương trình chỉ ra cách thức phân bổ các thay đổi đối với các hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay phải trình Cục HKVN.

CHƯƠNG F: CHẾ TẠO TẠI CƠ SỞ KHÔNG CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO

21.133 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình chứng minh sự phù hợp với số liệu thiết kế của sản phẩm, thiết bị và phụ tùng dự định chế tạo tại cơ sở chưa có Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo được cấp theo quy định tại Chương G;

(b) Chương này quy định nghĩa vụ của nhà chế tạo các sản phẩm, phụ tùng và thiết bị được sản xuất theo quy định của Chương này.

21.135 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Mọi tổ chức (cá nhân) hợp pháp có thể nộp đơn đề nghị được chứng minh tính phù hợp của mỗi một sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng theo quy định của Chương này trong các trường hợp sau đây:

(1) Đang có hoặc đã nộp đơn đề nghị phê chuẩn thiết kế của sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng đó;

(2) Đã đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa chế tạo và thiết kế qua các thỏa thuận thích hợp với người đang đề nghị, hoặc đã có phê chuẩn của thiết kế đó.

21.137 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CHỨNG MINH SỰ PHÙ HỢP

(a) Hồ sơ phải bao gồm:

(1) Tài liệu chứng minh:

(i) Việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo theo quy định của Chương G là không (hoặc chưa) thích hợp; hoặc

(ii) Giấy chứng nhận hoặc phê chuẩn của sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị theo quy định của Chương này là cần thiết trong khi đang chờ được phê chuẩn tổ chức chế tạo theo quy định của Chương G.

(2) Bảng tóm tắt các thông tin theo yêu cầu tại Điểm (2) Khoản (a) Điều 21.140.

21.140 THỎA THUẬN THƯ

(a) Người làm đơn đề nghị được chứng minh tính phù hợp của mỗi sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị theo quy định của chương này được Cục HKVN cấp thỏa thuận thư trong vòng 15 ngày, sau khi:

(1) Đã thiết lập hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo nhằm đảm bảo mỗi sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị đều phù hợp với số liệu thiết kế và ở điều kiện hoạt động an toàn.

(2) Cung cấp các tài liệu với nội dung:

(i) Mô tả hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo theo quy định tại Khoản (a);

(ii) Mô tả các phương tiện xác định hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo;

(iii) Mô tả các thử nghiệm theo quy định tại Điều 21.150 và Điều 21.153 và tên của các cá nhân được ủy quyền cho mục đích nói tại khoản (a) Điều 21.157.

(3) Chứng minh có khả năng cung cấp các trợ giúp theo quy định tại Điều 21.010 và điểm (4) khoản (a) Điều 21.155.

21.143 CÁC VI PHẠM

(a) Các vi phạm về việc tuân thủ thỏa thuận thư theo các yêu cầu áp dụng trong Phần này (có kèm theo bằng chứng cụ thể) được phân loại như sau:

(1) Vi phạm Mức 1: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này dẫn tới việc không thể kiểm soát được việc tuân thủ các số liệu thiết kế và gây mất an toàn cho tàu bay;

(2) Vi phạm Mức 2: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này nhưng chưa phải là Mức 1;

(3) Vi phạm Mức 3: là những vi phạm được nhận biết bằng các chứng cứ khách quan, có chứa đựng các vấn đề tiềm ẩn có thể dẫn đến việc không tuân thủ như đã nêu ở Điểm (1) và (2).

(b) Sau khi nhận được thông báo về các vi phạm được phân loại ở trên:

(1) Đối với vi phạm Mức 1: Chủ thể của thỏa thuận thư được Cục HKVN cấp phù hợp với Phần này phải thực hiện hành động khắc phục đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN trong khoảng thời gian không quá 21 ngày làm việc tính từ ngày nhận được thông báo vi phạm bằng văn bản;

(2) Đối với vi phạm Mức 2: Cục HKVN sẽ cho khoảng thời gian thực hiện hành động khắc phục phù hợp với tính chất của vi phạm nhưng trong bất kỳ trường

hợp nào khởi đầu cũng không quá 6 tháng. Trong một số trường hợp và tùy theo tính chất của vi phạm, Cục HKVN có thể kéo dài thời hạn 6 tháng nếu kế hoạch khắc phục được chấp thuận và đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN.

(3) Vi phạm Mức 3: không đòi hỏi chủ thể của thỏa thuận thư phải khắc phục ngay lập tức.

(c) Trong trường hợp vi phạm Mức 1 hoặc Mức 2, thỏa thuận thư do Cục HKVN cấp phù hợp với Phần này có thể sẽ bị hạn chế từng phần hoặc toàn bộ, bị đình chỉ hoặc thu hồi. Chủ thể của thỏa thuận thư sẽ được thông báo về sự hạn chế, đình chỉ hoặc thu hồi thỏa thuận thư một cách nhanh chóng.

21.145 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Thỏa thuận thư sẽ được cấp với thời hạn 1 năm và sẽ có hiệu lực trừ khi:

(1) Chủ sở hữu thỏa thuận thư không chứng minh được sự tuân thủ với các yêu cầu áp dụng của Chương này; hoặc

(2) Có dấu hiệu chứng tỏ nhà chế tạo không thể duy trì hệ thống kiểm soát hiệu quả đối với việc chế tạo các sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị theo quy định của thỏa thuận thư; hoặc

(3) Nhà chế tạo không đáp ứng được các yêu cầu tại Điều 21.135;

(4) Thỏa thuận thư được trả lại hoặc bị thu hồi hoặc hết hạn.

(b) Khi được trả lại, bị thu hồi hoặc hết hạn, thỏa thuận thư phải được gửi trả lại Cục HKVN.

21.147 HỆ THỐNG KIỂM TRA QUÁ TRÌNH CHẾ TẠO

(a) Hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo theo quy định tại Điều 21.140 phải có biện pháp để xác định:

(1) Các vật liệu nhập vào, các thiết bị mua hoặc có hợp đồng chế tạo thông qua các nhà cung ứng khác được sử dụng trong sản phẩm cuối cùng phải được xác định rõ trong số liệu thiết kế áp dụng;

(2) Các vật liệu nhập vào, và các thiết bị mua hoặc có hợp đồng chế tạo thông qua các nhà cung ứng khác phải đúng mẫu mã, số quy cách (P/N);

(3) Các quy trình, công nghệ chế tạo và phương pháp lắp ráp ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn của sản phẩm cuối cùng phải được thực hiện phù hợp với các tính năng được chấp thuận;

(4) Các thay đổi về thiết kế, bao gồm cả sự thay đổi về vật liệu, phải được phê chuẩn theo Chương D hoặc E và được kiểm soát chặt chẽ trước khi đưa vào áp dụng trên sản phẩm cuối cùng.

(b) Hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo theo quy định tại Điều 21.140 phải đảm bảo:

(1) Kiểm tra tính phù hợp của các thiết bị với số liệu thiết kế áp dụng tại các vị trí có thể xác định độ chính xác trong quá trình chế tạo;

(2) Các vật liệu dễ bị hỏng hóc hoặc hư hại phải được lưu giữ và bảo quản phù hợp;

(3) Có đầy đủ bản vẽ thiết kế mới nhất cho những người tham gia vào quá trình chế tạo và quá trình kiểm tra, sử dụng khi cần thiết;

(4) Các vật liệu, thiết bị phế thải phải được bảo quản cách ly và treo thẻ nhằm tránh việc lắp lên sản phẩm cuối cùng;

(5) Vật liệu và thiết bị tồn lại do có các sai lệch so với số liệu thiết kế hoặc tính năng kỹ thuật, và những vật liệu, thiết bị đang được xem xét để lắp lên sản phẩm cuối cùng phải được kiểm tra lại bằng các quy trình kỹ thuật và chế tạo đã được Cục HKVN phê chuẩn. Khi các vật liệu hoặc thiết bị này được xác định là đáp ứng yêu cầu thì phải được treo thẻ phù hợp, và phải được kiểm tra lại, nếu cần phải làm lại hoặc sửa chữa. Nếu vật liệu hoặc thiết bị bị loại bỏ thì phải được đánh dấu và vứt bỏ để tránh lắp nhầm vào các sản phẩm cuối cùng;

(6) Các bộ hồ sơ tạo ra trong hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo phải được lưu giữ, quy định mã số cùng với sản phẩm hoàn thiện hoặc một thiết bị nếu có thể. Các bộ hồ sơ này phải được nhà chế tạo lưu giữ để có thể cung cấp các thông tin cần thiết nhằm đảm bảo duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm.

21.150 THỬ NGHIỆM: TÀU BAY

(a) Nhà chế tạo tàu bay theo quy định của Chương này phải thiết lập quy trình thử nghiệm mặt đất, trên không và tuân thủ khoản (a) Điều 21.140.

(b) Mỗi quy trình thử nghiệm sản phẩm phải bao gồm các nội dung sau:

(1) Kiểm tra tính năng điều khiển của tàu bay;

(2) Kiểm tra tính năng bay (sử dụng thiết bị bay thông thường);

(3) Kiểm tra chức năng làm việc chuẩn xác của tất cả thiết bị và hệ thống tàu bay;

(4) Đảm bảo tất cả các thiết bị được quy định mã số quy cách và tất cả các bảng chỉ dẫn và tài liệu hướng dẫn bay được đặt trên tàu bay sau thử nghiệm trên không;

(5) Kiểm tra tất cả các đặc tính hoạt động của tàu bay trên mặt đất;

(6) Kiểm tra các nội dung khác đặc trưng cho tàu bay được thử nghiệm.

21.153 THỬ NGHIỆM: ĐỘNG CƠ VÀ CÁNH QUẠT

(a) Để chứng minh sự tuân thủ với các quy định nêu tại Khoản (a) Điều 21.140, nhà chế tạo động cơ và cánh quạt theo quy định của Chương này phải thử nghiệm chức năng của từng động cơ, từng cánh quạt có biến cự thay đổi theo quy định trong tài liệu do chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại ban hành nhằm kiểm tra độ chuẩn xác của các chức năng làm việc có phù hợp với phạm vi hoạt động được phê chuẩn trong Giấy chứng nhận loại hay không.

21.155 NGHĨA VỤ CỦA NHÀ CHẾ TẠO

(a) Nhà chế tạo các sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng theo quy định của Chương này có nghĩa vụ:

(1) Chuẩn bị các sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị để kiểm tra;

(2) Lưu giữ tại nơi chế tạo các số liệu kỹ thuật và các bản vẽ cần thiết để xác định sự phù hợp của sản phẩm với các số liệu thiết kế áp dụng;

(3) Duy trì hệ thống kiểm tra quá trình chế tạo để đảm bảo sự phù hợp của mỗi sản phẩm với số liệu thiết kế áp dụng và tình trạng hoạt động an toàn;

(4) Trợ giúp chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế và Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế trong các hoạt động duy trì tính đủ điều kiện bay của sản phẩm, thiết bị và phụ tùng được chế tạo ra;

(5) Vì mục đích an toàn, thiết lập và duy trì hệ thống báo cáo sự cố trong nội bộ nhằm thu thập và đánh giá các báo cáo sự cố để nhận biết các chiều hướng xấu hoặc chỉ ra các yếu kém và khuyến khích báo cáo. Hệ thống này phải bao gồm sự đánh giá các thông tin liên quan tới các sự cố và phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan;

(6) Yêu cầu về việc báo cáo đối với nhà chế tạo:

(i) Thông báo chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại hạn chế hoặc Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế các trường hợp về sản phẩm, thiết bị và phụ tùng bị phát hiện có sai lệch so với số liệu thiết kế áp dụng sau khi đã được đưa vào sử dụng và cùng chủ sở hữu của các Giấy chứng nhận nói trên điều tra để phát hiện ra các sai lệch có thể gây mất an toàn đó;

(ii) Báo cáo Cục HKVN các sai lệch có thể gây tình trạng mất an toàn nói tại điểm (1) trên đây. Các báo cáo này phải được thực hiện theo mẫu biểu và cách thức do Cục HKVN quy định tại Điều 21.010;

(iii) Nếu tổ chức chế tạo là nhà cung ứng cho tổ chức chế tạo khác, phải thông báo cho tổ chức chế tạo đó các trường hợp các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng bị phát hiện có sự sai lệch so với số liệu thiết kế áp dụng sau khi sản phẩm, thiết bị, phụ tùng đã được bàn giao.

21.157 CAM KẾT TUÂN THỦ

(a) Mỗi nhà chế tạo sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng theo quy định của Chương này phải đưa ra bản cam kết về sự tuân thủ theo Mẫu 52 của Cục HKVN đối với một tàu bay hoàn chỉnh và Mẫu 1 cho các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng khác. Cam kết này phải do người được ủy quyền và ở vị trí chịu trách nhiệm trong tổ chức chế tạo ký.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 của Điều 21.157 quy định Mẫu 52.

Ghi chú: Xem Phụ lục 2 của Điều 21.157 quy định Mẫu 1.

(b) Cam kết tuân thủ phải bao gồm:

(1) Đối với mỗi sản phẩm, thiết bị và phụ tùng, cam kết phải khẳng định sản phẩm, thiết bị và phụ tùng đó phù hợp với số liệu thiết kế và ở trạng thái hoạt động an toàn;

(2) Đối với mỗi tàu bay, cam kết phải khẳng định tàu bay đã được kiểm tra cả ở mặt đất và trên không theo quy định tại khoản (a) Điều 21.150;

(3) Đối với mỗi động cơ, hoặc cánh quạt có biến cự thay đổi, cam kết phải khẳng định động cơ hoặc cánh quạt đã được thử nghiệm chức năng lần cuối theo quy định tại Điều 21.153. Trong trường hợp động cơ, theo số liệu cung cấp của chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại, cam kết mỗi động cơ hoàn chỉnh tuân thủ các yêu cầu về khí thải có hiệu lực tại thời điểm sản xuất động cơ.

(c) Nhà chế tạo mỗi sản phẩm, thiết bị và phụ tùng phải trình Cục HKVN công nhận hiệu lực của bản cam kết tại thời điểm khi:

(1) Bàn giao quyền sở hữu ban đầu các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng; hoặc

(2) Nộp đơn đề nghị cấp bản gốc của Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay; hoặc

(3) Nộp đơn đề nghị cấp bản gốc của tài liệu đủ điều kiện bay xuất xưởng cho động cơ, cánh quạt, phụ tùng hoặc thiết bị.

(d) Cục HKVN sẽ công nhận hiệu lực của bản cam kết tuân thủ nếu sau khi kiểm tra nhận thấy sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị phù hợp với các thiết kế áp dụng và trong tình trạng hoạt động an toàn.

CHƯƠNG G: PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC CHẾ TẠO

21.160 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định:

(1) Quy trình phê chuẩn tổ chức chế tạo cho một tổ chức chế tạo sản phẩm, phụ tùng hoặc thiết bị với số liệu thiết kế áp dụng;

(2) Các quyền và nghĩa vụ của tổ chức đang đề nghị cấp, hoặc đã có phê chuẩn tổ chức chế tạo.

21.163 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền hợp pháp có thể nộp đơn đề nghị phê chuẩn tổ chức chế tạo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam theo quy định của Chương này, người làm đơn phải:

(1) Chứng minh rằng, đối với một phạm vi công việc xác định, phê chuẩn tổ chức chế tạo theo quy định của Chương này phù hợp với mục đích chứng minh sự phù hợp với một thiết kế cụ thể;

(2) Đang có hoặc đã nộp đơn đề nghị phê chuẩn cho thiết kế cụ thể đó;

(3) Đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa chế tạo và thiết kế thông qua thỏa thuận thích hợp với người đang đề nghị, hoặc chủ sở hữu của phê chuẩn của thiết kế cụ thể đó.

21.167 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÊ CHUẨN

(a) Hồ sơ đề nghị phê chuẩn tổ chức chế tạo phải bao gồm tóm tắt các thông tin quy định tại Điều 21.175 và các phạm vi phê chuẩn theo quy định tại Điều 21.187.

(b) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người làm đơn nếu hồ sơ bị từ chối.

(c) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục HKVN xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra.

(d) Trong thời hạn 30 ngày Cục HKVN sẽ cấp Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo cho người làm đơn đề nghị nếu kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này.

21.170 CẤP PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC CHẾ TẠO

(a) Cục HKVN phê chuẩn tổ chức chế tạo nếu tổ chức chế tạo chứng minh việc tuân thủ với các yêu cầu của chương này.

21.173 HỆ THỐNG CHẤT LƯỢNG

(a) Tổ chức chế tạo phải chứng minh đã thiết lập và có đủ khả năng để duy trì hệ thống chất lượng. Hệ thống chất lượng phải được thể hiện trong tài liệu và phải hỗ trợ tổ chức chế tạo trong việc khẳng định mỗi một sản phẩm tàu bay, phụ tùng hoặc thiết bị do tổ chức sản xuất tạo ra, hoặc do các đối tác, nhà thầu phụ của tổ chức đó sản xuất ra tuân thủ các số liệu thiết kế áp dụng và trong trạng thái hoạt động an toàn, và như vậy, sẽ giúp tổ chức sản xuất thực hiện các quyền hạn quy định tại Điều 21.200.

(b) Hệ thống chất lượng phải bao gồm:

(1) Phụ thuộc vào phạm vi của phê chuẩn, các quy trình kiểm soát việc:

(i) Ban hành tài liệu, phê chuẩn và thay đổi của các tài liệu đó;

(ii) Đánh giá và kiểm soát nhà cung ứng và nhà thầu phụ;

(iii) Kiểm tra và xác định các sản phẩm, phụ tùng và các trang, thiết bị nhập vào, bao gồm cả các hạng mục mới hoặc đã qua sử dụng do chính khách hàng của tổ chức chế tạo cung cấp, là đúng như quy định trong số liệu thiết kế áp dụng;

(iv) Đăng ký mã số và hồ sơ nguồn gốc của vật tư, thiết bị;

(v) Các quy trình chế tạo;

(vi) Kiểm tra và thử nghiệm, bao gồm cả các thử nghiệm trên không và bay thử;

(vii) Hiệu chuẩn dụng cụ, thiết bị căn chỉnh và thiết bị kiểm tra;

(viii) Kiểm soát các sản phẩm không hợp quy cách;

(ix) Phối hợp với tổ chức đang đề nghị hoặc đã có phê chuẩn thiết kế về lĩnh vực tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;

(x) Hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ;

(xi) Trình độ và tay nghề của nhân viên;

(xii) Ban hành tài liệu đủ điều kiện bay xuất xưởng;

(xiii) Vận chuyển, bảo quản và đóng gói;

(xiv) Đánh giá chất lượng nội bộ và khắc phục vi phạm, nếu có;

(xv) Thực hiện các công việc trong phạm vi phê chuẩn nhưng tại các địa điểm nằm ngoài cơ sở đã được phê chuẩn;

(xvi) Công việc thực hiện sau khi hoàn tất việc chế tạo và trước khi bàn giao cho khách hàng nhằm duy trì tàu bay trong trạng thái hoạt động an toàn;

(2) Quy trình kiểm soát phải bao gồm các điều khoản cụ thể đối với các bộ phận trọng yếu.

(3) Chức năng đảm bảo chất lượng độc lập nhằm giám sát việc tuân thủ các quy trình của hệ thống chất lượng, cũng như sự hoàn thiện của quy trình đó. Việc giám sát này phải bao gồm hệ thống báo cáo phản hồi tới người quản lý (hoặc nhóm người quản lý) nêu tại tiểu mục (ii) điểm (3) khoản (a) Điều 21.177 và cuối cùng tới người quản lý quy định tại tiểu mục (i) điểm (3) khoản (a) Điều 21.177 để có biện pháp khắc phục trong trường hợp cần thiết.

21.175 GIẢI TRÌNH TỔ CHỨC CHẾ TẠO

(a) Tổ chức chế tạo phải trình Cục HKVN tài liệu "Giải trình tổ chức chế tạo" bao gồm các thông tin như sau:

(1) Cam kết tuân thủ giải trình tổ chức chế tạo và các tài liệu hướng dẫn liên quan do Giám đốc ký;

(2) Chức danh và họ tên của các cán bộ quản lý chủ chốt được Cục HKVN chấp thuận theo quy định tại tiểu mục (ii) điểm (3) khoản (a) Điều 21.177;

(3) Nhiệm vụ và trách nhiệm của các cán bộ quản lý quy định tại tiểu mục (ii) điểm (3) khoản (a) Điều 21.177 và các lĩnh vực mà các cán bộ đó đại diện trên danh nghĩa của tổ chức chế tạo khi làm việc với Cục HKVN;

(4) Sơ đồ tổ chức, trong đó chỉ rõ các mối liên hệ trách nhiệm của các cán bộ quản lý theo quy định tại tiểu mục (i) và (ii) điểm (3) khoản (a) Điều 21.177;

(5) Danh sách của các nhân viên ký cho phép xuất xưởng quy định tại điểm (4) khoản (a) Điều 21.177;

(6) Giới thiệu nguồn nhân lực;

(7) Giới thiệu các cơ sở nhà xưởng tại các địa điểm nêu trong phê chuẩn của tổ chức;

(8) Giới thiệu về phạm vi công việc của tổ chức chế tạo liên quan đến nội dung trong phê chuẩn;

(9) Quy trình thông báo cho Cục HKVN các thay đổi của tổ chức chế tạo;

(10) Quy trình sửa đổi giải trình tổ chức chế tạo;

(11) Giới thiệu về hệ thống chất lượng và các quy trình theo yêu cầu tại Điều 21.173;

(12) Danh sách đối tác, nhà thầu phụ nêu tại khoản (a) Điều 21.173.

(b) Giải trình tổ chức chế tạo phải được sửa đổi và cập nhật thường xuyên để đảm bảo phản ánh đúng thực tế của tổ chức, và phải cung cấp bản sao của các sửa đổi cho Cục HKVN.

21.177 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN

(a) Tổ chức chế tạo phải chứng minh rằng:

(1) Đối với các yêu cầu về cơ sở nhà xưởng, điều kiện làm việc, thiết bị và dụng cụ, các quy trình chế tạo và vật liệu, số lượng và năng lực của đội ngũ nhân viên và tổ chức phải đầy đủ để thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 21.203.

(2) Đối với các tham số về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, tiếng ồn, thông thoáng nhiên liệu, khí thải:

(i) Tổ chức chế tạo sẽ nhận các tham số này từ Cục HKVN và từ chủ sở hữu (hoặc người đang đề nghị) phê chuẩn loại, phê chuẩn loại hạn chế hoặc phê chuẩn thiết kế để xác định việc tuân thủ với các số liệu thiết kế áp dụng;

(ii) Tổ chức chế tạo phải thiết lập quy trình đảm bảo các tham số đã được đưa vào tài liệu sản xuất của tổ chức một cách chính xác;

(iii) Các tham số này phải được cập nhật và sẵn sàng cung cấp cho tất cả cán bộ, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công.

(3) Đối với hệ thống quản lý và các nhân viên:

(i) Giám đốc được chỉ định phải chịu trách nhiệm trước Cục HKVN. Trách nhiệm của Giám đốc đối với tổ chức là phải đảm bảo quá trình chế tạo được thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn quy định và tổ chức chế tạo luôn tuân thủ với các số liệu và quy trình nêu trong Giải trình tổ chức chế tạo theo quy định tại Điều 21.175;

(ii) Người được tổ chức chế tạo đề cử nhằm đảm bảo sự tuân thủ của tổ chức với các yêu cầu của Phần này, và phạm vi quyền hạn của họ. Những người này chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc. Những người này phải được đào tạo cơ bản, có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp;

(iii) Nhân viên ở các mức phải được phân quyền hạn thích hợp để có thể thực hiện các trách nhiệm được phân công và phải có sự phối hợp đầy đủ và hiệu quả giữa các bộ phận trong tổ chức chế tạo đối với các vấn đề liên quan tới tham số tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, tiếng ồn, thông thoáng nhiên liệu và khí thải.

(4) Đối với đội ngũ nhân viên ký cho phép xuất xưởng được tổ chức chế tạo ủy quyền cho ký các tài liệu ban hành theo quy định tại Điều 21.200 trong phạm vi nội dung cho phép của phê chuẩn:

(i) Kiến thức, trình độ (bao gồm cả các chức năng khác trong tổ chức), và kinh nghiệm của các nhân viên ký cho phép xuất xưởng phải phù hợp để thực hiện tốt các trách nhiệm được phân công;

(ii) Tổ chức chế tạo phải lưu trữ hồ sơ của tất cả các nhân viên ký cho phép xuất xưởng bao gồm cả phạm vi công việc cụ thể mà họ được uỷ quyền;

(iii) Các nhân viên ký cho phép xuất xưởng phải có bằng chứng về phạm vi các công việc họ được phép thực hiện.

21.180 CÁC THAY ĐỔI TỔ CHỨC CHẾ TẠO

(a) Sau khi được cấp phê chuẩn tổ chức chế tạo, các thay đổi quan trọng của tổ chức chế tạo đối với việc chứng minh sự tuân thủ, hoặc đối với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, các đặc tính về tiếng ồn, thông thoáng nhiên liệu, khí thải của sản phẩm hoặc thiết bị, đặc biệt các thay đổi đối với hệ thống chất lượng, phải được Cục HKVN phê chuẩn. Đơn đề nghị phê chuẩn thay đổi về tổ chức phải được trình Cục HKVN và tổ chức gửi đơn phải chứng minh tiếp tục tuân thủ các quy định của Chương này trước khi các thay đổi trên áp dụng. Tổ chức gửi đơn thực hiện trình tự, thủ tục phê chuẩn theo quy định tại 21.167.

(b) Tổ chức chế tạo được phê chuẩn theo các quy định của Chương này, có thể bị hạn chế từng phần hoặc toàn bộ, bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 21.195 của Phần này.

21.183 THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM

(a) Việc thay đổi địa điểm của tổ chức chế tạo đã được phê chuẩn là thay đổi quan trọng và tuân thủ các quy định tại Điều 21.180.

21.185 CHUYỂN GIAO

(a) Trừ trường hợp việc thay đổi chủ sở hữu là thay đổi quan trọng như nêu tại Điều 21.180 Phê chuẩn tổ chức chế tạo không được phép chuyển giao.

21.187 PHẠM VI PHÊ CHUẨN

(a) Phê chuẩn tổ chức chế tạo phải nêu rõ phạm vi công việc, các sản phẩm hoặc các chủng loại phụ tùng, thiết bị mà tổ chức chế tạo được phép áp dụng các quyền hạn quy định tại Điều 21.163.

21.190 THAY ĐỔI PHẠM VI PHÊ CHUẨN

(a) Các thay đổi liên quan đến nội dung của phê chuẩn đều phải được Cục HKVN phê chuẩn. Tổ chức gửi đơn thực hiện trình tự, thủ tục hành chính theo quy định tại 21.167.

21.193 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

(a) Tổ chức chế tạo phải tạo điều kiện cho Cục HKVN kiểm tra, đánh giá cần thiết, kể cả đối với các đối tác và nhà thầu phụ, để xác định việc tuân thủ với các tiêu chuẩn của Chương này.

21.195 CÁC VI PHẠM

(a) Các vi phạm đối với việc tuân thủ các yêu cầu áp dụng trong Phần này (có kèm theo bằng chứng cụ thể) được phân loại như sau:

(1) Vi phạm Mức 1: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này dẫn tới việc không thể kiểm soát được việc tuân thủ các số liệu thiết kế và gây mất an toàn cho tàu bay;

(2) Vi phạm Mức 2: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này nhưng chưa phải là Mức 1;

(3) Vi phạm Mức 3: là những vi phạm được nhận biết bằng các chứng cứ khách quan, có chứa đựng các vấn đề tiềm ẩn có thể dẫn đến việc không tuân thủ như đã nêu ở điểm 1 và 2.

(b) Sau khi nhận được thông báo về các vi phạm:

(1) Đối với vi phạm Mức 1: Tổ chức chế tạo được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận cấp theo quy định của Phần này phải thực hiện hành động khắc phục đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN trong khoảng thời gian không quá 21 ngày làm việc tính từ ngày nhận được thông báo vi phạm bằng văn bản;

(2) Đối với vi phạm Mức 2: Cục HKVN sẽ cho khoảng thời gian thực hiện hành động khắc phục phù hợp với tính chất của vi phạm nhưng trong bất kỳ trường hợp nào khởi đầu cũng không quá 6 tháng. Trong một số trường hợp và tùy theo tính chất của vi phạm, Cục HKVN có thể kéo dài thời hạn 6 tháng nếu kế hoạch khắc phục được nhất trí và đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN;

(3) Vi phạm mức 3: không đòi hỏi tổ chức chế tạo phải khắc phục ngay lập tức.

(c) Trong trường hợp vi phạm Mức 1 hoặc Mức 2, tổ chức chế tạo có thể sẽ bị hạn chế từng phần hoặc toàn bộ, bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận. Chủ thể Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo sẽ được thông báo về sự hạn chế, đình chỉ hoặc thu hồi phê chuẩn tổ chức chế tạo một cách nhanh chóng.

21.197 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Phê chuẩn tổ chức chế tạo có thời hạn hiệu lực tối đa là 1 năm và duy trì hiệu lực trừ một trong các trường hợp sau:

(1) Tổ chức chế tạo không thể chứng minh được sự tuân thủ với các tiêu chuẩn áp dụng của chương này;

(2) Cục HKVN bị chủ thể Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo, các đối tác hoặc các nhà thầu phụ cản trở trong việc thực hiện đánh giá theo quy định tại 21.193;

(3) Khi có bằng chứng chứng minh tổ chức chế tạo không có khả năng duy trì kiểm soát một cách đầy đủ công việc chế tạo sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng theo quy định trong phê chuẩn;

(4) Tổ chức chế tạo không đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 21.163;

(5) Giấy chứng nhận được hoàn trả hoặc bị thu hồi.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 21.197 quy định chi tiết thủ tục gia hạn, sửa đổi phê chuẩn tổ chức thiết kế, chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay.

(b) Trong trường hợp được trả lại hoặc bị thu hồi, phê chuẩn phải được gửi trả lại Cục HKVN.

21.200 CÁC QUYỀN HẠN

(a) Chủ thể Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo theo quy định tại Điều 21.170 có quyền sau đây:

(1) Thực hiện các công việc chế tạo theo quy định của Phần này;

(2) Trong trường hợp tàu bay hoàn chỉnh, sau khi đã trình cam kết tuân thủ với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng theo Mẫu 52, có thể cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay và phê chuẩn về tiếng ồn mà không cần phải chứng minh;

(3) Đối với trường hợp sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng không cần phải chứng minh tiếp thì ban hành phê chuẩn cho phép xuất xưởng (Mẫu 1) theo quy định tại Điều 21.175;

(4) Bảo dưỡng tàu bay mới do chủ sở hữu chế tạo ra và cho phép tàu bay vào khai thác.

21.203 NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO

(a) Chủ sở hữu phê chuẩn tổ chức chế tạo phải:

(1) Đảm bảo tài liệu "Giải trình tổ chức chế tạo" soạn thảo theo quy định tại Điều 21.175 và các tài liệu tham chiếu trong giải trình được sử dụng làm tài liệu làm việc cơ bản trong tổ chức chế tạo;

(2) Duy trì sự tuân thủ của tổ chức chế tạo với các số liệu và quy trình đã được phê chuẩn;

(3) Xác định:

(i) Mỗi tàu bay hoàn chỉnh phải tuân thủ số liệu thiết kế và ở trạng thái hoạt động an toàn trước khi trình Cục HKVN "Cam kết tuân thủ";

(ii) Các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng khác đã hoàn chỉnh và tuân thủ các số liệu thiết kế và ở trạng thái hoạt động an toàn trước khi ban hành Mẫu 1 để phê chuẩn cho sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng được phép xuất xưởng. Đối với động cơ, căn cứ theo số liệu do chủ sở hữu Phê chuẩn loại (động cơ) cung cấp, chủ sở hữu phải đảm bảo mỗi động cơ tuân thủ các yêu cầu về khí thải theo quy định tại Điều 21.035 có hiệu lực tại thời điểm động cơ được chế tạo;

(iii) Các sản phẩm, thiết bị, phụ tùng khác tuân thủ các số liệu áp dụng trước khi xuất Mẫu 1 như là Giấy chứng nhận chứng minh sự phù hợp của sản phẩm, thiết bị, phụ tùng đó.

(4) Ghi chép chi tiết các công việc đã thực hiện;

(5) Vì mục đích an toàn, thiết lập và duy trì hệ thống báo cáo sự cố trong nội bộ nhằm thu thập và đánh giá các báo cáo sự cố để nhận biết các chiều hướng xấu hoặc chỉ ra các yếu kém và khuyến khích báo cáo. Hệ thống này phải bao gồm sự đánh giá các thông tin liên quan tới các sự cố và phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan;

(6) Báo cáo:

(i) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc chủ sở hữu Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế các trường hợp khi sản phẩm, thiết bị và phụ tùng bị phát hiện có sai lệch so với số liệu thiết kế áp dụng sau khi đã được tổ chức chế tạo cho phép xuất xưởng và phối hợp với chủ sở hữu của các phê chuẩn kiểm tra để xác định các sai lệch có thể gây mất an toàn;

(ii) Cục HKVN các sai lệch có thể gây mất an toàn nêu tại điểm (1) trên theo mẫu biểu và cách thức do Cục HKVN quy định hoặc chấp thuận tại điểm (2) khoản (b) Điều 21.013;

(iii) Tổ chức chế tạo các trường hợp các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng bị phát hiện có sự sai lệch so với số liệu thiết kế áp dụng sau khi xuất xưởng, nếu nhà chế tạo được phê chuẩn theo quy định của chương này đồng thời là nhà cung ứng.

(7) Đảm bảo cung cấp sự trợ giúp cần thiết cho chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại, phê chuẩn thiết kế để giải quyết các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay của sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng do tổ chức chế tạo sản xuất ra;

(8) Thiết lập hệ thống lưu trữ các yêu cầu áp dụng đối với các đối tác, nhà cung ứng hoặc nhà thầu phụ, đảm bảo việc lưu trữ các số liệu chứng minh sự tuân thủ của sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng. Những tài liệu đó phải sẵn sàng cung cấp

cho Cục HKVN khi được yêu cầu và phải được lưu trữ để có thể cung cấp các thông tin cần thiết nhằm đảm bảo tính đủ điều kiện bay của sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng;

(9) Trước khi ký xác nhận cho phép khai thác trong khuôn khổ nội dung của phê chuẩn chủ sở hữu tổ chức chế tạo phải xác định rằng tàu bay được bảo dưỡng đầy đủ và ở trạng thái hoạt động an toàn.

CHƯƠNG H: ĐỂ TRỐNG

CHƯƠNG I: GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN

21.205 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn cho tàu bay.

21.207 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Các tổ chức, cá nhân có tàu bay đăng ký tại Cục HKVN có thể đề nghị cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn cho tàu bay theo quy định của Chương này.

21.210 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN

(a) Mỗi bộ hồ sơ phải bao gồm:

(1) Đối với tàu bay mới:

(i) Cam kết tuân thủ với một trong các điều kiện:

(A) Quy định tại điểm (2) khoản (a) Điều 21.200;

(B) Quy định tại Điều 21.157 và được Cục HKVN công nhận hiệu lực;

(C) Đối với tàu bay nhập khẩu, Cam kết của Nhà Chức trách Hàng không nước xuất khẩu đảm bảo tàu bay tuân thủ với thiết kế đã được Nhà chức trách đó phê chuẩn.

(ii) Các thông tin về tiếng ồn được xác định theo các yêu cầu tiếng ồn. Thông tin này phải được ghi rõ trong tài liệu hướng dẫn bay, khi tài liệu hướng dẫn bay này được yêu cầu cho một tàu bay cụ thể do tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định.

(2) Đối với tàu bay đã qua sử dụng:

(i) Các thông tin về tiếng ồn được xác định theo các yêu cầu về tiếng ồn. Thông tin này phải được ghi rõ trong tài liệu hướng dẫn bay, yêu cầu đối với một tàu bay cụ thể do tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định;

(ii) Hồ sơ ghi chép lịch sử của tàu bay nhằm thiết lập tiêu chuẩn chế tạo, cải tiến và bảo dưỡng của tàu bay.

(b) Cam kết theo quy định tại Điểm (1) Khoản (a) của Điều này phải được công bố trong thời hạn 30 ngày trước khi đưa tàu bay vào đăng ký tại Việt Nam nếu Cục HKVN không có quy định khác.

21.213 CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TIẾNG ỒN

(a) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn sau khi người làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn đã nộp đầy đủ các tài liệu theo quy định tại Khoản (b) Điều 21.210.

(b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi người đề nghị nộp đầy đủ hồ sơ về Cục HKVN, Cục HKVN có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn.

(c) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người làm đơn nếu hồ sơ bị từ chối.

(d) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục HKVN xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra, đo độ ồn của tàu bay với người làm đơn đề nghị.

(e) Cục HKVN quyết định cấp, gia hạn, công nhận Giấy chứng nhận tiếng ồn trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu bay.

21.215 THAY ĐỔI HOẶC ĐIỀU CHỈNH

(a) Việc thay đổi hoặc điều chỉnh nội dung của Giấy chứng nhận tiếng ồn do Cục HKVN thực hiện. Tổ chức, cá nhân thực hiện trình tự, thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 21.210 và 21.213.

21.217 CHUYỂN GIAO VÀ CẤP LẠI

(a) Khi quyền sở hữu tàu bay thay đổi:

(1) Nếu tàu bay vẫn giữ nguyên đăng ký, Giấy chứng nhận tiếng ồn phải chuyển giao cùng tàu bay;

(2) Nếu tàu bay chuyển đăng ký sang quốc gia khác, Giấy chứng nhận tiếng ồn sẽ được cấp trên cơ sở Giấy chứng nhận tiếng ồn cũ. Chủ sở hữu Giấy chứng nhận tiếng ồn gửi công văn thông báo thay đổi đến Cục HKVN, trong vòng 15 ngày Cục HKVN kể từ khi nhận được công văn Cục HKVN có trách nhiệm tiến hành kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn.

21.220 KIỂM TRA

(a) Chủ sở hữu Giấy chứng nhận tiếng ồn phải tạo điều kiện để Cục HKVN tiếp cận và tiến hành tất cả các công việc kiểm tra cần thiết trên tàu bay mà Giấy chứng nhận tiếng ồn đó áp dụng.

21.223 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Giấy chứng nhận tiếng ồn được cấp vô thời hạn và sẽ có hiệu lực nếu:

(1) Tàu bay tuân thủ với thiết kế loại áp dụng, với các yêu cầu về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn đủ điều kiện bay; và

(2) Tàu bay không có sự chuyển đổi đăng kí;

(3) Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại hạn chế làm cơ sở cho việc cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn còn giá trị hiệu lực;

(4) Giấy chứng nhận tiếng ồn không bị trả lại hoặc bị thu hồi.

(b) Trong trường hợp bị thu hồi, Giấy chứng nhận tiếng ồn phải được gửi lại Cục HKVN.

CHƯƠNG J: PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC THIẾT KẾ

21.225 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế và quyền, nghĩa vụ đối với người đang đề nghị cấp hoặc đã có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế.

21.227 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Tất cả mọi tổ chức, cá nhân hợp pháp đều đủ tư cách pháp lý để đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được quy định trong Chương này:

(1) Theo quy định tại Điều 21.023, 21.107, 21.280 hoặc 21.315; hoặc

(2) Cho các thiết kế thay đổi nhỏ hoặc sửa chữa nhỏ, cho mục đích được thực hiện các quyền hạn quy định tại Điều 21.263.

21.230 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÊ CHUẨN

(a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải bao gồm các thông tin tóm tắt theo quy định tại Điều 21.237 và các nội dung mà người làm đơn đề nghị được phê chuẩn theo quy định tại Điều 21.247.

(b) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người làm đơn nếu hồ sơ bị từ chối.

(c) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục HKVN xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra;

(d) Trong thời hạn 30 ngày, Cục HKVN sẽ cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế cho người làm đơn đề nghị nếu kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này.

21.233 CẤP PHÊ CHUẨN TỔ CHỨC THIẾT KẾ

(a) Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sau khi đã chứng minh việc tuân thủ với các quy định của Chương này.

21.235 HỆ THỐNG ĐẢM BẢO THIẾT KẾ

(a) Tổ chức thiết kế phải chứng minh là đã thiết lập và có khả năng duy trì hệ thống đảm bảo thiết kế nhằm kiểm soát và giám sát việc thiết kế, thay đổi thiết kế đối với các sản phẩm, thiết bị và phụ tùng tàu bay trong phạm vi của phê chuẩn. Hệ thống đảm bảo thiết kế phải giúp tổ chức thiết kế:

(1) Đảm bảo mọi thiết kế của sản phẩm, thiết bị và phụ tùng tàu bay hoặc các thay đổi thiết kế của chúng tuân thủ với cơ sở phê chuẩn Giấy chứng nhận loại áp dụng và các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

(2) Đảm bảo các trách nhiệm của tổ chức thiết kế được thực hiện đúng với:

(i) Các quy định phù hợp trong Phần này;

(ii) Các nội dung của phê chuẩn được cấp tại Điều 21.247.

(3) Độc lập giám sát việc tuân thủ, sự đầy đủ, các quy trình của tổ chức thiết kế. Việc giám sát này phải bao gồm hệ thống thông báo cho những người có trách nhiệm đưa ra các biện pháp khắc phục.

(b) Hệ thống đảm bảo thiết kế phải có chức năng kiểm tra độc lập sự tuân thủ với các cơ sở phê chuẩn mà tổ chức thiết kế đã cam kết thực hiện.

(c) Tổ chức thiết kế phải chỉ rõ cách thức mà hệ thống đảm bảo thiết kế áp dụng cho việc đánh giá và chấp nhận các thiết bị, phụ tùng đã thiết kế và các công việc do các đối tác hoặc các nhà thầu phụ thực hiện theo phương thức đã nêu trong quy trình của tổ chức đó.

21.237 DỮ LIỆU

(a) Tổ chức thiết kế phải cung cấp cho Cục HKVN "Giải trình tổ chức thiết kế", trong đó trình bày cơ cấu tổ chức, các quy trình liên quan, các sản phẩm hoặc các thay đổi của sản phẩm sẽ được thiết kế.

(b) Trong trường hợp các thiết bị, phụ tùng hoặc thay đổi của các sản phẩm tàu bay được thiết kế bởi các tổ chức đối tác hoặc các nhà thầu phụ khác, "Giải trình tổ chức thiết kế" phải bao gồm cam kết rằng tổ chức thiết kế đảm bảo tất cả các thiết bị và phụ tùng tuân thủ các quy định tại Điều 21.235. Tài liệu "Giải trình tổ chức thiết kế" đồng thời, trực tiếp hoặc qua dẫn chiếu, phải mô tả và cung cấp các thông tin về các hoạt động thiết kế và sơ đồ tổ chức của các đối tác hoặc nhà thầu phụ như là cơ sở cho sự cam kết trên.

(c) Giải trình tổ chức thiết kế sẽ phải được thường xuyên sửa đổi, cập nhật phù hợp với các thay đổi của tổ chức thiết kế. Bản sao của các sửa đổi, cập nhật đó phải được cung cấp cho Cục HKVN.

(d) Tổ chức thiết kế phải cung cấp hồ sơ về trình độ và kinh nghiệm của đội ngũ quản lý và của những người có trách nhiệm đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và các yêu cầu về bảo vệ môi trường của tổ chức.

21.240 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN

(a) Ngoài việc tuân thủ các quy định tại Điều 21.235, trên cơ sở các thông tin đã nộp theo quy định tại Điều 21.237, tổ chức thiết kế phải chứng minh:

(1) Đội ngũ nhân viên kỹ thuật đầy đủ về số lượng và kinh nghiệm và có quyền hạn phù hợp để thực hiện các trách nhiệm được phân công, được trang bị đầy đủ khu vực làm việc, cơ sở nhà xưởng và dụng cụ, trang thiết bị làm việc để đạt được các mục tiêu về tính đủ điều kiện bay, tiếng ồn, thông thoáng nhiên liệu và khí thải đối với sản phẩm.

(2) Có sự phối hợp đầy đủ và chặt chẽ giữa các bộ phận và trong từng bộ phận về các vấn đề tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và yêu cầu bảo vệ môi trường.

21.243 CÁC THAY ĐỔI TRONG HỆ THỐNG BẢO ĐẢM THIẾT KẾ

(a) Sau khi ban hành Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế, các thay đổi quan trọng trong hệ thống đảm bảo thiết kế có liên quan đến chứng minh sự tuân thủ hoặc tiêu chuẩn đủ điều kiện bay và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với sản phẩm, đều phải được Cục HKVN phê chuẩn. Đơn đề nghị phê chuẩn thay đổi phải trình Cục HKVN, và trên cơ sở của tờ trình về các thay đổi đối với giải trình tổ chức thiết kế và trước khi áp dụng các thay đổi đó tổ chức thiết kế phải chứng minh tiếp tục duy trì tuân thủ các quy định của Chương này sau khi áp dụng các thay đổi trên. Tổ chức thiết kế thực hiện trình tự, thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 21.227 và 21.230.

21.245 CHUYỂN GIAO

(a) Ngoại trừ việc thay đổi chủ sở hữu được coi là thay đổi quan trọng với mục đích nói tại Điều 21.243, Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế không được phép chuyển giao.

21.247 PHẠM VI PHÊ CHUẨN

(a) Phạm vi của phê chuẩn phải nêu rõ các công việc thiết kế, các loại sản phẩm, phụ tùng và thiết bị tàu bay được thực hiện, quy định các chức năng và nhiệm vụ của tổ chức thiết kế được phê chuẩn thực hiện đối với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay, tiếng ồn, thông thoáng nhiên liệu, khí thải của sản phẩm. Đối với tổ chức thiết kế đồng thời là chủ sở hữu của phê chuẩn loại hoặc bằng TCKT cho động cơ phụ (APU), phạm vi của phê chuẩn phải bao gồm danh mục của các sản phẩm hoặc động cơ phụ. Các phạm vi này phải được ban hành như là một phần của Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế.

21.250 THAY ĐỔI PHẠM VI CỦA PHÊ CHUẨN

(a) Mỗi thay đổi của phạm vi phê chuẩn phải được Cục HKVN phê chuẩn. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn thay đổi phạm vi phê chuẩn phải được thực hiện theo mẫu biểu và cách thức do Cục HKVN quy định.

21.253 KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

(a) Tổ chức thiết kế phải tạo mọi điều kiện để Cục HKVN tiến hành kiểm tra và đánh giá tổ chức, bao gồm kiểm tra và đánh giá các đối tác và nhà thầu phụ của tổ chức nhằm xác định việc tuân thủ và việc duy trì sự tuân thủ các yêu cầu của Chương này.

(b) Tổ chức thiết kế phải tạo điều kiện để Cục HKVN xem xét lại các báo cáo, thực hiện kiểm tra và tiến hành hoặc giám sát các thử nghiệm tại mặt đất và trên không cần thiết để kiểm tra tính xác thực của cam kết do tổ chức thiết kế báo cáo theo quy định tại Khoản (b) Điều 21.235.

21.257 VI PHẠM

(a) Các vi phạm so với quy định của Chương này, khi có bằng chứng cụ thể, được phân loại như sau:

(1) Vi phạm Mức 1: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này dẫn tới việc không thể kiểm soát được việc không tuân thủ các yêu cầu áp dụng và gây mất an toàn đối với tàu bay.

(2) Vi phạm Mức 2: là sự không tuân thủ với các quy định của Phần này nhưng chưa phải là Mức 1.

(3) Vi phạm Mức 3: là những vi phạm được nhận biết bằng các chứng cứ khách quan, có chứa đựng các vấn đề tiềm ẩn có thể dẫn đến việc không tuân thủ như đã nêu tại Điểm (1) và (2).

(b) Sau khi nhận được thông báo theo quy trình hành chính do Cục HKVN quy định về các vi phạm:

(1) Đối với vi phạm Mức 1: chủ thể Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế phải thực hiện hành động khắc phục đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN trong khoảng thời gian không quá 21 ngày làm việc tính từ ngày nhận được thông báo vi phạm bằng văn bản;

(2) Đối với vi phạm Mức 2: Cục HKVN sẽ cho khoảng thời gian thực hiện hành động khắc phục phù hợp với tính chất của vi phạm nhưng trong bất kỳ trường hợp nào khởi đầu cũng không được quá 6 tháng. Trong một số trường hợp và tùy theo tính chất của vi phạm, Cục HKVN có thể kéo dài thời hạn 6 tháng nếu kế hoạch khắc phục được nhất trí và đáp ứng yêu cầu của Cục HKVN;

(3) Các vi phạm Mức 3: không yêu cầu chủ thể Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế phải có biện pháp khắc phục ngay lập tức.

(c) Trong trường hợp vi phạm Mức 1 hoặc Mức 2, người có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế có thể sẽ bị hạn chế từng phần hoặc toàn bộ, bị đình chỉ hoặc bị thu hồi theo quy định hành chính của Cục HKVN. Người có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sẽ được thông báo về việc hạn chế, đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế một cách nhanh chóng.

21.260 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được cấp với thời hạn tối đa là 01 năm và duy trì hiệu lực trừ một trong các trường hợp sau:

(1) Tổ chức thiết kế không thể chứng minh sự tuân thủ với các yêu cầu áp dụng của Chương này;

(2) Tổ chức thiết kế hoặc đối tác hoặc nhà thầu phụ không tạo điều kiện cho Cục HKVN tiến hành các công việc kiểm tra đánh giá theo quy định tại Điều 21.253;

(3) Có dấu hiệu chứng tỏ hệ thống đảm bảo thiết kế không thể duy trì được việc kiểm soát và giám sát hiệu quả đối với hoạt động thiết kế sản phẩm tàu bay hoặc thay đổi của các sản phẩm theo quy định trong phạm vi của phê chuẩn;

(4) Phê chuẩn bị trả lại hoặc bị thu hồi theo các quy trình quản lý hành chính do Cục HKVN quy định.

(b) Trong trường hợp bị thu hồi, Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế phải được gửi trả lại Cục HKVN.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 21.197 quy định chi tiết thủ tục gia hạn, sửa đổi phê chuẩn tổ chức thiết kế, chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay.

21.263 CÁC QUYỀN HẠN

(a) Chủ sở hữu của Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được phép thực hiện các hoạt động thiết kế ghi trong phạm vi Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được cấp theo quy định của Phần này.

(b) Sau khi kiểm tra, đánh giá theo quy định tại khoản (b) Điều 21.257, tổ chức thiết kế được đề nghị cấp và Cục HKVN đồng ý chấp thuận mà không cần kiểm tra tài liệu chứng minh sự phù hợp của một trong các phê chuẩn sau đây:

(1) Giấy chứng nhận loại hoặc phê chuẩn thay đổi lớn đối với thiết kế loại;

(2) Giấy chứng nhận loại loại bổ sung;

(3) Bằng tiêu chuẩn kỹ thuật theo tiểu mục (i) của Điều 21.315 (a)(2);

(4) Phê chuẩn thiết kế sửa chữa lớn.

(c) Theo phạm vi đã được phê chuẩn và các quy trình liên quan đến hệ thống đảm bảo thiết kế, chủ sở hữu Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được quyền:

(1) Phân loại các thay đổi đối với thiết kế loại và các sửa chữa nhỏ hoặc sửa chữa lớn;

(2) Phê chuẩn các thay đổi nhỏ đối với thiết kế loại và các sửa chữa nhỏ;

(3) Ban hành các thông tin hoặc hướng dẫn kỹ thuật và được ghi như sau: "Nội dung kỹ thuật của tài liệu này được Cục HKVN phê chuẩn trong Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế số: CAAV/DOA....";

(4) Phê chuẩn các thay đổi về tài liệu đối với tài liệu hướng dẫn bay và ban hành các thay đổi có chứa các câu như sau: " Phát hành số xxx của tài liệu Hướng Dẫn Bay có tham chiếu yyy, được Cục HKVN phê chuẩn trong Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế số: CAAV/DOA.....";

(5) Phê chuẩn thiết kế sửa chữa lớn đối với sản phẩm tàu bay trong phạm vi thiết kế có phê chuẩn loại hoặc phê chuẩn loại bổ sung của tổ chức.

21.265 NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC THIẾT KẾ

(a) Tổ chức thiết kế được phê chuẩn theo quy định của Chương này phải:

(1) Duy trì tài liệu "Giải trình tổ chức thiết kế" phù hợp với hệ thống đảm bảo thiết kế;

(2) Đảm bảo tài liệu "Giải trình tổ chức thiết kế" được sử dụng như tài liệu làm việc cơ bản trong tổ chức thiết kế;

(3) Khẳng định tất cả các thiết kế của sản phẩm tàu bay, hoặc thay đổi hoặc sửa chữa các sản phẩm đó tuân thủ các yêu cầu áp dụng và không có yếu tố gây mất an toàn;

(4) Trừ các thay đổi hoặc các sửa chữa nhỏ được phê chuẩn theo quy định tại Điều 21.263, trong mọi trường hợp khác phải cung cấp cho Cục HKVN lời cam kết và các tài liệu liên quan khẳng định sự tuân thủ quy định tại Điểm (3) trên đây;

(5) Cung cấp cho Cục HKVN các thông tin hoặc hướng dẫn có liên quan tới các hoạt động quy định tại Điều 21.013.

CHƯƠNG K: PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ

21.267 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình liên quan đến việc phê chuẩn các phụ tùng và thiết bị tàu bay.

21.270 VIỆC TUÂN THỦ VỚI CÁC YÊU CẦU ÁP DỤNG

(a) Việc chứng minh sự tuân thủ của các phụ tùng và thiết bị lắp trên sản phẩm tàu bay đã được cấp phê chuẩn Giấy chứng nhận loại phải được thực hiện:

(1) Trong mối liên hệ với các quy trình phê chuẩn Giấy chứng nhận loại theo yêu cầu của Chương B, D hoặc E cho các sản phẩm tàu bay mà thiết bị hoặc phụ tùng sẽ được lắp lên;

(2) Theo quy trình cấp bằng TCKT của Chương O;

(3) Theo các tiêu chuẩn được chính thức công nhận, đối với các phụ tùng tiêu chuẩn.

21.273 PHÊ CHUẨN CÁC PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ

(a) Trong mọi trường hợp, nếu việc phê chuẩn phụ tùng hoặc thiết bị là cần thiết để bảo đảm an toàn bay thì các phụ tùng và thiết bị phải tuân thủ các TCKT áp dụng hoặc với các tính năng đã được Cục HKVN công nhận trong từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú: Xem Điều 3.011 Phần 3 về trình tự, thủ tục phê chuẩn thiết bị lắp trên tàu bay, thiết bị, vật tư tiêu chuẩn, vật tư tiêu hao phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay.

21.275 KÝ CHO PHÉP LẮP ĐẶT CÁC PHỤ TÙNG VÀ THIẾT BỊ

(a) Không được lắp đặt phụ tùng hoặc thiết bị (trừ các phụ tùng tiêu chuẩn) lên tàu bay đã được phê chuẩn Giấy chứng nhận loại trừ khi:

(1) Có treo Giấy chứng nhận cho phép xuất xưởng theo Mẫu 1 của Quy chế này hoặc các giấy phép xuất xưởng được Cục HKVN công nhận để xác định tính đủ điều kiện bay; và

(2) Có đánh dấu quy cách theo quy định của Chương Q.

CHƯƠNG L:

(ĐỂ DỰ PHÒNG)

CHƯƠNG M: SỬA CHỮA

21.277 PHẠM VI

(a) Chương này quy định quy trình phê chuẩn các thiết kế sửa chữa và các quyền và nghĩa vụ đối với người đang đề nghị, hoặc đã là chủ sở hữu của các phê chuẩn đó.

(b) "Sửa chữa" là công việc nhằm loại bỏ các hư hỏng và phục hồi tiêu chuẩn đủ điều kiện bay đối với sản phẩm tàu bay, thiết bị và phụ tùng sau khi đã được nhà chế tạo cho phép đưa vào sử dụng.

(c) Việc loại bỏ các hư hỏng bằng cách thay thế các phụ tùng hoặc thiết bị mà không cần đến công việc thiết kế được coi là việc bảo dưỡng và sẽ không yêu cầu phải được phê chuẩn theo quy định của Phần này.

(d) Việc sửa chữa các hạng mục được chế tạo theo TCKT phải được xử lý như là các thay đổi đối với thiết kế của TCKT và phải được thực hiện theo quy định tại Điều 21.340.

21.280 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Mọi tổ chức, cá nhân hợp pháp đã chứng minh, hoặc đang trong quá trình chứng minh năng lực của mình theo quy định tại Điều này có thể đề nghị phê chuẩn thiết kế sửa chữa theo các điều kiện quy định trong Chương này.

(b) Mọi tổ chức, cá nhân hợp pháp đều có thể làm đơn đề nghị cấp phê chuẩn thiết kế sửa chữa nhỏ.

21.283 CHỨNG MINH NĂNG LỰC

(a) Người làm đơn đề nghị phê chuẩn thiết kế sửa chữa lớn phải chứng minh năng lực thực hiện công việc trên cơ sở Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được cấp theo quy định của Chương J.

(b) Nếu không có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế, người làm đơn có thể đề nghị cho phép sử dụng các quy trình quy định cụ thể về kinh nghiệm thiết kế, nguồn nhân lực và trình tự các công việc cần thiết đảm bảo tuân thủ với các quy định của Chương này.

21.285 THIẾT KẾ SỬA CHỮA

(a) Người làm đơn đề nghị phê chuẩn thiết kế sửa chữa phải:

(1) Chứng minh sự tuân thủ với các cơ sở phê chuẩn Giấy chứng nhận loại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn (đề nghị phê chuẩn thiết kế sửa chữa), và tuân thủ với các sửa đổi tính năng phê chuẩn hoặc các điều kiện đặc biệt nhằm thiết lập mức an toàn tương đương với mức do cơ sở phê chuẩn Giấy chứng nhận loại, ghi trong Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung, đã thiết lập;

(2) Trình tất cả các số liệu hỗ trợ cần thiết khi được Cục HKVN yêu cầu;

(3) Công bố việc tuân thủ với các tính năng phê chuẩn và các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại điểm (1) khoản (a) của Điều này.

(b) Nếu người làm đơn đề nghị phê chuẩn thiết kế sửa chữa không phải là chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung, thì người làm đơn có thể tuân thủ với các yêu cầu nếu tại Khoản (a) thông qua việc sử dụng nguồn lực của chính mình hoặc thông qua việc thỏa thuận với chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung.

21.287 PHÂN LOẠI SỬA CHỮA

(a) Sửa chữa bao gồm sửa chữa "Lớn" và sửa chữa "Nhỏ". Đối với các thay đổi trong thiết kế loại, việc phân loại được thực hiện theo quy định tại Điều 21.077.

(b) Việc xác định sửa chữa là "Lớn" hoặc "Nhỏ" tại Khoản (a) trên được thực hiện bởi một trong các tổ chức sau:

(1) Cục HKVN;

(2) Tổ chức thiết kế thích hợp được phê chuẩn theo quy trình được Cục HKVN chấp thuận.

21.290 PHÊ CHUẨN THIẾT KẾ SỬA CHỮA

(a) Sau khi đã công bố và chứng minh thiết kế sửa chữa đáp ứng các tính năng phê chuẩn và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các quy định tại điểm (1) khoản (a) Điều 21.285, thiết kế sửa chữa phải:

(1) Được Cục HKVN phê chuẩn;

(2) Được một tổ chức đã được phê chuẩn phù hợp là chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung phê chuẩn;

(3) Được tổ chức thiết kế đã được phê chuẩn phù hợp phê chuẩn đối với sửa chữa nhỏ.

21.293 CHẾ TẠO CÁC PHỤ TÙNG SỬA CHỮA

(a) Các phụ tùng và thiết bị được sử dụng cho công việc sửa chữa phải được chế tạo theo các số liệu thiết kế do chủ sở hữu của phê chuẩn thiết kế sửa chữa cung cấp:

(1) Theo quy định của Chương F;

(2) Do tổ chức đã được phê chuẩn phù hợp theo Chương G cung cấp;

(3) Do tổ chức bảo dưỡng đã được phê chuẩn phù hợp cung cấp.

21.295 THỰC HIỆN CÔNG VIỆC SỬA CHỮA

(a) Việc sửa chữa phải do tổ chức bảo dưỡng hoặc tổ chức chế tạo được phê chuẩn theo Chương G và theo các quyền hạn quy định tại Điều 21.200 thực hiện.

(b) Tổ chức thiết kế phải chuyển cho tổ chức thực hiện việc sửa chữa các hướng dẫn lắp đặt cần thiết.

21.297 CÁC GIỚI HẠN

(a) Thiết kế sửa chữa có thể được phê chuẩn với một số các giới hạn. Trong trường hợp phê chuẩn hạn chế, phê chuẩn thiết kế sửa chữa bao gồm cả các hướng dẫn và các giới hạn cần thiết. Các giới hạn và hướng dẫn này phải được chủ sở hữu phê chuẩn thiết kế cung cấp cho Người khai thác.

21.300 CÁC HỎNG HÓC KHÔNG ĐƯỢC SỬA CHỮA

(a) Khi sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng tàu bay hỏng hóc mà không được sửa chữa hoặc không có trong các tài liệu phê chuẩn trước đây, Cục HKVN hoặc tổ chức thiết kế được phê chuẩn phải đánh giá hư hỏng nhằm xác định ảnh hưởng của hỏng hóc đến tính đủ điều kiện bay. Các giới hạn cần thiết phải được xử lý theo quy định tại Điều 21.285.

(b) Nếu tổ chức đánh giá hỏng hóc theo quy định tại Khoản (a) trên đây không phải là Cục HKVN hoặc chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại hoặc Giấy chứng nhận loại bổ sung, thì tổ chức đó phải chứng minh được rằng các thông tin làm căn cứ cho việc đánh giá phải đầy đủ và được lấy từ chính nguồn của tổ chức đó hoặc thông qua sự trợ giúp của chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại, Giấy chứng nhận loại bổ sung hoặc từ Nhà chế tạo.

21.303 LƯU GIỮ HỒ SƠ

(a) Đối với mỗi công việc sửa chữa, tất cả các thông tin về thiết kế, bản vẽ và báo cáo thử nghiệm, các hướng dẫn và giới hạn được ban hành theo quy định tại Điều 21.285, các cơ sở phân loại (sửa chữa lớn hoặc nhỏ) và bằng chứng về phê chuẩn thiết kế sửa chữa, phải:

(1) Được chủ sở hữu của Phê chuẩn thiết kế sửa chữa lưu giữ và sẵn sàng cung cấp cho Cục HKVN khi được yêu cầu; và

(2) Được chủ sở hữu của Phê chuẩn thiết kế sửa chữa lưu giữ nhằm cung cấp các thông tin cần thiết để đảm bảo tính đủ điều kiện bay của sản phẩm tàu bay, thiết bị hoặc phụ tùng được sửa chữa.

21.305 HƯỚNG DẪN DUY TRÌ TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY

(a) Chủ sở hữu của phê chuẩn thiết kế sửa chữa phải cung cấp tối thiểu 01 bộ tài liệu hoàn chỉnh về các thay đổi của "hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay" là kết quả của thiết kế sửa chữa, cho các Người khai thác những tàu bay đã được sửa chữa. Bộ tài liệu này phải bao gồm các dữ liệu mô tả và các hướng dẫn thực hiện phù hợp với các yêu cầu áp dụng. Các sản phẩm, thiết bị hoặc phụ tùng tàu bay đã được sửa chữa có thể được phép đưa vào khai thác với khoảng thời gian hạn chế trước khi hoàn thành bộ tài liệu về các thay đổi đối với các hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay, với sự chấp thuận của Cục HKVN. Bộ tài liệu về các thay đổi các hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay sẽ phải được cung cấp cho tất cả những người cần phải tuân thủ với các thay đổi đó khi họ yêu cầu. Việc sẵn sàng cung cấp các tài liệu hướng dẫn hoặc một phần của các thay đổi hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay, có liên quan tới công việc đại tu hoặc bảo dưỡng dạng lớn, có thể trì hoãn lại cho tới sau khi sản phẩm tàu bay đã được quay trở lại khai thác nhưng phải thực hiện trước khi sản phẩm đó đạt đến thọ mệnh hoặc giờ bay/chu trình liên quan.

(b) Nếu có các số liệu cập nhật các thay đổi đối với hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay do chủ sở hữu của "phê chuẩn thiết kế sửa chữa" ban hành sau khi sửa chữa đã được phê chuẩn lần đầu, các số liệu cập nhật này phải được cung cấp cho từng Người khai thác và phải sẵn sàng cung cấp cho tất cả những người phải tuân thủ với các thay đổi đó khi họ yêu cầu. Chương trình chỉ ra việc phân phối các cập nhật của các thay đổi đối với hướng dẫn duy trì tính đủ điều kiện bay, phải được trình Cục HKVN phê duyệt.

21.307 NGHĨA VỤ VÀ NHÃN MÁC

(a) Chủ sở hữu phê chuẩn thiết kế sửa chữa phải:

(1) Thực hiện các nghĩa vụ:

(i) Quy định tại các Điều 21.010, 21.013, 21.015, 21.293, 21.295, 21.297, 21.303 và 21.305;

(ii) Hợp tác chặt chẽ với chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại và Giấy chứng nhận loại bổ sung theo quy định tại Điều 21.297.

(2) Quy định nhãn mác và thực hiện quy định tại khoản (a) Điều 21.357.

(b) Ngoại trừ nghĩa vụ của chủ sở hữu Giấy chứng nhận loại theo quy định tại 21.060, chủ sở hữu của phê chuẩn thiết kế sửa chữa nhỏ phải:

(1) Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các Điều 21.015, 21.303 và 21.305.

(2) Quy định nhãn mác và thực hiện các quy định tại Điều 21.357.

CHƯƠNG O: BẰNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

21.310 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này quy định quy trình cấp bằng TCKT và các nguyên tắc điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của người đang đề nghị, hoặc là chủ sở hữu của các bằng Tiêu chuẩn kỹ thuật đó.

(b) Trong Chương này:

(1) "Hạng mục" được hiểu là các bộ phận và thiết bị sẽ được sử dụng trên tàu bay dân dụng;

(2) "Tiêu chuẩn kỹ thuật" là các tính năng đủ điều kiện bay cụ thể do Cục HKVN ban hành nhằm đảm bảo sự tuân thủ với các yêu cầu cơ bản của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và là tiêu chuẩn hoạt động tối thiểu cho các Hạng mục cụ thể.

(3) Các Hạng mục được chế tạo theo các Tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép là các Hạng mục đã được phê chuẩn theo mục đích của Chương K.

21.313 TƯ CÁCH PHÁP LÝ

(a) Mọi tổ chức, cá nhân hợp pháp có khả năng chế tạo hoặc đang chuẩn bị chế tạo các Hạng mục theo bằng TCKT, đã chứng minh hoặc đang trong quá trình chứng minh năng lực của mình theo quy định Điều 21.313 đều có đủ tư cách pháp lý để đề nghị cấp bằng TCKT.

21.315 CHỨNG MINH NĂNG LỰC

(a) Người đề nghị cấp bằng TCKT phải chứng minh năng lực như sau:

(1) Đối với sản phẩm tàu bay phải có Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo được cấp theo quy định của Chương G hoặc thông qua việc tuân thủ với các quy trình của Chương F;

(2) Đối với việc thiết kế:

(i) Động cơ phụ, phải có Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế được Cục HKVN cấp theo quy định tại Chương J;

(ii) Các hạng mục khác, phải sử dụng các quy trình định rõ các thực tiễn thiết kế, nguồn lực và trình tự công việc cần thiết để tuân thủ với Phần này.

21.317 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP BẰNG TCKT

(a) Hồ sơ đề nghị cấp bằng TCKT là 01 bộ được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN bao gồm các thông tin tóm tắt quy định tại Điều 21.323.

(b) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người làm đơn nếu hồ sơ bị từ chối.

(c) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục HKVN xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra.

(d) Trong vòng 8 ngày Cục HKVN sẽ cấp bằng TCKT áp dụng cho người làm đơn đề nghị nếu kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần này.

(e) Khi có các thay đổi nhỏ như quy định tại Điều 21.340, người làm đơn phải đánh dấu ngoặc kép (“) ngay sau số mẫu mã cơ bản của hạng mục và số quy cách (P/N) liên quan trong đơn đề nghị cấp bằng TCKT, để nếu rõ ràng các chữ hoặc số ở phần cuối của chúng sẽ được ghi thêm vào theo thời gian.

21.320 BẰNG TCKT CHO ĐỘNG CƠ PHỤ

(a) Đối với bằng TCKT cho động cơ phụ:

(1) Các quy định tại các Điều 21.027, 21.030, 21.033, 21.130, 21.031, 21.050 và 21.060 được áp dụng trong trường hợp có sai lệch so với các Điều 21.317, 21.323(a)(3), 21.337 và 21.347, trừ trường hợp bằng TCKT được cấp theo Điều 21.325 thay cho Giấy chứng nhận loại;

(2) Chương D và Chương E của Phần này được áp dụng trong trường hợp phê chuẩn thay đổi thiết kế có sai lệch so với quy định tại Điều 21.340. Trong trường hợp áp dụng các quy định của Chương E, bằng TCKT riêng biệt phải được cấp thay cho Giấy chứng nhận loại bổ sung.

21.323 YÊU CẦU VỀ SỐ LIỆU

(a) Người làm đơn đề nghị cấp bằng TCKT phải trình Cục KHVN các tài liệu sau đây:

(1) Cam kết tuân thủ khẳng định người làm đơn hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu của Chương này;

(2) Bảng công bố về thiết kế và tính năng (CTT);

(3) Một bản sao về các số liệu Kỹ thuật yêu cầu trong TCKT áp dụng;

(4) Một bản giải trình (hoặc dẫn chiếu đến giải trình) nói tại Điều 21.170 đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo thích hợp theo quy định của Chương G,

hoặc các tài liệu (hoặc dẫn chiếu đến các tài liệu đó) như nêu tại Điểm (2) Khoản (a) Điều 21.140 để có thể chế tạo theo Chương F khi chưa có Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo;

(5) Đối với động cơ phụ, Giải trình tổ chức (hoặc dẫn chiếu đến Giải trình tổ chức đó) như nói tại Điều 21.237 nhằm mục đích đề nghị cấp Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế theo Chương J;

(6) Đối với tất cả các Hạng mục khác, các quy trình như đã được quy định tại điểm (2) khoản (a) Điều 21.315.

21.325 CẤP BẰNG TCKT

(a) Trong vòng 15 ngày Cục HKVN cấp bằng TCKT; và

(b) Người làm đơn đề nghị được Cục HKVN cấp bằng TCKT sau khi:

(1) Chứng minh được năng lực của mình theo quy định tại Điều 21.315;

(2) Chứng minh rằng hạng mục hoàn toàn tuân thủ với các điều kiện kỹ thuật của TCKT áp dụng, và trình các cam kết tuân thủ phù hợp;

(3) Chứng minh khả năng tuân thủ quy định tại khoản (a) và (b) Điều 21.010.

21.327 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI CÓ BẰNG TCKT

(a) Chủ sở hữu bằng TCKT được phép chế tạo và quy định nhãn mác cho Hạng mục của mình theo quy định nhãn mác của Cục HKVN.

21.330 CÔNG BỐ VỀ THIẾT KẾ VÀ TÍNH NĂNG

(a) Bản công bố về thiết kế và tính năng phải bao gồm các thông tin tối thiểu như sau:

(1) Các thông tin quy định tại khoản (a) và (b) Điều 21.047, xác định các hạng mục, tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn thử nghiệm của chúng;

(2) Các tính năng theo tính toán của hạng mục, trực tiếp hoặc thông qua dẫn chiếu tới các tài liệu bổ sung khác, nếu có thể;

(3) Cam kết tuân thủ xác định hạng mục hoàn toàn đáp ứng TCKT thích hợp;

(4) Dẫn chiếu đến các báo cáo thử nghiệm;

(5) Dẫn chiếu đến các tài liệu bảo dưỡng, đại tu hoặc sửa chữa thích hợp;

(6) Mức độ tuân thủ trong trường hợp TCKT cho phép nhiều mức độ tuân thủ khác nhau;

(7) Danh mục của các sai lệch đã được chấp nhận tại Điều 21.337.

(b) Việc công bố thiết kế và tính năng được thông qua, có ghi ngày tháng và chữ ký của chủ sở hữu bằng TCKT hoặc của đại diện được ủy quyền.

21.335 NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU BẰNG TCKT

(a) Chủ sở hữu bằng TCKT theo quy định của Chương này phải:

(1) Chế tạo mỗi một hạng mục theo quy định của Chương G và Chương F và đảm bảo rằng mỗi một hạng mục hoàn thiện phải phù hợp với số liệu thiết kế của nó và an toàn cho việc lắp ráp;

(2) Lập và lưu giữ bộ hồ sơ (tại thời điểm hiện tại) của toàn bộ các số liệu kỹ thuật theo quy định tại Điều 21.343, cho mỗi chủng loại của một hạng mục trong phạm vi bằng TCKT đã được cấp;

(3) Lập, lưu giữ và cập nhật tất cả các bản gốc của các tài liệu hướng dẫn theo yêu cầu của các tính năng tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng cho hạng mục đó;

(4) Cung cấp toàn bộ các tài liệu hướng dẫn về bảo dưỡng, đại tu và sửa chữa cần thiết cho việc sử dụng và bảo dưỡng hạng mục và các thay đổi của những tài liệu đó, cho những người sử dụng các hạng mục đó và cho Cục HKVN khi được yêu cầu.

(5) Đăng ký nhãn mác theo quy định tại Điều 21.363; và

(6) Tuân thủ quy định tại khoản (b) và (c) Điều 21.010, 21.013 và 21.015;

(7) Duy trì việc tuân thủ các yêu cầu về năng lực quy định tại Điều 21.313.

21.337 PHÊ CHUẨN CÁC SAI LỆCH

(a) Nhà chế tạo đề nghị phê chuẩn sai lệch so với các tiêu chuẩn về tính năng của TCKT, phải chứng minh rằng các tiêu chuẩn bị sai lệch sẽ được bổ sung bằng các yếu tố hoặc bằng các đặc tính thiết kế khác để đảm bảo độ an toàn tương đương.

(b) Đơn đề nghị phê chuẩn sai lệch, kèm theo các tài liệu liên quan, phải được trình Cục HKVN. Nhà chế tạo thực hiện trình tự, thủ tục phê chuẩn theo quy định tại Điều 21.317.

21.340 CÁC THAY ĐỔI THIẾT KẾ

(a) Chủ sở hữu bằng TCKT có thể thực hiện các thay đổi thiết kế nhỏ (các thay đổi không phải là thay đổi lớn) mà không cần phải đề nghị Cục HKVN phê chuẩn. Hạng mục bị thay đổi giữ nguyên số mẫu mã gốc (thay đổi hoặc sửa đổi quy cách (P/N) được sử dụng để chỉ ra thay đổi nhỏ đó), và chủ sở hữu của bằng TCKT phải trình Cục HKVN các số liệu cần thiết, sau khi đã được rà soát lại, để chứng minh sự tuân thủ quy định tại khoản (b) Điều 21.317.

(b) Các thay đổi thiết kế do chủ sở hữu của bằng TCKT thực hiện và phải được kiểm tra tổng thể để xác định việc tuân thủ TCKT được coi là các thay đổi lớn.

Trước khi thực hiện các thay đổi như vậy, chủ sở hữu bằng TCKT phải đặt tên chủng loại lại hoặc mẫu mã mới cho hạng mục và phải làm đơn đề nghị bằng TCKT theo quy định tại Điều 21.317.

(c) Không ai được thay đổi thiết kế ngoài chủ sở hữu của bằng TCKT, là người đã trình cam kết sự tuân thủ đối với hạng mục để được cấp bằng TCKT theo quy định của Chương O này, trừ khi việc thay đổi thiết kế được thực hiện thông qua bằng TCKT riêng biệt theo quy định tại Điều 21.317.

21.343 LƯU GIỮ HỒ SƠ

(a) Người được cấp bằng TCKT phải lưu giữ hồ sơ liên quan đến hệ thống chất lượng, thiết kế, các bản vẽ và các báo cáo thử nghiệm, bao gồm cả các báo cáo kết quả kiểm tra đối với hạng mục đã được kiểm tra. Tất cả các tài liệu này phải được cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu nhằm đảm bảo duy trì tính đủ điều kiện bay của các hạng mục.

21.345 CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

(a) Khi được yêu cầu, người đang đề nghị hoặc chủ sở hữu của bằng TCKT đối với một hạng mục cụ thể, phải tạo điều kiện để Cục HKVN:

(1) Chứng kiến công tác thử nghiệm;

(2) Kiểm tra các số liệu kỹ thuật đối với hạng mục đó.

21.347 THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC

(a) Bằng TCKT sẽ được cấp với thời hạn một (01) năm và sẽ có hiệu lực trừ khi:

(1) Các điều kiện quy định khi cấp bằng TCKT không được tuân thủ; hoặc

(2) Các nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định tại Điều 21.335 không được thực hiện đầy đủ; hoặc

(3) Hạng mục đã ở mức nguy hiểm không thể chấp nhận được trong quá trình khai thác; hoặc

(4) Bằng bị trả lại hoặc bị thu hồi theo các quy trình quản lý hành chính do Cục HKVN quy định.

(b) Trong trường hợp bị thu hồi, bằng phải được gửi trả về Cục HKVN.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 21.347 quy định chi tiết thủ tục cấp bằng TCKT áp dụng đối với thiết bị tàu bay.

21.350 CHUYỂN GIAO

(a) Ngoại trừ việc thay đổi chủ sở hữu là thay đổi lớn phải tuân thủ quy định tại các Điều 21.180 và 21.243, bằng TCKT được cấp theo Phần này không được phép chuyển giao.

CHƯƠNG Q: NHẬN DẠNG CÁC SẢN PHẨM VÀ THIẾT BỊ

21.353 NHẬN DẠNG SẢN PHẨM

(a) Việc nhận dạng sản phẩm tàu bay phải được căn cứ vào các thông tin sau đây

(1) Tên Nhà chế tạo;

(2) Tên gọi của sản phẩm;

(3) Số xuất xưởng;

(4) Các thông tin cần thiết khác.

(b) Mọi tổ chức, cá nhân chế tạo ra tàu bay hoặc động cơ tàu bay theo các quy định của Chương G hoặc Chương F phải có bảng ký hiệu nhận dạng cho sản phẩm làm bằng vật liệu chống cháy và dập nổi hoặc khắc hoặc đóng dấu các thông tin quy định tại Khoản (a) trên, hoặc bằng các phương pháp đánh dấu chống cháy khác được chấp thuận. Bảng nhận dạng phải được lắp chắc chắn trên sản phẩm ở vị trí dễ nhìn và không bị bào mòn, bị mờ hoặc dịch chuyển trong quá trình hoạt động bình thường, không bị mất, bị phá hủy khi tàu bay gặp tai nạn.

(c) Mọi tổ chức cá nhân chế tạo cánh quạt, lá cánh quạt hoặc các bộ phận của cánh quạt theo quy định của Chương G hoặc Chương F phải có ký hiệu nhận dạng cho các sản phẩm được dập nổi, khắc hoặc đóng dấu, hoặc bằng các phương pháp đánh dấu chống cháy khác được chấp thuận, các thông tin quy định tại Khoản (a) vào các khu vực không trọng yếu của sản phẩm đó và đảm bảo các thông tin không bị bào mòn, bị mờ hoặc dịch chuyển trong quá trình hoạt động bình thường, hoặc bị mất, bị phá hủy khi tàu bay gặp tai nạn.

(d) Đối với khinh khí cầu có người điều khiển, bảng nhận dạng nói tại Khoản (b) phải được gắn cố định vào vỏ khinh khí cầu ở vị trí dễ nhìn thấy khi khinh khí cầu được bơm căng. Bình chứa khí và bộ sưởi làm nóng khí (hydro) phải có nhãn cố định, dễ đọc và ghi tên nhà chế tạo, số quy cách (P/N), số xuất xưởng.

21.355 SỐ LIỆU NHẬN DẠNG SẢN PHẨM

(a) Việc tháo bỏ, thay đổi các thông tin nhận dạng quy định tại Khoản (a) Điều 21.353 trên tàu bay, động cơ, cánh quạt hoặc phần chóp nón của cánh quạt hoặc trên động cơ phụ quy định tại Điều 21.363 phải được phép của Cục HKVN;

(b) Việc tháo, lắp bảng nhận dạng quy định tại Điều 21.353 và 21.363 đối với động cơ phụ phải được phép của Cục HKVN;

(c) Ngoài các quy định trên người thực hiện bảo dưỡng trong khuôn khổ các quy định áp dụng, các phương pháp kỹ thuật do Cục HKVN quy định, có thể:

(1) Tháo, thay đổi hoặc lắp các thông tin nhận dạng nêu tại khoản (a) Điều 21.353 trên bất cứ tàu bay, động cơ, cánh quạt, lá cánh quạt hoặc phần chóp nón của cánh quạt, hoặc trên động cơ phụ nêu tại Khoản (a) Điều 21.363; hoặc

(2) Tháo bảng nhận dạng nêu tại Điều 21.353 hoặc Điều 21.363 đối với động cơ phụ, nếu cần thiết trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng.

(d) Nghiêm cấm việc lắp bảng nhận dạng đã tháo theo quy định tại Điểm (2) Khoản (c) trên đây vào tàu bay, động cơ, cánh quạt hoặc phần chóp nón của cánh quạt của tàu bay khác.

21.357 NHẬN DẠNG THIẾT BỊ VÀ PHỤ TÙNG

(a) Mỗi một nhà chế tạo phụ tùng hoặc thiết bị phải đánh dấu cố định các phụ tùng và thiết bị các thông tin thích hợp sau đây:

(1) Tên, thương hiệu, hoặc ký hiệu nhận dạng nhà chế tạo;

(2) Quy cách (P/N) như được xác định trong tài liệu thiết kế áp dụng;

(3) Phê chuẩn thiết bị đó do Cục HKVN ban hành khẳng định phụ tùng hoặc thiết bị đó được chế tạo phù hợp với thiết kế đã được phê chuẩn và không thuộc chủ sở hữu của Giấy chứng nhận loại cho sản phẩm tàu bay liên quan, trừ các hạng mục TCKT.

(b) Trường hợp Cục HKVN nhận thấy phụ tùng hoặc thiết bị quá nhỏ hoặc quá khó cho việc viết các thông tin theo quy định tại Khoản (a) để nhận dạng phụ tùng hoặc thiết bị, thì các thẻ hoặc Giấy chứng nhận đi kèm theo thiết bị hoặc phụ tùng hoặc trên vỏ hộp chứa thiết bị đó phải chứa đựng các thông tin mà đáng ra phải được ghi trên phụ tùng hoặc thiết bị đó.

21.360 NHẬN DẠNG CÁC THIẾT BỊ TRỌNG YẾU

(a) Ngoài các yêu cầu nêu tại Điều 21.357 nhà chế tạo các thiết bị trọng yếu để lắp trên sản phẩm tàu bay đã có Giấy chứng nhận loại phải đánh dấu thiết bị đó với số quy cách (P/N) và số xuất xưởng.

21.363 NHẬN DẠNG CÁC HẠNG MỤC CHẾ TẠO THEO TCKT

(a) Chủ sở hữu của bằng TCKT nêu tại Chương O phải đánh dấu cố định mỗi một hạng mục với các thông tin như sau:

(1) Tên và địa chỉ của nhà chế tạo;

(2) Tên, chủng loại, số quy cách và mẫu mã của hạng mục;

(3) Số xuất xưởng hoặc ngày sản xuất của hạng mục đó (hoặc cả hai);

(4) Số TCKT áp dụng.

(b) Trường hợp phụ tùng hoặc thiết bị quá nhỏ hoặc quá khó cho việc viết các thông tin theo quy định tại Khoản (a) để nhận dạng phụ tùng hoặc thiết bị, thì các thẻ hoặc Giấy chứng nhận đi kèm theo thiết bị hoặc phụ tùng hoặc trên vỏ hộp chứa thiết bị phải chứa đựng các thông tin đáng được phải được ghi trên phụ tùng hoặc thiết bị đó.

(c) Nhà chế tạo động cơ phụ theo quy định của Chương G hoặc Chương F phải nhận dạng động cơ phụ đó bằng một tấm chống cháy có chứa các thông tin quy định tại Khoản (a), hoặc bằng các phương pháp đánh dấu chống cháy khác được Cục HKVN chấp thuận. Bảng nhận dạng phải được lắp chắc chắn trên sản phẩm sao cho có thể dễ dàng tiếp cận và không bị bào mòn, mờ hoặc bị dịch chuyển trong quá trình hoạt động bình thường, hoặc bị mất, bị phá hủy khi tàu bay gặp tai nạn.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.157: MẪU BIỂU 52 XÁC NHẬN SỰ PHÙ HỢP CỦA TÀU BAY

Ô số 1: Quốc gia chế tạo

Ô số 2: Nhà chức trách hàng không

Ô số 3: Số tham chiếu

Ô số 4: Tên tổ chức

Ô số 5: Loại tàu bay

Ô số 6: Số tham chiếu Giấy chứng nhận loại

Ô số 7: Số đăng ký của tàu bay

Ô số 8: Số phê chuẩn tổ chức chế tạo

Ô số 9: Chi tiết về động cơ/cánh quạt

Ô số 10: Các cải tiến kỹ thuật và/hoặc thông báo kỹ thuật

Ô số 12: Các nhân nhượng đang được áp dụng

Ô số 13: Các miễn trừ đang được áp dụng

Ô số 14: Các ghi chú

Ô số 15: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay

Ô số 16: Các yêu cầu bổ sung

Ô số 17: Xác nhận sự tuân thủ theo mẫu

Ô số 18: Ký xác nhận

Ô số 19: Tên người xác nhận

Ô số 20: Ngày tháng xác nhận

Ô số 21: Số phê chuẩn tổ chức chế tạo

AIRCRAFT STATEMENT OF CONFORMITY		
1. State of manufacture	2. Competent Authority of CAAV	3. Statement Ref. No
4. Organisation		
5. Aircraft Type	6. Type-certificate Refs:	
7. Aircraft Registration Or Mark	8. Manufacturers Identification No	
9. Engines/Propeller Details (*)		
10. Modifications and/or Service Bulletins		
12. Concessions		
13. Exemptions, Waivers or Derogations (*)		
14. Remarks		
15. Certificate of Airworthiness		
16. Additional Requirements		
17. Statement of conformity It is hereby certified that this aircraft confirms fully to the type-certificated design and to the items above in boxes 9, 10,11, 12 and 13. The aircraft is in a condition of safe operation. The aircraft has been satisfactorily tested in flight.		
18. Signed	19. Name	20. Date (d/m/y)
21. Production Organisation Approval Reference		

CAAV form 52

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 21.157: MẪU BIỂU 1 XÁC NHẬN SỰ PHÙ HỢP CỦA THIẾT BỊ, SẢN PHẨM TÀU BAY

Ô số 1: Bộ Giao thông vận tải/Cục HKVN

Ô số 2: Mẫu Một/Giấy xác nhận sự phù hợp của thiết bị

Ô số 3: Số Giấy chứng nhận của tổ chức

Ô số 4: Tên và địa chỉ tổ chức phê chuẩn

Ô số 5: Chỉ lệnh công việc/hợp đồng/hóa đơn

Ô số 6: Thiết bị số:

Ô sô 7: Tên, loại thiết bị

Ô số 8: Đủ tiêu chuẩn lắp đặt cho

Ô số 9: Số lượng

Ô số 10: Số xuất xưởng

Ô số 11: Trạng thái/công việc

Ô số 12: Ghi chú/và sổ phê chuẩn tổ chức theo Chương F, Phần A

Ô số 13a: Xác nhận các thiết bị trên được sản xuất phù hợp với các tham số thiết kế đã được phê chuẩn và trong điều kiện hoạt động an toàn/hoặc với các tham số thiết kế chưa được phê chuẩn quy định tại ô số 13.

Ô số 13b: Chữ ký của người được ủy quyền

Ô số 13c: Số chứng chỉ phê chuẩn/ủy quyền

Ô số 13d: Tên người ký xác nhận

Ô số 13e: Ngày/tháng/năm

Ô số 14a: Xác nhận công việc nêu trên trừ ghi chú ở Ô 13, công việc ở Ô 12 và miêu tả ở Ô 13 đã được thực hiện phù hợp với Phần 5, các thiết bị đủ điều kiện khai thác

Ô số 14b: Chữ ký của người được ủy quyền

Ô số 14c: Số giấy phép/chứng chỉ

Ô số 14d: Tên người ký xác nhận

Ô số 14e: Ngày/tháng/năm

1. Approving Competent Authority / Country		***AUTHORISED RELEASE CERTIFICATE*** CAAV FORM 1			3. Form Tracking Number
4. Organisation Name and Address:					5. Work Order/Contract/Invoice
6. Item	7. Description	8. Part No.	9. Qty.	10. Serial No.	11. Status/Work
12. Remarks					

13a Certifies that the items identified above were manufactured in conformity to: □ approved design data and are in a condition for safe operation □ non-approved design data specified in block 12		14a. □ Part-145.A.50 Release to Service □ Other regulation specified in block 12 Certifies that unless otherwise specified in block 12, the work identified in block 11 and described in block 12, was accomplished in accordance with Part-145 and in respect to that work the items are considered ready for release to service.	
13b. Authorised Signature	13c. Approval/ Authorisation Number	14b. Authorised Signature	14c. Certificate/Approval Ref. No.
13d. Name	13e. Date (dd/mmm/yyyy)	14d. Name	14e. Date (dd/mmm/yyyy)

(Cố tình để trống trang này)

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.197 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỦ TỤC GIA HẠN, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC CHẾ TẠO/THIẾT KẾ SẢN PHẨM, THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG TÀU BAY

(a) Hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo/thiết kế sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN, hồ sơ gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo/tổ chức thiết kế bao gồm các thông tin sau: tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật; loại hình doanh nghiệp; phạm vi công việc, địa điểm chế tạo (nếu có thay đổi so với cấp lần đầu); danh mục các sản phẩm chế tạo; kinh nghiệm chế tạo, sản xuất trước đó; ngày dự kiến khai thác;

(2) Báo cáo về những thay đổi tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận (áp dụng đối với trường hợp phê chuẩn hết hiệu lực); và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận (áp dụng trong trường hợp sửa đổi phê chuẩn đã được cấp).

(b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo/tổ chức thiết kế, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian gia hạn, sửa đổi sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(c) Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN thực hiện việc kiểm tra nội dung các tài liệu và phối hợp với chủ sở hữu để xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế để gia hạn hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo/tổ chức thiết kế.

(d) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ thời điểm thống nhất kế hoạch kiểm tra thực tế, Cục HKVN tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra cho thấy người đề nghị hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Phần này, Cục HKVN cấp gia hạn hoặc sửa đổi Giấy chứng nhận tổ chức chế tạo/tổ chức thiết kế. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho chủ sở hữu và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian gia hạn hoặc sửa đổi.

(e) Chủ sở hữu không được chế tạo, sản xuất các sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay đòi hỏi phải sửa đổi Giấy chứng nhận tài liệu chế tạo/tổ chức thiết kế, trừ khi chủ sở hữu đã được Cục HKVN phê chuẩn sửa đổi đó.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 21.347 QUY ĐỊNH CHI TIẾT THỦ TỤC CẤP BẰNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THIẾT BỊ TÀU BAY - TSO

(a) Hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi bằng TCKT áp dụng đối với thiết bị tàu bay gồm:

(1) Đơn đề nghị gia hạn, sửa đổi bằng TSO bao gồm các thông tin sau: tên doanh nghiệp, tên giao dịch, địa điểm trụ sở chính; người đại diện theo pháp luật; các nội dung (kèm theo tài liệu) chứng minh năng lực, khả năng của chủ sở hữu bằng TCKT tiếp tục đáp ứng các quy định của Phần này;

(2) Báo cáo về những thay đổi tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận (áp dụng đối với trường hợp phê chuẩn hết hiệu lực); và các tài liệu liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi Giấy chứng nhận (áp dụng trong trường hợp sửa đổi phê chuẩn đã được cấp).

(b) Trong thời hạn 2 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, sửa đổi bằng TCKT, Cục HKVN sẽ thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo kết quả thẩm định cho người đề nghị. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, người làm đơn phải bổ sung và thời gian gia hạn, sửa đổi sẽ chỉ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung theo yêu cầu.

(c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN thực hiện việc kiểm tra nội dung các tài liệu và phối hợp với chủ sở hữu để xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế để gia hạn hoặc sửa đổi bằng TCKT.

(d) Trong thời hạn 8 ngày làm việc, kể từ thời điểm thống nhất kế hoạch kiểm tra thực tế, Cục HKVN tiến hành kiểm tra, nếu kết quả kiểm tra cho thấy người đề nghị hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu đối với các quy định của Phần này, Cục HKVN cấp gia hạn hoặc sửa đổi bằng TCKT. Trong trường hợp chưa đáp ứng các yêu cầu cụ thể, Cục HKVN sẽ thông báo kết quả cho chủ sở hữu và thống nhất thời hạn cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng. Thời gian cần thiết cho việc khắc phục các yêu cầu chưa được đáp ứng sẽ được tính bổ sung vào thời gian gia hạn hoặc sửa đổi.

(e) Chủ sở hữu không được phép chế tạo và quy định nhãn mác cho hạng mục của mình theo quy định nhãn mác của Cục HKVN đòi hỏi phải sửa đổi bằng TCKT, trừ khi chủ sở hữu đã được Cục HKVN phê chuẩn sửa đổi đó.

Phần 22
GIÁM SÁT NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY NƯỚC NGOÀI

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

22.001 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.005 ĐỊNH NGHĨA

22.010 CÁC TỪ VIẾT TẮT

22.015 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

CHƯƠNG B: GIÁM SÁT AN TOÀN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI THÁC NƯỚC NGOÀI

22.020 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.025 CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA

22.030 THẨM QUYỀN ĐƯỢC KIỂM TRA

22.035 CUNG CẤP CÁC TÀI LIỆU CHO CÔNG VIỆC KIỂM TRA

22.040 LƯU TRỮ BÁO CÁO, TÀI LIỆU VÀ HỒ SƠ

22.045 TÀU BAY KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY HOẶC THÀNH VIÊN TỔ BAY KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN

22.050 THÔNG BÁO VIỆC KHÔNG PHÙ HỢP

CHƯƠNG C: PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN CỦA ICAO

22.055 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.060 CÁC TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ TÀU BAY QUỐC TẾ

22.065 CÁC TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY QUỐC TẾ

22.070 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ TIẾNG ỒN VÀ MÔI TRƯỜNG

22.075 TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

22.080 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ AN NINH

22.085 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ HÀNG NGUY HIỂM

22.090 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUY TẮC BAY

22.095 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ HÀNG KHÔNG CHUNG

22.100 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

22.105 KHÔNG VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

CHƯƠNG D: CÁC THÔNG BÁO CẦN THIẾT

22.110 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.115 CÁC KHÁC BIỆT VỀ KHAI THÁC SO VỚI TIÊU CHUẨN ICAO

22.120 THÔNG BÁO HÀNG NGUY HIỂM

CHƯƠNG E: CÁC TÀI LIỆU MANG THEO VÀ LƯU TRỮ

22.130 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.135 CÁC GIẤY TỜ MANG THEO TRÊN MÁY BAY: TẤT CẢ LOẠI HÌNH KHAI THÁC

22.140 CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG ÁP DỤNG CHO CÁC CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

22.145 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÀI LIỆU BỔ SUNG: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

22.150 LƯU TRỮ HỒ SƠ NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY

CHƯƠNG F: NHÀ KHAI THÁC HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

22.155 PHẠM VI ÁP DỤNG

22.160 CÁC TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU CHO SỰ PHÙ HỢP

22.165 CÁC YÊU CẦU CHUNG CHO VIỆC NỘP ĐƠN ĐỀ NGHỊ

22.170 CÁC ĐIỀU KIỆN CHO VIỆC CẤP NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC

22.175 NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC

22.180 TÍNH HIỆU LỰC LIÊN TỤC CỦA KHAI THÁC

CHƯƠNG G: AN NINH

20.185 PHẠM VI ÁP DỤNG

20.190 AN NINH HÀNG KHÔNG

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

22.001 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Phần này quy định những yêu cầu áp dụng cho việc khai thác tàu bay tại Việt Nam:

(1) Đối với tàu bay dân dụng đăng ký quốc tịch nước ngoài và của cá nhân, tổ chức nước ngoài; hoặc

(2) Liên quan đến kinh doanh vận tải hàng không của người khai thác tàu bay nước ngoài.

22.005 ĐỊNH NGHĨA

(a) Trong phần này, những định nghĩa sau sẽ được áp dụng:

Ghi chú: Các thuật ngữ khác liên quan đến hàng không được định nghĩa trong Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

(1) **Tài liệu khai thác tàu bay:** Là tài liệu, có liên quan với Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, bao gồm những giới hạn mà tàu bay được coi là đủ điều kiện bay khi nằm trong các giới hạn đó, và các chỉ dẫn và thông tin cần thiết cho các thành viên tổ bay để đảm bảo việc khai thác an toàn của tàu bay.

(2) **Nhà chức trách hàng không:** Là cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hàng không dân dụng.

(3) **Vận chuyển hàng không nội địa:** Là việc vận chuyển hàng không trong lãnh thổ Việt Nam.

(4) **Người khai thác tàu bay nước ngoài:** Bất kỳ Người khai thác tàu bay nào, không có Giấy chứng nhận Người khai thác tàu bay do Việt Nam cấp, tham gia khai thác vận tải hàng không thương mại trên lãnh thổ Việt Nam một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc thuê hoặc các thỏa thuận khác bất kể là chuyến bay thường lệ hoặc thuê chuyến.

(5) **Người khai thác nước ngoài:** Cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp nước ngoài tham gia hoặc đề nghị để tham gia vào hoạt động khai thác tại Việt Nam bằng tàu bay mang đăng ký quốc tịch nước ngoài.

(6) **Tài sản cá nhân:** Những tài liệu, công cụ hoặc các trang thiết bị đi kèm các cá nhân hoặc các trang thiết bị sẵn có tại sân của đội bay trong suốt quá trình tập luyện.

(7) **Chỉ lệnh dừng bay:** Là tài liệu ban hành bởi người được nhà chức trách hàng không có thẩm quyền ủy quyền để thực hiện kiểm tra giám sát an toàn và đưa ra kiến nghị liên quan đến các vấn đề an toàn nhằm khuyến cáo người khai thác

hoặc người lái tàu bay về các quan ngại liên quan đến an toàn của nhà chức trách hàng không.

(8) **Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay cánh quay:** Là tài liệu, được quốc gia nhà khai thác công nhận, trình bày các qui trình trong điều kiện bình thường, bất bình thường và khẩn cấp, các danh mục kiểm tra, các hạn chế, thông tin hiệu suất hoạt động, thông tin chi tiết của các hệ thống tàu bay và các tài liệu khác liên quan tới việc khai thác tàu bay cánh quay.

C TỪ VIẾT TẮT

(a) Các viết tắt sau được sử dụng trong phần này:

(1) ATS - Dịch vụ không lưu;

(2)[1] AFM - Tài liệu hướng dẫn bay;

(3) AOC - Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay;

(4)[2] AOM - Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay;

(5) MEL - Danh mục thiết bị tối thiểu;

(6) RFM - Tài liệu khai thác tàu bay cánh quay.

22.015 TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

(a) Không người lái tàu bay hoặc người khai thác tàu bay nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam trái với:

(1) Các quy định của Phần này;

(2) Các tiêu chuẩn áp dụng được quy định tại các phụ ước của Công ước Chi-ca-go về hàng không dân dụng cho loại hình khai thác phù hợp; và

(3) Bất kỳ yêu cầu nào khác của Cục HKVN được quy định tại:

(i) Tập thông báo tin tức hàng không (AIP) đã được Việt Nam công bố;

(ii) Phạm vi năng định đã được Việt Nam phê chuẩn cho loại hình khai thác cụ thể đối với các hoạt động khai thác vận tải thương mại.

---

[1] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 1 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 1 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

CHƯƠNG B: GIÁM SÁT AN TOÀN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHAI THÁC NƯỚC NGOÀI

22.020 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này đưa ra các yêu cầu đối với việc giám sát an toàn áp dụng cho người khai thác tàu bay nước ngoài khi khai thác trên lãnh thổ Việt Nam.

22.025 CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA

(a) Cục HKVN thiết lập quy trình đối với:

(1) Việc giám sát hoạt động của người khai thác tàu bay nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam; và

(2) Có biện pháp thích hợp khi cần thiết nhằm duy trì an toàn.

(b) Chương trình kiểm tra này bao gồm các hoạt động kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với người khai thác tàu bay nước ngoài.

(c) Người khai thác tàu bay nước ngoài và nhân viên của người khai thác tàu bay nước ngoài phải cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kiểm tra này để đảm bảo việc hoàn tất công tác kiểm tra trong khoảng thời gian hợp lý.

22.030 THẨM QUYỀN ĐƯỢC KIỂM TRA

(a) Tại mọi thời điểm và không cần phải báo trước, người chỉ huy tàu bay và tổ bay phải cho phép giám sát viên được ủy quyền của nhà chức trách hàng không Việt Nam:

(1) Được phép lên tàu bay nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; và

(2) Kiểm tra các giấy phép và tài liệu hướng dẫn được yêu cầu tại Phần này và các Phụ ước của Công ước Chi-ca-go về hàng không dân dụng liên quan đến khai thác tàu bay;

(3) Tiến hành kiểm tra tàu bay và trọng tải thương mại.

(b) Không ai được cố tình cản trở hoặc ngăn chặn giám sát viên được ủy quyền tiếp cận tới các khu vực cần thiết để tiến hành các công việc kiểm tra này.

(c) Việc không cho phép tiến hành các công việc kiểm tra này có thể dẫn đến việc can thiệp bằng áp dụng chế tài hoặc tạm giữ đối với:

(1) Tàu bay;

(2) Thành viên tổ bay;

(3) Hàng hóa.

22.035 CUNG CẤP CÁC TÀI LIỆU CHO CÔNG VIỆC KIỂM TRA

(a) Bất kỳ tài liệu, tài liệu hướng dẫn và các hồ sơ quy định trong các điều khoản của Phần này và các Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO áp dụng cho một loại hình khai thác cụ thể phải được cung cấp cho giám sát viên được ủy quyền khi được yêu cầu.

(b) Mỗi cá nhân liên quan hoặc tham gia vào hoạt động hàng không, trong khoảng thời gian thích hợp sau khi nhận được yêu cầu cung cấp của giám sát viên được ủy quyền, phải cung cấp giấy phép, chứng chỉ của cá nhân đó hoặc/và tài liệu được giao mang theo, hoàn thiện hoặc bảo quản trong quá trình làm nhiệm vụ trong chuyến bay liên quan.

(c) Trong Chương này, khoảng thời gian thích hợp cho tài liệu yêu cầu là:

(1) Tại thời điểm yêu cầu, đối với tài liệu được yêu cầu:

(i) Phải mang theo nhân viên hàng không khi làm nhiệm vụ; hoặc

(ii) Để trên tàu bay trong chuyến bay.

(2) Trong thời gian làm việc thông thường, tài liệu được yêu cầu:

(i) Phải được hoàn tất và lưu trữ tại sân bay; hoặc

(ii) Phải được hoàn tất và lưu trữ tại cơ sở hành chính, quản lý; hoặc

(iii) Lưu trữ.

22.040 LƯU TRỮ BÁO CÁO, TÀI LIỆU VÀ HỒ SƠ

(a) Tất cả các báo cáo hoặc tài liệu phát sinh trong quá trình hoạt động liên quan tới các yêu cầu của Phần này sẽ phải được thực hiện đúng thời gian tuân thủ với các phương pháp và bao gồm các thông tin theo quy định của Cục HKVN.

(b) Nhân viên được phân công bảo quản các tài liệu hoặc hồ sơ sẽ phải tiếp tục bảo quản các tài liệu và hồ sơ đó cho tới khi trách nhiệm lưu trữ được chuyển giao cho người khác được phân công thay thế.

(c) Trừ khi có hướng dẫn khác của nhà chức trách hàng không, người khai thác nước ngoài, đối với tàu bay yêu cầu phải có máy tự ghi tham số bay, phải bảo quản tham số gốc đã được ghi trong khoảng thời gian tối thiểu là 60 ngày sau khi có tai nạn hoặc sự cố tại Việt Nam liên quan tới tàu bay của người khai thác nước ngoài đó.

22.045 TÀU BAY KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY HOẶC THÀNH VIÊN TỔ BAY KHÔNG ĐỦ TIÊU CHUẨN

(a) Người chỉ huy tàu bay và người khai thác tàu bay phải đảm bảo:

(1) Tàu bay được khai thác phù hợp với các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng và các tài liệu liên quan;

(2) Các thành viên tổ bay phải được phê chuẩn phù hợp với các yêu cầu tối thiểu cho khai thác bay; và

(3) Tàu bay được khai thác trong phạm vi giới hạn áp dụng đối với cấu trúc, tính năng hoạt động, trọng tâm và trọng tải.

(b) Khi xác định các yêu cầu được nêu tại khoản (a) nêu trên không được đáp ứng, Cục HKVN có thể ban hành Chỉ lệnh dừng bay.

22.050 THÔNG BÁO VIỆC KHÔNG PHÙ HỢP

(a) Cục HKVN sẽ ngay lập tức thông báo cho người khai thác nước ngoài khi nhận biết các trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ về việc không tuân thủ của Người khai thác tàu bay nước ngoài hoặc nhân viên của họ đối với:

(1) Các quy định quan trọng về an toàn;

(2) Các tiêu chuẩn quy định tại Phụ ước của ICAO; hoặc

(3) Luật pháp, quy chế an toàn và các quy trình áp dụng trong phạm vi lãnh thổ hoặc vùng trời của Việt Nam.

(b) Nếu bị xử phạt vì tính chất nghiêm trọng của sự cố, Cục HKVN sẽ thông báo:

(1) Quốc gia khai thác tàu bay; và

(2) Quốc gia đăng ký tàu bay, nếu vấn đề an toàn nằm trong phạm vi trách nhiệm của quốc gia đó.

(c)[3] Nếu phải áp dụng chế tài xử lý các vấn đề liên quan đến các tiêu chuẩn an toàn mà Người khai thác phải tuân thủ, Cục Hàng không Việt Nam liên hệ tham vấn với nhà chức trách hàng không của quốc gia người khai thác tàu bay hoặc Quốc gia đăng ký tàu bay trong trường hợp cần thiết.

CHƯƠNG C: PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN CỦA ICAO

22.055 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này làm rõ các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO được áp dụng đối với người khai thác tàu bay nước ngoài tại Việt Nam.

22.060 CÁC TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ TÀU BAY QUỐC TẾ

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam trừ khi xuất trình được giấy chứng nhận đăng ký và các văn bản phù hợp với:

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 2 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(1) Phụ ước 7 của ICAO; và

(2) Các yêu cầu của quốc gia đăng ký tàu bay liên quan.

22.065 CÁC TIÊU CHUẨN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BAY QUỐC TẾ

(a) Không cá nhân hoặc hoặc tổ chức nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam, trừ khi tàu bay được khai thác phù hợp với:

(1) Tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định tại Phụ ước 8 của ICAO;

(2) Giấy chứng nhận loại đã được ban hành cho loại tàu bay đó bởi quốc gia thiết kế, quốc gia chế tạo và quốc gia đăng ký tàu bay;

(3) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay do quốc gia đăng ký cấp cho tàu bay đó;

(4) Các yêu cầu kiểm tra, bảo dưỡng của quốc gia đăng ký; và

(5) Các yêu cầu đối với công việc ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng còn hiệu lực.

22.070 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ TIẾNG ỒN VÀ MÔI TRƯỜNG

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam, trừ khi tàu bay đó:

(1) Có trên buồng lái Giấy chứng nhận về tiếng ồn hoặc văn bản tương đương bởi quốc gia đăng ký tuân thủ với các quy định tại Phụ ước 16 của ICAO;

(2) Được khai thác tuân thủ với bất kỳ mọi giới hạn nêu rõ trong Giấy chứng nhận tiếng ồn đã được cấp.

22.075 TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào được thực hiện các năng định được ghi trong giấy phép hành nghề, ngoại trừ giấy phép của Việt Nam cấp, do Quốc gia đăng ký cấp để khai thác tàu bay tại Việt Nam, trừ khi:

(1) Giấy phép đó được ban hành tuân thủ với các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành quy định trong Phụ ước 1 của ICAO;

(2) Giấy phép đó được mang theo người trong tất cả các công việc khai thác tàu bay tại Việt Nam;

(3) Người được cấp giấy phép tuân thủ các yêu cầu áp dụng của Quốc gia đăng ký về:

(i) Hiệu lực;

(ii) Chuyên môn; và

(iii) Kinh nghiệm.

22.080 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ AN NINH

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nào được phép tiến hành khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam trừ khi tuân thủ với:

(1) Các quy định tại Phụ ước 17 của ICAO áp dụng đối với loại hình khai thác đó;

(2) Bất cứ yêu cầu về an ninh nào của nhà chức trách tại sân bay nơi đi và đến; và

(3) Đối với khai thác vận tải hàng không thương mại, các chính sách và thủ tục an ninh được phê chuẩn đối với Người khai thác.

(b) Người khai thác tàu bay nước ngoài phải có những biện pháp nhằm đảm bảo không có hành khách trốn hoặc hàng được giấu trên tàu bay.

22.085 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ HÀNG NGUY HIỂM

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào có thể khai thác tàu bay cho mục đích vận tải hàng không thương mại hoặc hàng không chung trên lãnh thổ Việt Nam để vận chuyển hàng nguy hiểm, không được miễn trừ bởi Phụ ước 18 của ICAO hoặc Hướng dẫn kỹ thuật, trừ khi:

(1) Các công việc khai thác đó phù hợp với Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành tại Phụ ước 18 của ICAO; và

(2) Yêu cầu về khai báo trong Phần này được đáp ứng.

22.090 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ QUY TẮC BAY

(a) Không cá nhân hay tổ chức quốc tế nào được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam trừ khi các hoạt động khai thác này phù hợp với:

(1) Phụ ước 2 - Quy tắc không lưu; hoặc

(2) Phần 10 của Bộ quy chế an toàn hàng không, căn cứ vào sự lựa chọn của người khai thác.

22.095 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ HÀNG KHÔNG CHUNG

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay cho mục đích hàng không chung trên lãnh thổ Việt Nam, trừ khi các hoạt động khai thác hàng không chung đó tuân thủ với các Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành đối với loại hình khai thác đó được quy định tại:

(1) Phụ ước 6, Phần 2 đối với tàu bay; hoặc

(2) Phụ ước 6, Phần 3 đối với tàu bay trực thăng; hoặc

(3)[4] Các Phần 6, 10 và 23 của Bộ QCATHK tùy theo lựa chọn của Người khai thác tàu bay.

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 3 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

22.100 CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

(a) Không cá nhân hay tổ chức nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay phục vụ hàng không dân dụng tại Việt Nam, trừ khi các hãng này phù hợp với:

(1)[5] Phạm vi năng định khai thác do Cục Hàng không Việt Nam cấp;

(2) Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay và các phạm vi năng định của Quốc gia khai thác; và

(3) Thỏa thuận về quá cảnh hàng không quốc tế (1944); và

(4) Công ước ICAO (1944); và

(5) Các Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành đối với các loại hình khai thác được nêu cụ thể tại:

(i) Phụ ước 6, Phần 1 của ICAO đối với tàu bay; hoặc

(ii) Phụ ước 6, Phần 3 của ICAO đối với tàu bay trực thăng.

KHÔNG VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA

(a) Không cá nhân hay tổ chức Người khai thác nước ngoài nào được phép tiến hành vận chuyển hàng không thương mại nội địa giữa các sân bay của Việt Nam bao gồm việc chuyên chở hành khách và hàng hóa nội địa.

(b)[6] Tổ chức, cá nhân Người khai thác nước ngoài chỉ được phép thực hiện vận chuyển hàng không thương mại đến và đi từ một sân bay Việt Nam khi được Cục Hàng không Việt Nam cho phép và phù hợp với Thương quyền 5 được nêu trong thỏa thuận trung chuyển hàng không quốc tế hoặc như đã được nêu trong các thỏa thuận song phương được áp dụng.

---

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 5 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

CHƯƠNG D: CÁC THÔNG BÁO CẦN THIẾT

22.110 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Phần này cung cấp các yêu cầu về thông báo được áp dụng đối với Người khai thác nước ngoài tại Việt Nam.

22.115 CÁC KHÁC BIỆT VỀ KHAI THÁC SO VỚI TIÊU CHUẨN ICAO

(a)[7] Tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép thực hiện khai thác tàu bay tại Việt Nam mà không tuân thủ hoặc có những khác biệt so với tiêu chuẩn khuyến cáo thực hành của ICAO khi:

(1) Cục HKVN đã được cung cấp trước thông báo về các thông tin khai thác, bao gồm:

(i) Tên của những cá nhân và giấy phép liên quan;

(ii) Loại và số đăng ký của tàu bay liên quan;

(iii) Ngày cụ thể của công tác khai thác dự kiến thực hiện;

(iv) Khác biệt với các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành có liên quan;

(v) Điều khoản dự kiến nhằm đảm bảo mức an toàn tương đương.

(2) Người khai thác tàu bay nước ngoài đã có phê chuẩn năng định khai thác do Cục HKVN cấp theo quy định tại Điều 22.165; và

(3) Bản sao có xác thực của phê chuẩn năng định khai thác được đặt trên tàu bay trong suốt quá trình khai thác tại Việt Nam.

22.120 THÔNG BÁO HÀNG NGUY HIỂM

(a) Không người khai thác nước ngoài nào được phép chuyên chở hàng nguy hiểm trên tàu bay trừ khi thông báo trước về nội dung và dạng hàng nguy hiểm trên tàu bay thông qua kế hoạch bay đã thống nhất với ATC.

CHƯƠNG E: CÁC TÀI LIỆU MANG THEO VÀ LƯU TRỮ

22.130 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này làm rõ các yêu cầu về tài liệu, chỉ dẫn và hồ sơ người khai thác tàu bay nước ngoài cần thiết phải mang theo tàu bay hoặc lưu giữ tại điểm xuất phát trên lãnh thổ Việt Nam.

---

[7] Tiêu đề khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 6 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

22.135 CÁC GIẤY TỜ MANG THEO TRÊN MÁY BAY: TẤT CẢ LOẠI HÌNH KHAI THÁC

(a) Không cá nhân hoặc người khai thác tàu bay nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay dân dụng trừ khi trên tàu bay đó có các tài liệu được phê chuẩn phù hợp với loại hình khai thác được thực hiện, bao gồm:

(1) Giấy đăng ký tàu bay hiện hành, đầy đủ và hợp pháp do quốc gia đăng ký tàu bay cấp;

(2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hiện hành, đầy đủ và hợp pháp do quốc gia đăng ký tàu bay cấp;

(3) Tài liệu khai thác tàu bay phù hợp với loại tàu bay khai thác;

(4) Danh mục kiểm tra trong trường hợp hoạt động bình thường, sự cố và khẩn cấp cho tất cả các giai đoạn của chuyến bay;

(5) Tài liệu hướng dẫn khai thác cho người lái phù hợp với loại tàu bay khai thác;

(6) Các bảng và biểu đồ về tính năng hoạt động, cân bằng trọng tâm và trọng tải;

(7) Giấy chứng nhận thiết bị vô tuyến (nếu hệ thống liên lạc vô tuyến được lắp và sử dụng bởi tổ bay) do quốc gia đăng ký tàu bay cấp;

(8) Biểu đồ bay hiện hành và phù hợp với:

(i) Hành trình của chuyến bay dự kiến; và

(ii) Tất cả các hành trình hợp lý nếu tàu bay có thể phải chuyển hướng.

(9) Các tín hiệu liên lạc giữa tàu bay và mặt đất phục vụ công tác tìm kiếm và cứu nạn;

(10) Các tài liệu thông báo về bất kỳ hàng hóa đặc biệt, bao gồm bất kỳ hàng nguy hiểm; và

(11) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm hành khách và bên thứ ba được cấp cho chủ sở hữu và người khai thác tàu bay.

(b) Không cá nhân hoặc tổ chức nào được phép khai thác tàu bay dân dụng trên lãnh thổ Việt Nam trừ khi các giấy phép sau đây do quốc gia đăng ký tàu bay phải được đem theo người trong quá trình thực hiện nhiệm vụ:

(1) Các giấy phép;

(2) Giấy chứng nhận sức khỏe, nếu áp dụng; và

(3) Xác nhận khả năng thông thoại vô tuyến, nếu áp dụng.

22.140 CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG ÁP DỤNG CHO CÁC CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức khai thác tàu bay nước ngoài nào được phép khai thác tàu bay dân dụng vào hoặc ra biên giới Việt Nam trừ khi có bổ sung các giấy tờ cần thiết cho các chuyến bay đó, bao gồm:

(1) Tờ khai báo hải quan chung;

(2)[8] Danh sách hành khách, nơi hành khách lên tàu bay và nơi đến, nếu áp dụng;

(3) Các quy trình và tín hiệu liên quan đến tình trạng bay chặn của tàu bay;

(4)[9] Các loại giấy tờ khác được yêu cầu bởi Cục Hàng không Việt Nam hoặc Quốc gia khác có liên quan tới chuyến bay đó.

22.145 CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI TÀI LIỆU BỔ SUNG: VẬN TẢI HÀNG KHÔNG THƯƠNG MẠI

(a) Không cá nhân hoặc tổ chức hoặc người khai thác tàu bay nào được phép khai thác tàu bay dân dụng trên lãnh thổ Việt Nam trừ khi có các tài liệu bổ sung cần thiết như sau được để trên tàu bay, bao gồm:

(1) Bản sao của phê chuẩn năng định khai thác do Cục HKVN cấp;

(2) Nhật ký kỹ thuật/hành trình bay cùng với các tài liệu sau:

(i) Xác nhận hoàn thành bảo dưỡng; và

(ii) Sự nhận biết và trì hoãn (được phép theo MEL) của bất kỳ sự bất thường nào;

(3) Bản kê khai tải trọng máy bay chuyến bay cụ thể;

(4) Kế hoạch bay tương ứng đã hoàn tất phù hợp với lộ trình;

(5) Tài liệu tóm tắt các NOTAM phù hợp với chuyến bay;

(6) Tài liệu tóm tắt về khí tượng phù hợp với lộ trình bay;

---

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 7 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 7 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(7) Các tài liệu khai thác liên quan tới loại hình khai thác được thực hiện do Quốc gia khai thác phê chuẩn;

(8) Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay do quốc gia khai thác tàu bay phê chuẩn;

(9) Danh mục thiết bị tối thiểu do quốc gia khai thác tàu bay phê chuẩn;

(10) Bản sao tiếng Anh có xác nhận của Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay và các quyền hạn, điều kiện và các giới hạn do Quốc gia khai thác tàu bay ban hành cho đội tàu bay được khai thác;

(11)[10] Danh mục tìm kiếm bom;

(12)[11] Hướng dẫn xác định vị trí có mức độ nguy hiểm tối thiểu trong trường hợp tìm thấy bom;

(13)[12] Các mẫu biểu báo cáo phù hợp với yêu cầu báo cáo của quốc gia khai thác tàu bay và Người khai thác tàu bay có AOC.

22.150 LƯU TRỮ HỒ SƠ NGƯỜI KHAI THÁC TÀU BAY

(a) Người khai thác tàu bay nước ngoài sẽ phải có bản sao của những hồ sơ sau đây được lưu giữ tại điểm khởi hành trên lãnh thổ Việt Nam:

(1) Danh sách hành khách;

(2) Các trang nhật ký kỹ thuật tàu bay chứa đựng các xác nhận hoàn thành bảo dưỡng áp dụng cho chuyến bay xuất phát;

(3) Bản kê khai tải trọng cụ thể của tàu bay chứng tỏ sự tuân thủ với các yêu cầu đối với:

(i) Cân bằng trọng tâm, trọng tải; và

---

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 8 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 8 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Mục 8 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(ii) Tính năng hoạt động; và

(4) Kế hoạch bay.

(b) Cục HKVN có thể phê chuẩn các phương thức lưu trữ khác trong phạm vi năng định khai thác.

CHƯƠNG F: NHÀ KHAI THÁC HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI

22.155 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này cung cấp các yêu cầu bổ sung áp dụng cho các nhà khai thác hàng không nước ngoài khai thác vận tải hàng không thương mại tại Việt Nam

22.160 CÁC TIÊU CHUẨN TỐI THIỂU CHO SỰ PHÙ HỢP

(a) Việt Nam sẽ thừa nhận tính hợp lệ của Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC) do các quốc qua thành viên ICAO khác cấp với điều kiện các yêu cầu để cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay phải đáp ứng được các tiêu chuẩn áp dụng trong Phụ ước 6, Phần 1;

(b) Nếu không có đầy đủ thông tin hoặc hỗ trợ kỹ thuật đối với việc tuân thủ của người khai thác với Phụ ước 6, Cục HKVN sẽ phải thực hiện đánh giá cơ sở bảo dưỡng và khai thác của người khai thác tàu bay để đánh giá việc tuân thủ trước khi cấp phê chuẩn năng định cho người khai thác tàu bay nước ngoài.

(c) Cục HKVN sẽ không áp đặt thêm các yêu cầu cao hơn các yêu cầu áp dụng đối với khai thác vận tải hàng không thương mại được thực hiện bởi:

(1) Các nhà khai thác hàng không nước ngoài khác được phê chuẩn hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; hoặc

(2) Người khai thác Việt Nam được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận AOC.

22.165 CÁC YÊU CẦU CHUNG CHO VIỆC NỘP ĐƠN ĐỀ NGHỊ

(a) Người khai thác tàu bay nước ngoài sẽ không được phép khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam, trừ khi có các phê chuẩn năng định khai thác do Cục HKVN cấp;

(b) Khi người khai thác tàu bay đề nghị được khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam, người làm đơn phải làm nộp đơn đề nghị và các tài liệu theo quy định của Phần này.

(c) Đơn đề nghị cấp phê chuẩn năng định khai thác sẽ nộp cùng các tài liệu như sau:

(1) Bản sao của Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay và các phê chuẩn khác được xác nhận bởi quốc gia khai thác tàu bay;

(2) Bản sao của tất cả các phê chuẩn năng định khai thác do quốc gia khai thác tàu bay cấp để làm bằng chứng về sự phê chuẩn khi khai thác trên lãnh thổ Việt Nam;

(3) Bản sao giấy phép hoặc giấy chứng nhận được Quốc gia khai thác cấp cho người khai thác tàu bay để hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không thương mại đi và đến Việt Nam;

(4) Bản sao phê chuẩn Danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) do quốc gia khai thác tàu bay phê chuẩn cho mỗi loại tàu bay dự kiến khai thác trên lãnh thổ Việt Nam;

(5) Bản sao của giấy chứng nhận đăng ký tàu bay do quốc gia đăng ký tàu bay cấp cho tàu bay dự kiến được khai thác tại Việt Nam;

(6) Bản sao chương trình bảo dưỡng xác định các công việc bảo dưỡng cần được thực hiện cho tàu bay trong quá trình khai thác tại Việt Nam;

(7) Bản sao hợp đồng bảo dưỡng giữa nhà khai thác tàu bay và tổ chức bảo dưỡng được quốc gia đăng ký tàu bay phê chuẩn cho phép thực hiện các công việc bảo dưỡng cho tàu bay đó trong quá trình khai thác tại Việt Nam;

(8) Bản sao của bất kỳ thỏa thuận thuê, nếu tàu bay không do người khai thác tàu bay nước ngoài sở hữu;

(9) Chương trình an ninh của người khai thác tàu bay dự kiến trình Cục HKVN phê chuẩn; và

(10) Tất cả các tài liệu khác mà Cục HKVN cho là cần thiết để đảm bảo rằng việc khai thác theo dự kiến sẽ được thực hiện một cách an toàn.

(d) Người nộp đơn theo quy định của Phần này sẽ đệ trình đề nghị phê chuẩn năng định khai thác cho lần đầu tại Việt Nam tối thiểu là 30 ngày trước ngày khai thác dự kiến.

(e) Cục HKVN kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản cho người khai thác tàu bay nước ngoài nếu hồ sơ bị từ chối.

(f) Trường hợp hồ sơ được chấp nhận, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cục HKVN xem xét nội dung hồ sơ, thống nhất và thông báo chính thức kế hoạch kiểm tra nếu cần thiết đối với người khai thác tàu bay nước ngoài làm đơn đề nghị.

(g)[13] Cục Hàng không Việt Nam quyết định phê chuẩn năng định cho Người

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 9 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

khai thác tàu bay nước ngoài trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu bay đáp ứng theo các tiêu chuẩn khuyến cáo thực hành quy định tại Phụ ước 6 của Công ước Chi-ca-go về hàng không dân dụng.

22.170 CÁC ĐIỀU KIỆN CHO VIỆC CẤP NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC

(a) Cục HKVN chỉ cấp phê chuẩn năng định khai thác cho người khai thác tàu bay nước ngoài trong lãnh thổ Việt Nam khi người khai thác tàu bay nước ngoài:

(1) Có giấy chứng nhận người khai thác tàu bay do quốc gia khai thác tàu bay cấp;

(2) Có chương trình an ninh của người khai thác tàu bay được quốc gia khai thác tàu bay và Việt Nam phê chuẩn cho các hoạt động khai thác dự kiến;

(3) Đáp ứng được các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành đối với vận tải hàng không thương mại theo Phụ ước 6 của Công ước Chi-ca-go về hàng không dân dụng:

(i) Phần 1 - Đối với máy bay; hoặc

(ii) Phần 3 - Đối với trực thăng.

(4) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các phụ ước khác của công ước Chi-ca-go về hàng không dân dụng áp dụng cho các hoạt động khai thác tàu bay được thực hiện; và

(5) Có đầy đủ nguồn lực tài chính cho các hoạt động khai thác an toàn.

22.175 NĂNG ĐỊNH KHAI THÁC

(a) Các năng định khai thác do Cục HKVN cấp sẽ chỉ rõ các loại hình khai thác nào được phê chuẩn, bị cấm hoặc bị giới hạn hoặc phải tuân thủ với một số điều kiện vì lợi ích an toàn của cộng đồng.

(b) Cục HKVN sẽ không phê chuẩn cho người khai thác tàu bay nước ngoài các năng định mà quốc gia khai thác không cấp cho người khai thác nước ngoài đó, trừ khi các năng định này chỉ được dùng cho mục đích duy nhất là để khai thác trên lãnh thổ Việt Nam.

(c) Năng định khai thác được phê chuẩn theo Chương này sẽ bao gồm các thông tin cụ thể như sau:

(1) Mục đích của phê chuẩn;

(2) Thời hạn áp dụng;

(3) Các giới hạn hoặc yêu cầu cụ thể đối với người khai thác;

(4)[14] Giấy phép sân bay và giới hạn;

---

[14] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 10 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(5)[15] Danh sách tàu bay được cấp phép;

(6)[16] Các giới hạn khai thác khác tại Việt Nam do Cục Hàng không Việt Nam quy định;

(7) Giấy phép các vùng và tuyến bay và các giới hạn;

(8) Giấy phép sân bay và giới hạn;

(9) Bản cân bằng trọng tải và trọng tâm, bao gồm phương pháp xác định tải trọng của hành khách và hàng hóa, trọng tâm và đặc tính hoạt động;

(10) Bảo dưỡng;

(11) Hoán đổi của khai thác các trang thiết bị;

(12) Các hoạt động thuê tàu bay;

(13) Vận chuyển hàng nguy hiểm

(d)[17] Năng định khai thác được ban hành cho người khai thác tàu bay nước ngoài bởi Cục Hàng không Việt Nam sẽ bổ sung cho các yêu cầu của Phần này.

22.180 TÍNH HIỆU LỰC LIÊN TỤC CỦA KHAI THÁC

(a) Người khai thác tàu bay nước ngoài khi thực hiện loại hình khai thác do Cục HKVN cấp, đến, đi từ và trên lãnh thổ Việt Nam phải đáp ứng và duy trì các yêu cầu được quy định trong:

(1) Phần này;

(2) Năng định phê chuẩn do Cục HKVN ban hành;

---

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 10 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[16] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 10 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 10 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(3) Chương trình an ninh của người khai thác tàu bay đã được phê chuẩn; và

(4) Tất cả các yêu cầu an ninh bổ sung có thể được quy định khác bởi Chính phủ Việt Nam.

CHƯƠNG G: AN NINH

20.185 PHẠM VI ÁP DỤNG

(a) Chương này cung cấp các yêu cầu an ninh bổ sung được áp dụng cho người khai thác tàu bay nước ngoài cho hoạt động khai thác vận tải hàng không thương mại tại Việt Nam.

20.190 AN NINH HÀNG KHÔNG

(a) Người khai thác tàu bay nước ngoài phải:

(1) Đảm bảo tất cả các nhân viên phải làm quen và tuân thủ với các yêu cầu liên quan của chương trình an ninh quốc gia của quốc gia khai thác tàu bay;

(2) Thiết lập, duy trì và thực hiện các chương trình đào tạo đã được phê chuẩn cho phép các nhân viên của người khai thác có thể đưa ra các hoạt động tương ứng nhằm ngăn chặn các hành động can thiệp bất hợp pháp như phá hoại hoặc bắt giữ trái phép tàu bay nhằm giảm thiểu hậu quả của những hoạt động trên khi xảy ra;

(3)[18] Khi có hoạt động can thiệp bất hợp pháp trên tàu bay, người chỉ huy tàu bay hoặc người khai thác trong trường hợp người chỉ huy tàu bay không có mặt) phải gửi ngay lập tức báo cáo về các hoạt động can thiệp bất hợp pháp đó tới nhà chức trách địa phương có thẩm quyền hoặc nhà chức trách hàng không dân dụng của quốc gia khai thác tàu bay;

(4) Đảm bảo tất cả tàu bay có danh mục các quy trình cần phải thực hiện cho loại tàu bay đó để tìm kiếm vũ khí, chất nổ hoặc các thiết bị nguy hiểm khác được giấu trên tàu bay;

(5) Nếu có, cửa buồng lái trên tất cả các tàu bay hoạt động vì mục đích chuyên chở hành khách sẽ được khóa từ bên trong để ngăn chặn sự xâm nhập trái phép.

---

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Phần 23[1]
MÁY BAY ĐỘNG CƠ TUA BIN PHẢN LỰC VÀ MÁY BAY THÂN RỘNG HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG CHUNG

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG
23.001 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
23.005 CÁC ĐỊNH NGHĨA
23.010 TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ KHAI THÁC
23.015 CƠ SỞ KHAI THÁC
CHƯƠNG B: HỆ THỐNG TÀI LIỆU CỦA NGƯỜI KHAI THÁC
23.020 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
23.025 NỘI DUNG HỆ THỐNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
23.030 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC
23.035 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC TÀU BAY
23.040 DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
23.045 TÀI LIỆU QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG CỦA NGƯỜI KHAI THÁC
CHƯƠNG C: CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC
23.050 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
23.060 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN
23.065 ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ NHÂN VIÊN
23.070 CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ SỰ MỆT MỎI
23.075 CHƯƠNG TRÌNH BẢO DƯỠNG
23.080 CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ DỮ LIỆU DẪN ĐƯỜNG ĐIỆN TỬ
23.085 CHƯƠNG TRÌNH AN NINH
23.090 GIỚI HẠN KHAI THÁC CỦA SÂN BAY VÀ GIỚI HẠN ĐỘ CAO TỐI THIỂU
23.095 THIẾT BỊ GHI THAM SỐ BAY
CHƯƠNG D: YÊU CẦU VỀ ĐÀO TẠO VÀ TRÌNH ĐỘ NHÂN VIÊN
23.100 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
23.105 ĐÀO TẠO, HƯỚNG DẪN KHAI THÁC
23.110 ỨNG PHÓ KHẨN NGUY CỦA TỔ BAY
23.115 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TỔ BAY
23.120 KIỂM TRA NĂNG LỰC NGƯỜI LÁI
23.125 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TIẾP VIÊN
23.130 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN ĐIỀU PHÁI
23.140 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN BẢO DƯỠNG
PHỤ LỤC 1 CỦA MỤC 23.030: NỘI DUNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

[1] Phần này được bổ sung theo quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

CHƯƠNG A: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

23.001 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

a. Phần này nêu các yêu cầu bổ sung cho Phần 10 Bộ QCATHK áp dụng cho hoạt động khai thác hàng không chung đối với:

1. Máy bay thân rộng;

2. Máy bay có động cơ phản lực;

3. Các loại máy bay khác có cấu hình chuyên chở nhiều hơn 09 hành khách.

b. Các tổ chức thực hiện khai thác hàng không được điều hành và khai thác bởi người lái phải tuân thủ các quy định của phần này khi khai thác 03 tàu bay hoặc nhiều hơn mà trong đó có ít nhất 01 máy bay.

c. Phần này áp dụng cho những Người khai thác tàu bay nêu tại khoản a và khoản b của Điều này bao gồm cả những người quản lý, các nhân viên được cấp phép và các đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến bảo dưỡng, đào tạo, điều phái và khai thác bay.

23.005 CÁC ĐỊNH NGHĨA

Hoạt động hàng không nội bộ: là hoạt động khai thác phi thương mại hoặc sử dụng tàu bay bởi người lái máy bay chuyên nghiệp để vận chuyển hành khách, hàng hóa như một hình thức hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty.

23.010 TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ KHAI THÁC

a. Người khai thác tàu bay là đối tượng chịu sự điều chỉnh của các quy định trong Phần này phải đảm bảo các nhân viên khai thác, bảo dưỡng của mình:

1. Hoàn thành các khóa đào tạo theo quy định trước khi được giao chức năng, nhiệm vụ cụ thể;

2. Có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm và chức năng được phân công;

3. Tuân thủ luật pháp, quy định, trình tự và các thủ tục theo nhiệm vụ được giao.

b. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo nhân viên của mình được cung cấp đầy đủ các tài liệu hướng dẫn cần thiết để thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

c. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo trách nhiệm chủ sở hữu liên quan đến bảo dưỡng, hồ sơ bảo dưỡng quy định tại Phần 4 và Phần này của Bộ QCATHK phù hợp với loại máy bay được khai thác.

d. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo việc hoàn thiện và lưu giữ hồ sơ đối với các hoạt động khai thác đề cập tại Phần này được tuân thủ theo các quy định hiện hành.

e. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo việc hoàn thiện, đệ trình và lưu giữ các báo cáo quy định đối với các hoạt động khai thác đề cập tại Phần này.

23.015 CƠ SỞ KHAI THÁC

Người khai thác tàu bay là đối tượng chịu sự điều chỉnh của các quy định trong Phần này phải:

a. Cung cấp cho nhà chức trách các thông tin liên quan tới các cơ sở khai thác của mình;

b. Thông báo cho nhà chức trách hàng không dân dụng của quốc gia mà tại đó có đặt cơ sở bảo dưỡng và khai thác.

CHƯƠNG B: HỆ THỐNG TÀI LIỆU CỦA NGƯỜI KHAI THÁC

23.020 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này đưa ra các yêu cầu về hệ thống tài liệu hướng dẫn của Người khai thác tàu bay chịu sự điều chỉnh của Phần này.

23.025 NỘI DUNG HỆ THỐNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

a. Người khai thác tàu bay phải cung cấp các tài liệu hướng dẫn, chương trình, danh mục sau:

1. Tài liệu hướng dẫn khai thác;

2. Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay;

3. Danh mục kiểm tra thông thường, bất thường và khẩn nguy đối với các giai đoạn của chuyến bay;

4. Danh mục thiết bị tối thiểu;

5. Chương trình đào tạo;

6. Tài liệu điều hành bảo dưỡng;

7. Chương trình bảo dưỡng;

8. Thẻ công việc bảo dưỡng.

b. Người khai thác tàu bay phải cung cấp ngay bản sao những sửa đổi của tài liệu hướng dẫn, danh mục kiểm tra cho tất cả các tổ chức, cá nhân sử dụng liên quan.

23.030 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

a. Người khai thác tàu bay cần cung cấp tài liệu hướng dẫn khai thác có chứa các thông tin và hướng dẫn cần thiết cho nhân viên khai thác để thực hiện nhiệm vụ.

b. Tài liệu hướng dẫn khai thác phải chứa đựng các nội dung tối thiểu theo các quy định tại Phụ lục 1 Điều 23.030 và có thể tham chiếu các quy định của nhà sản xuất đã được công nhận làm cơ sở để xây dựng tài liệu hướng dẫn khai thác, được nhận dạng bởi Người khai thác tàu bay và Nhà chức trách hàng không.

c. Tài liệu hướng dẫn khai thác phải được bổ sung hoặc sửa đổi khi cần thiết để đảm bảo các thông tin luôn được cập nhật kịp thời.

d. Các bản sửa đổi và bổ sung của tài liệu hướng dẫn khai thác phải được cung cấp tới tất cả các nhân viên có liên quan.

23.035 TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC TÀU BAY

a. Người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này phải cung cấp tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay của từng loại tàu bay bao gồm các quy trình khẩn nguy, bất thường và thông thường liên quan tới hoạt động khai thác của tàu bay cho tất cả nhân viên khai thác và tổ bay.

b. Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay phải thống nhất với tài liệu hướng dẫn bay (AFM) và danh mục kiểm tra được sử dụng.

c. Thiết kế nội dung tài liệu hướng dẫn phải tính toán các yếu tố con người.

d. Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay phải bao gồm các chỉ dẫn khai thác và cung cấp các thông tin về khả năng lấy độ cao của tàu bay để cơ trưởng xác định biên độ cao có thể đạt được trong giai đoạn cất cánh đối với các điều kiện cất cánh hiện thời và phương thức cất cánh dự định sử dụng.

e. Tài liệu hướng dẫn khai thác tàu bay phải nêu những quy trình thực hiện tiếp cận bằng thiết bị.

23.040 DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU

Trong trường hợp danh mục thiết bị tối thiểu gốc (MMEL) cho loại tàu bay khai thác được thiết lập, người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này phải đưa vào Tài liệu hướng dẫn khai thác danh mục thiết bị tối thiểu (MEL) được phê chuẩn bởi Quốc gia đăng ký tàu bay nhằm giúp người chỉ huy tàu bay xác định sẽ thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện chuyến bay trong trường hợp trang thiết bị hoặc hệ thống trên tàu bay bị hỏng.

23.045 TÀI LIỆU QUẢN LÝ BẢO DƯỠNG CỦA NGƯỜI KHAI THÁC

a. Người khai thác tàu bay phải cung cấp tài liệu quản lý bảo dưỡng cho nhân viên bảo dưỡng, nhân viên khai thác của mình.

b. Tài liệu quản lý bảo dưỡng của người khai thác có thể được ban hành thành các phần riêng biệt phải được xây dựng dựa trên quy định của nhà sản xuất và phải bao gồm tối thiểu các thông tin tối thiểu:

1. Cách thức tuân thủ quy trình theo trách nhiệm bảo dưỡng của Người khai thác tàu bay;

2. Cách thức lưu giữ tên, công việc của cá nhân, tập thể theo trách nhiệm bảo dưỡng của Người khai thác tàu bay;

3. Chương trình bảo dưỡng đã được phê chuẩn của Người khai thác tàu bay;

4. Phương thức hoàn thiện, lưu giữ hồ sơ bảo dưỡng của Người khai thác tàu bay;

5. Quy trình tuân thủ yêu cầu về báo cáo thông tin dịch vụ;

6. Quy trình thực hiện công việc theo thông tin duy trì tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;

7. Hệ thống phân tích và giám sát liên tục việc thực hiện và hiệu quả của chương trình bảo dưỡng để khắc phục các thiếu sót của chương trình bảo dưỡng;

8. Loại và chủng loại máy bay trong tài liệu;

9. Quy trình ghi nhận, sửa chữa hỏng hóc ảnh hưởng đến tiêu chuẩn đủ điều kiện bay;

10. Quy trình thông báo cho quốc gia đăng ký tàu bay những vấn đề nghiêm trọng trong quá trình khai thác.

CHƯƠNG C: CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH THỨC

23.050 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này đưa ra những yêu cầu của chương trình chính thức cho Người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này.

23.060 HỆ THỐNG ĐIỀU HÀNH KHAI THÁC

a. Người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này phải mô tả hệ thống điều hành khai thác trong tài liệu hướng dẫn khai thác của mình có quy định vai trò, trách nhiệm của những người liên quan.

b. Người khai thác tàu bay phải lưu lại bản sao những tài liệu điều hành khai thác gốc của những chuyến bay cụ thể, riêng biệt quy định tại Phần này trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm thực hiện chuyến bay bao gồm:

1. Kế hoạch bay ATS đã thực hiện;

2. Tài liệu kế hoạch trước chuyến bay, tính toán yêu cầu nhiên liệu;

3. Tính toán trọng lượng, cân bằng, tính năng;

4. Nhật ký hành trình, nhật ký kỹ thuật bao gồm các trì hoãn, khắc phục hỏng hóc đã biết hoặc nghi ngờ.

23.060 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN

a. Người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này cần thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý an toàn phù hợp với quy mô và độ phức tạp của hoạt động khai thác.

b. Hệ thống quản lý an toàn phải bao gồm tối thiểu:

1. Quy trình nhận diện các nguy cơ thực tế, tiềm ẩn và đánh giá rủi ro;

2. Quy trình phát triển và triển khai các hành động khắc phục để duy trì mức an toàn được chấp nhận (ALoS);

3. Duy trì giám sát liên tục, đánh giá thường xuyên sự phù hợp và hiệu quả hoạt động quản lý an toàn.

23.065 ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ NHÂN VIÊN

a. Người khai thác tàu bay phải thiết lập, triển khai và duy trì trình độ và chương trình đào tạo cho toàn bộ nhân viên liên quan đến hoạt động khai thác, bảo dưỡng tàu bay, đảm bảo mọi nhân viên được đào tạo đầy đủ năng lực để đảm nhiệm công việc được giao.

b. Chương trình đào tạo chứa nội dung đào tạo cụ thể như sau:

1. Trong tài liệu hướng dẫn khai thác đối với tổ bay;

2. Trong tài liệu hướng dẫn khai thác hoặc tài liệu hướng dẫn tiếp viên đối với tổ tiếp viên;

3. Trong tài liệu hướng dẫn khai thác hoặc tài liệu hướng dẫn điều phái đối với nhân viên điều phái;

4. Trong tài liệu điều hành bảo dưỡng đối với nhân viên bảo dưỡng.

c. Chương trình đào tạo phải bao gồm việc bảo quản và lưu giữ hồ sơ của từng nhân viên và bao gồm các thông tin về:

1. Công việc được chỉ định;

2. Tình trạng chứng chỉ, bằng cấp;

3. Hoàn thành khóa đào tạo mặt đất ban đầu bao gồm:

i. Chính sách và quy trình của công ty;

ii. Đào tạo về yếu tố con người, quy trình phối hợp với nhân viên các khai thác khác và tổ bay;

iii. Quản lý sai sót và các mối de dọa;

iv. Đào tạo hàng hóa nguy hiểm;

v. Thực hành sử dụng trang thiết bị khẩn nguy;

vi. Các hệ thống của máy bay, khai thác và bảo dưỡng tàu bay (nếu cần).

4. Hoàn thành huấn luyện bay ban đầu với các loại tàu bay khác nhau trong đội bay;

5. Hoàn thành huấn luyện đặc biệt;

6. Hoàn thành quá trình tích lũy kinh nghiệm;

7. Hoàn thành huấn luyện liên tục và định kỳ;

8. Hoàn thành việc kiểm tra trình độ, năng lực.

d. Người khai thác tàu bay cần cung cấp chương trình huấn luyện mặt đất, huấn luyện bay theo chương trình nội bộ, theo chương trình của các tổ chức huấn luyện hoặc cả hai và phải nêu cụ thể, rõ ràng trong chương trình huấn luyện đang áp dụng.

e. Chương trình và phương pháp đào tạo phải được Nhà chức trách hàng không chấp thuận.

23.070 CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ SỰ MỆT MỎI

a. Người khai thác tàu bay phải thiết lập, triển khai chương trình quản lý sự mệt mỏi đảm bảo các nhân viên khai thác, bảo dưỡng tàu bay không làm nhiệm vụ trong tình trạng quá sức.

b. Chương trình quản lý sự mệt mỏi phải quy định thời gian bay, thời gian làm việc và thời gian nghỉ ngơi bắt buộc.

23.075 CHƯƠNG TRÌNH BẢO DƯỠNG

a. Người khai thác tàu bay phải triển khai chương trình bảo dưỡng tương ứng với từng loại tàu bay được chấp thuận bởi Nhà chức trách để sử dụng, hướng dẫn cho nhân viên bảo dưỡng, khai thác liên quan.

b. Việc thiết lập, triển khai hoạt động bảo dưỡng của Người khai thác tàu bay phải tính toán phù hợp các nguyên tắc yêu tố con người.

c. Chương trình bảo dưỡng cho từng loại tàu bay phải chứa những thông tin về:

1. Công việc bảo dưỡng và khoảng thời gian thực hiện, có tính toán trước việc sử dụng tàu bay;

2. Chương trình bảo đảm toàn vẹn, liên tục của cấu trúc khi áp dụng;

3. Quy trình thay đổi hoặc sai lệch so với yêu cầu của điểm 1 và 2 khoản này theo phê chuẩn của Cục Hàng không Việt Nam;

4. Việc triển khai áp dụng chương trình giám sát tình trạng và chương trình độ tin cậy của các hệ thống tàu bay, các bộ phận và động cơ tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

d. Công việc bảo dưỡng và khoảng thời gian thực hiện bảo dưỡng bắt buộc phải chỉ rõ trong phê chuẩn thiết kế kiểu loại hoặc phê chuẩn các thay đổi trong Chương trình bảo dưỡng.

e. Chương trình bảo dưỡng phải được xây dựng trên cơ sở các thông tin từ quốc gia thiết kế, tổ chức chịu trách nhiệm thiết kế kiểu, loại, hoặc kinh nghiệm được chấp thuận bởi Nhà chức trách hàng không.

f. Người khai thác tàu bay phải cung cấp bản sao tất cả các thay đổi, bổ sung của chương trình bảo dưỡng tàu bay cho các tổ chức, cá nhân đã được triển khai chương trình bảo dưỡng này.

23.080 CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ DỮ LIỆU DẪN ĐƯỜNG ĐIỆN TỬ

Người khai thác tàu bay phải được Nhà chức trách phê chuẩn chương trình sử dụng dữ liệu dẫn đường điện tử khi tàu bay trên không hoặc trên mặt đất bao gồm:

a. Quy trình giám sát đối với các quá trình sử dụng dữ liệu dẫn đường điện tử và sản phẩm.

b. Quy trình đảm bảo phân phối dữ liệu dẫn đường điện tử đến tất cả các tàu bay theo yêu cầu.

23.085 CHƯƠNG TRÌNH AN NINH

Người khai thác tàu bay tàu phải thiết lập, triển khai và duy trì chương trình an ninh của Người khai thác tàu bay tuân thủ theo yêu cầu của chương trình an ninh của Nhà chức trách hàng không dân dụng Việt Nam.

23.090 GIỚI HẠN KHAI THÁC CỦA SÂN BAY VÀ GIỚI HẠN ĐỘ CAO TỐI THIỂU

a. Tàu bay được khai thác đến, đi từ sân bay có giới hạn khai thác thấp hơn giới hạn khai thác của sân bay do quốc gia có sân bay đó thiết lập khi có những phê chuẩn riêng của quốc gia đó.

b. Người khai thác tàu bay phải chỉ rõ những chuyến bay được thực hiện phù hợp với quy tắc bay bằng thiết bị, các cách thức thiết lập độ cao địa hình thông thoáng.

23.095 THIẾT BỊ GHI THAM SỐ BAY

a. Để đảm bảo tính năng ghi dữ liệu hoạt động liên tục, Người khai thác tàu bay phải thực hiện chương trình kiểm tra hoạt động và đánh giá tính năng ghi dữ liệu đối với cả thiết bị ghi tham số bay và hệ thống ghi âm buồng lái.

b. Chương trình bao gồm các quy trình đảm bảo thiết bị ghi tham số:

1. Không tắt trong thời gian bay;

2. Ngừng hoạt động sau khi hoàn thành thời gian bay sau tai nạn, sự cố;

3. Không bị phản ứng hóa học trước khi vị trí của nó được xác định tuân thủ quy định của Phần 19 Bộ QCATHK.

c. Chủ sở hữu tàu bay hoặc người thuê tàu bay phải đảm bảo khi tàu bay xảy ra sự cố, tai nạn phải:

1. Lưu giữ tất cả các hồ sơ liên quan của thiết bị ghi tham số bay;

2. Lưu giữ thiết bị ghi tham số bay liên quan;

3. Đảm bảo lưu giữ an toàn hồ sơ và thiết bị ghi cho đến khi vị trí của nó được xác định tuân thủ theo quy định Phần 19 Bộ QCATHK.

CHƯƠNG D: YÊU CẦU VỀ ĐÀO TẠO VÀ TRÌNH ĐỘ NHÂN VIÊN

23.100 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Chương này nêu những yêu cầu về đào tạo và trình độ nhân viên của Người khai thác tàu bay được quy định tại Phần này.

23.105 ĐÀO TẠO, HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

Người khai thác tàu bay phải đảm bảo tất cả các nhân viên khai thác, nhân viên bảo dưỡng của mình được hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về nhiệm vụ, trách nhiệm và mối tương quan giữa các nhiệm vụ đó khi thực hiện toàn bộ công việc được giao.

23.110 ỨNG PHÓ KHẨN NGUY CỦA TỔ BAY

a. Đối với mỗi loại tàu bay, Người khai thác tàu bay phải phân công chức năng nhiệm vụ cần thiết cho tất cả thành viên tổ bay để thực hiện trong trường hợp khẩn nguy hoặc sơ tán khẩn cấp.

b. Các khóa đào tạo liên tục, đào tạo định kỳ nhằm hoàn thiện kỹ năng cần quy định trong chương trình đào tạo của Người khai thác tàu bay tàu bay và phải bao gồm:

1. Hướng dẫn sử dụng thiết bị cấp cứu, thiết bị khẩn nguy trang bị trên tàu bay;

2. Kỹ năng sơ tán khẩn cấp.

23.115 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TỔ BAY

a. Người khai thác tàu bay phải thiết lập và duy trì chương trình đào tạo, huấn luyện tổ bay để đảm bảo các nhân viên của mình có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ được giao.

b. Chương trình huấn luyện phải bao gồm việc trang bị năng lực vận hành các trang thiết bị trên tàu bay.

c. Sử dụng buồng lái mô phỏng cho các chương trình đào tạo ban đầu và định kỳ hàng năm.

d. Chương trình đào tạo phải có nội dung phù hợp với nội dung Điều 10.840 Phần 10 Bộ QCATHK.

23.120 KIỂM TRA NĂNG LỰC NGƯỜI LÁI

a. Năng lực người lái phải được kiểm tra định kỳ bởi Người khai thác tàu bay thông qua kết quả đánh giá việc thực hiện kỹ thuật điều khiển tàu bay và khả năng triển khai quy trình ứng phó khẩn nguy.

b. Năng lực người lái có thể được kiểm tra bởi Người khai thác tàu bay, Nhà chức trách hàng không và phải đảm bảo phù hợp, đáp ứng những yêu cầu đề ra trong trường hợp khai thác tàu bay có sử dụng phương tiện, trang thiết bị điều khiển.

c. Tần suất kiểm tra năng lực người lái theo kế hoạch phù hợp với thực tế nhưng không ít hơn tần suất được nêu tại Chương C Phần 10 Bộ QCATHK.

23.125 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TIẾP VIÊN

a. Người khai thác tàu bay đảm bảo tất cả các tiếp viên của mình phải:

1. Hoàn thành khóa huấn luyện ban đầu và huấn luyện liên tục với nội dung phù hợp với hoạt động khai thác và công việc được giao;

2. Duy trì năng lực hoàn thành công việc được giao.

b. Khóa đào tạo, huấn luyện tiếp viên phải có nội dung phù hợp với nội dung Điều 23.065 Phần này.

23.130 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN ĐIỀU PHÁI

a. Người khai thác tàu bay phải đảm bảo tất cả nhân viên điều phái và nhân viên liên quan đến điều hành khai thác phải:

1. Hoàn thành khóa huấn luyện ban đầu và huấn luyện liên tục với nội dung phù hợp với hoạt động khai thác và công việc được giao;

2. Duy trì năng lực hoàn thành công việc được giao.

b. Khóa đào tạo, huấn luyện nhân viên điều phái phải có nội dung phù hợp với nội dung Điều 23.065 Phần này.

23.140 ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NHÂN VIÊN BẢO DƯỠNG

a. Người khai thác tàu bay tàu bay phải đảm bảo tất cả nhân viên bảo dưỡng:

1. Hoàn thành khóa huấn luyện ban đầu và huấn luyện liên tục với nội dung phù hợp với hoạt động bảo dưỡng và công việc được giao;

2. Duy trì năng lực hoàn thành công việc được giao.

b. Khóa đào tạo, huấn luyện nhân viên bảo dưỡng phải có nội dung phù hợp nêu tại Điều 23.065 Phần này.

PHỤ LỤC 1 CỦA MỤC 23.030: NỘI DUNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KHAI THÁC

a. Tài liệu hướng dẫn khai thác phải bao gồm các chính sách, quy trình đảm bảo:

1. Cung cấp chi tiết chương trình quản lý sự mệt mỏi;

2. Cung cấp thông tin hướng dẫn cho hoạt động của tàu bay bao gồm chiều dài đường cất hạ cánh, biên độ cất hạ cánh, kỹ năng cất cánh;

3. Có quy trình kiểm tra đảm bảo chuyến bay và chỉ được thực hiện khi:

i. Tàu bay đủ điều kiện bay, đăng ký hợp lệ, có các chứng chỉ cần thiết mang theo tàu bay;

ii. Các phương tiện, trang thiết bị được lắp đặt đầy đủ và hoạt động ổn định trong điều kiện bình thường;

iii. Các hoạt động bảo dưỡng được thực hiện phải tuân thủ các quy định đề cập tại Phần 4 Bộ QCATHK;

iv. Tải trọng, cân bằng phải được tính toán để đảm bảo tàu bay hoạt động an toàn trong điều kiện bình thường;

v. Tải phải được phân bố phù hợp và chằng buộc an toàn;

vi. Không được vượt quá những giới hạn khai thác được quy định trong tài liệu hướng dẫn khai thác bay hoặc các tài liệu tương đương.

4. Mô tả hệ thống quản lý khai thác, xác định vai trò, trách nhiệm các cá nhân tham gia hệ thống.

5. Xây dựng kế hoạch bay trên cơ sở tính toán hoạt động của tàu bay, các giới hạn, các điều kiện mong muốn trên đường bay và tại các sân bay liên quan.

6. Quy trình sử dụng hệ thống cung cấp ô-xy.

7. Đảm bảo nguồn cấp ô-xy ở mức tối thiểu cho phép cho tổ bay và hành khách.

8. Quy trình tra nạp nhiên liệu an toàn khi có hành khách trên khoang.

9. Quy trình thực hiện tiếp cận bằng trang thiết bị.

10. Quy trình sử dụng và kiểm tra các thiết bị ghi tham số bay.

11. Quy trình lưu giữ hồ sơ thông tin thiết bị ghi tham số bay trong trường hợp có tai nạn, sự cố.

12. Phương thức thiết lập độ cao so với mặt địa hình trong trường hợp bay bằng thiết bị đối với chuyến bay theo quy tắc bay bằng thiết bị.

13. Các quy định chung liên quan đến các giới hạn khai thác của sân bay. Không được khai thác với các giới hạn khai thác nhỏ hơn giới hạn khai thác của sân bay quy định bởi quốc gia có sân bay khai thác trừ khi có quy định riêng của quốc gia đó.

14. Quy trình đảm bảo hành lý xách tay hoặc ký gửi của hành khách được vận chuyển riêng biệt và an toàn trong suốt chuyến bay.

15. Không được thực hiện mô phỏng bay bằng thiết bị, mô phỏng tình huống bất thường hoặc khẩn nguy trên chuyến bay, khi hành khách đang ở trên tàu bay.

16. Có quy trình hướng dẫn hành khách như quy định tại Điều 10.300 Phần 10 Bộ QCATHK.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng